



Công ty cổ phần đầu tư &  
sản xuất Petro Miền Trung



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2018

The background of the entire page is a dark, monochromatic silhouette of an offshore oil rig. The rig's complex structure, including its derrick, cranes, and various platforms, is rendered in black against a gradient background that transitions from a dark blue at the top to a lighter, hazy orange at the bottom, suggesting a sunset or sunrise. The rig is positioned on the left side of the frame, with its main derrick extending vertically. Other smaller structures and cranes are visible in the distance, creating a sense of depth and scale.

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

## **2018**

**Công ty cổ phần đầu tư  
& sản xuất Petro Miền Trung**

# MỤC LỤC

## THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 6

### I. THÔNG TIN CHUNG 8

- |  |    |
|--|----|
| 1. Thông tin tổng quan                   | 10 |
| 2. Quá trình hình thành và phát triển    | 12 |
| 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh      | 14 |
| 4. Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi  | 18 |
| 5. Sơ đồ tổ chức – Cơ cấu bộ máy quản lý | 20 |

### II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 28

- |  |    |
|--|----|
| 1. Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành | 30 |
| 2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 | 34 |

### III. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP 38

- |   |    |
|---|----|
| 1. Giới thiệu HĐQT, BKS và Ban điều hành  | 40 |
| 2. Báo cáo của HĐQT   | 45 |
| 3. Báo cáo của Ban kiểm soát  | 50 |
| 4. Thông tin cổ phiếu và quan hệ cổ đông  | 52 |
| 5. Báo cáo quản trị rủi ro  | 56 |
| 6. Báo cáo phát triển bền vững  | 61 |
| 7. Phân tích thè điển quản trị dựa trên Thè điểm Quản trị Công ty khu vực Asean | 64 |

### IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 78

- |                                 |     |
|---------------------------------|-----|
| 1. Báo cáo tài chính Công ty mẹ | 80  |
| 2. Báo cáo tài chính hợp nhất   | 126 |



# THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Kính gửi : Quý Cổ đông và Nhà đầu tư

Ngày 25/01/2018, Công ty cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung chính thức được niêm yết trên sàn chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán PMG, theo Quyết định niêm yết số 491/QĐ-SGDHCM ngày 27/12/2017 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Sự kiện này đã đánh dấu một bước phát triển nhảy vọt trong quá trình phát triển của Công ty, góp phần quảng bá thương hiệu PMG trên toàn quốc và trong khu vực.

Trong năm qua, dự án tồn trữ và chiết nạp khí dầu mỏ hóa lỏng LPG (gas) tại Cụm công nghiệp Thủy Phương, phường Thủy Phương, Thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế và Nhà máy tồn trữ và chiết nạp khí dầu mỏ hóa lỏng LPG (gas) tại xã Tam Hiệp – Huyện Núi Thành – Tỉnh Quảng Nam đã đi vào hoạt động ổn định, góp phần khai thác tốt thị trường sẵn có, mở rộng thị phần sang các địa bàn lân cận và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Với những lợi thế lớn trong ngành, trong năm qua Công ty đã tiếp tục mở rộng địa bàn kinh doanh, đưa sản phẩm khí hóa lỏng LPG xuất khẩu sang thị trường Campuchia. Chính vì vậy, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 của Công ty hoàn thành vượt mức so với kế hoạch đã đề ra. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh cốt lõi tiếp tục đóng góp vai trò quan trọng vào Lợi nhuận của cả Công ty. Bên cạnh đó trong năm 2018, Ban lãnh đạo tiếp tục đẩy mạnh phát triển mảng kinh doanh cốt lõi, thu hồi và thanh lý các khoản đầu tư không còn nằm trong chiến lược phát triển dài hạn, nâng cao năng lực tài chính của toàn hệ thống.

Thành quả đạt được nêu trên là nhờ vào sự đồng lòng của toàn thể Ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên trong Công ty, dựa trên chiến lược kinh doanh dài hạn được Đại hội đồng cổ đông giao phó cùng với sự chèo lái tài tình nhạy bén của Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Công ty với nhiều năm kinh nghiệm lĩnh vực dầu khí.

Về công tác quản trị, Công ty đã thực hiện tốt việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo hướng dẫn Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015; Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng và các văn bản luật hiện hành có liên quan khác.

Song song với công tác quản trị, mối quan hệ với các cổ đông, nhà đầu tư cũng được Ban lãnh đạo Công ty chú trọng. Điển hình, trong năm 2018 Công ty đã tổ chức 03 cuộc gặp gỡ nhà đầu tư và chuyên viên phân tích đầu tư. Đầu tiên ngày 09/03/2018 tổ chức gặp gỡ các nhà đầu tư và chuyên viên phân tích đầu tư nhân sự kiện khai trương Nhà máy Nhà máy tồn trữ và chiết nạp khí dầu mỏ hóa lỏng LPG (gas) tại xã Tam Hiệp – Huyện Núi Thành – Tỉnh Núi Thành; tiếp đến tổ chức gặp gỡ các nhà đầu tư và chuyên viên phân tích đầu tư tại Hà Nội ngày 15/10/2018 và tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 18/10/2018 để tăng cường gắn kết giữa với các nhà đầu tư. Thông qua các sự kiện này, Công ty đã tạo được niềm tin đối với nhà đầu tư, cổ đông và các nhà đầu tư tiềm năng khác.

Về kế hoạch kinh doanh năm 2019, dự báo thị trường Gas tiếp tục phát triển ổn định, Công ty

xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp trên cơ sở cân nhắc kỹ lưỡng các yếu tố sản xuất cả bên trong và ngoài doanh nghiệp, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2019 được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Cụ thể tập trung vào việc: Tiếp tục mở rộng thị trường kinh doanh trong đó có hoạt động tìm kiếm và thực hiện M&A các Công ty cùng ngành nghề trong lĩnh vực gas có hạ tầng sẵn có, uy tín và thị phần phân phối tại các địa bàn mà Công ty chưa có hoặc đang chiếm tỷ trọng phân phối thấp theo chiến lược kinh doanh của Công ty; phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao, nâng cao tính cạnh tranh; tiêu chuẩn hóa hệ thống quản lý; tối thiểu hóa chi phí và các giải pháp khác phù hợp với tình hình thực tế.

Trên đây là một số điểm khái quát về tình hình hoạt động của Công ty trong năm qua.



// **Cuối cùng, thay mặt cho Công ty cổ phần đầu tư và sản xuất Miền Trung trân trọng cảm ơn đến quý khách hàng, quý đối tác và trên hết là các quý cổ đông đã nhiệt tình hỗ trợ, đồng hành với Công ty trong suốt thời gian qua và hy vọng tiếp tục nhận được sự tin tưởng, ủng hộ và đóng góp kinh nghiệm quý báu trong thời gian sắp tới.**

**Kính chúc quý cổ đông, nhà đầu tư sức khỏe, hạnh phúc và thành công!** //

Chủ tịch hội đồng quản trị

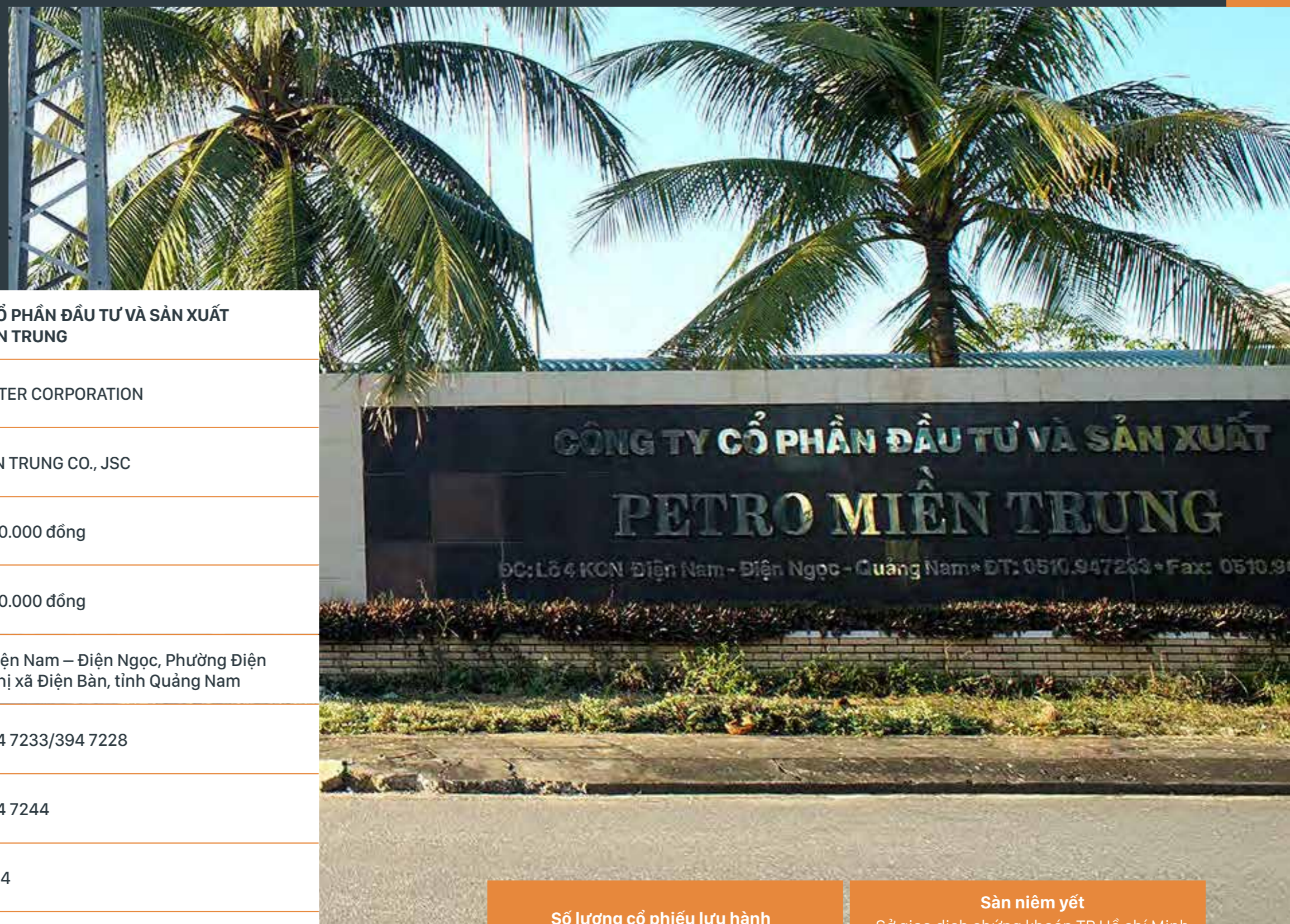
**Nguyễn Tiến Lãng**



**THÔNG TIN CHUNG**

# 1. THÔNG TIN TỔNG QUAN

Tên công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG
Tên nước ngoài	PETRO CENTER CORPORATION
Tên viết tắt	PETRO MIEN TRUNG CO., JSC
Vốn điều lệ	379.498.470.000 đồng
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	379.498.470.000 đồng
Trụ sở chính	Lô 4 KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Nam Bắc, Thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
Số điện thoại	84-235. 394 7233/394 7228
Số Fax	84-235. 394 7244
Mã số thuế	4000462724
Email	info@petrocenter.com.vn
Website	www.petrocenter.com.vn



**Số lượng cổ phiếu lưu hành**  
37.949.847 cổ phiếu tại ngày 31/12/2018

**Sàn niêm yết**  
Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE)

**Số lượng cổ phiếu quỹ**  
0 cổ phiếu tại ngày 31/12/2018

**Mã chứng khoán**  
PMG

## 2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



## 3. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

### Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy đăng ký doanh nghiệp số 4000462724 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp đăng ký lần đầu ngày 09/05/2007, thay đổi lần thứ 18 ngày 14/09/2018, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm :

TT	Ngành
1	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
2	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại
3	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
4	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
5	Sản xuất sản phẩm từ plastic
6	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản
7	Vận tải hành khách đường bộ khác
8	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
9	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu
10	Bán buôn đồ uống
11	Bán buôn kim loại và quặng kim loại
12	Đại lý, môi giới, đấu giá
13	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
14	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình



### Sản phẩm, dịch vụ chính của Công ty

Hoạt động của Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung là phân phối bình Gas (bình chứa gas loại 12 kg và loại 45 kg) bao gồm nhập khẩu khí hóa lỏng LPG tồn trữ và chiết nạp khí hóa lỏng, sản xuất vỏ bình gas và là đầu mối cung cấp Gas cho thị trường khu vực Miền Trung, Miền Nam và Tây Nguyên.

**1. Nhập khẩu khí Gas từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước:** Công ty có 02 cầu cảng xuất nhập khẩu LPG tại cảng Đồng Nai và cảng Chu Lai trong khu kinh tế mở Chu Lai, có thể đón tàu tải trọng từ 05 đến 20.000 tấn.

**2. Trữ khí vào các tổng kho của Công ty tại các vùng Miền Trung:** Khí sau khi được nhập khẩu từ các nhà cung cấp nước ngoài cũng được nhập khẩu nội địa trong nước sẽ được lưu trữ vào các tổng kho của Công ty

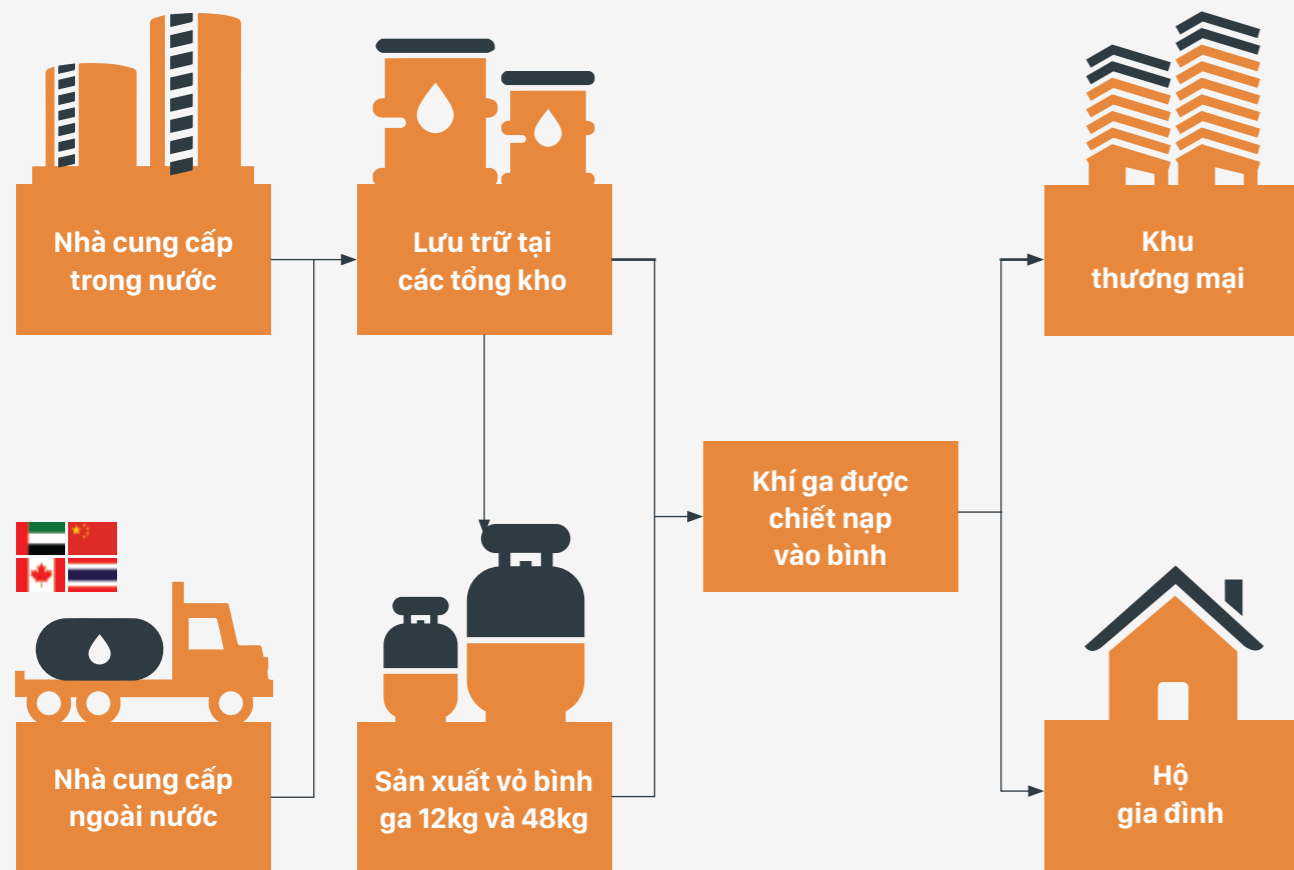
**3. Sản xuất vỏ bình gas khối lượng 12 kg và 45 kg:** Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh và lượng khí dự kiến tiêu thụ, Công ty tiến hành sản xuất vỏ bình gas loại 12 kg và loại 45 kg.

**4. Chiết nạp khí Gas vào bình:** Khí gas sẽ được chiết vào 02 loại bình đã được sản xuất ở bước 3 để phân phối đến người tiêu dùng. Trong công đoạn này vấn đề an toàn lao động, phòng chống cháy nổ được Công ty đặc biệt quan tâm.

**5. Phân phối gas đến người tiêu dùng:** Sau khi được sản xuất, các sản phẩm của Công ty (bình chứa gas loại 12 kg và loại 45 kg) sẽ được cấp cho đại lý lớn và bán lẻ đến từng hộ gia đình, cá nhân trong vùng. Công ty đã xây dựng cho mình một số khách hàng truyền thống lớn trong vùng qua thời gian hoạt động. Công ty tham gia chiết nạp khí gas và chuyên cung cấp gas cho các hộ gia đình tư nhân và một số doanh nghiệp lớn như Công ty cổ phần Đồng Tâm Miền Trung, Công ty TNHH Trung Hiếu, THACO Trường Hải, Công ty cổ phần thương mại dịch vụ An Hiệp Lợi, Công ty TNHH Gas Lâm Sơn, Công ty Cổ phần kinh doanh dầu khí Quảng Bình, DNTN dịch vụ Gas Hạnh Nguyên, Công ty TNHH Tân Nhà Việt ... thị phần cung cấp Miền Trung chiếm 70% doanh thu bán hàng hóa của Công ty với 03 nhãn hiệu sản phẩm là V – gas, PM gas và Picnic – Vip

Đồng thời, Công ty tiến hành tự sản xuất vỏ bình gas để chủ động trong quá trình chiết gas, cung cấp cho đại lý và phân phối đến người tiêu dùng trong khu vực.





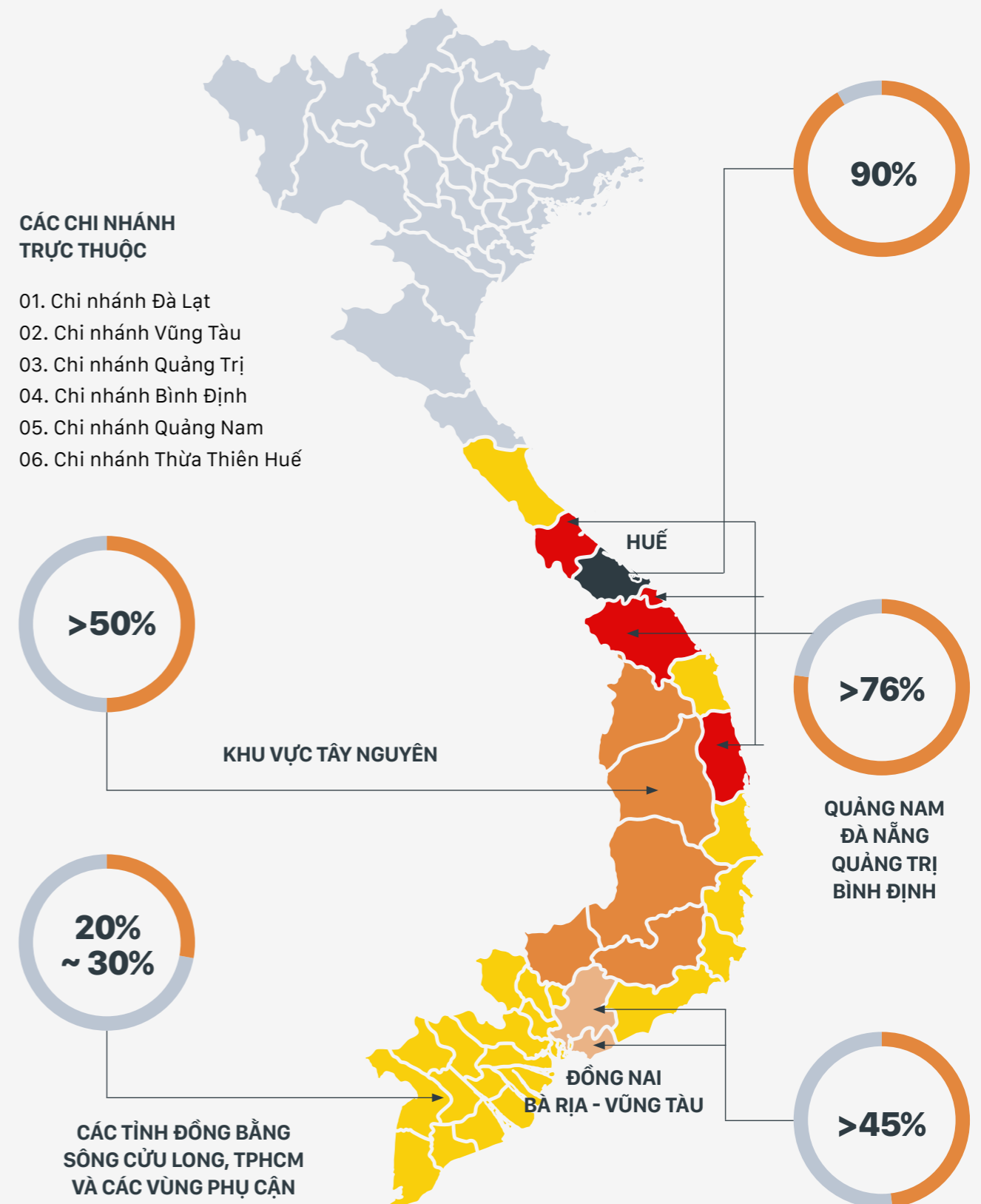
Theo nghiên cứu, Khí hóa lỏng - Khí gas hay còn gọi đầy đủ là khí dầu mỏ hóa lỏng LPG (Liquefied Petroleum Gas) là một nhóm các loại khí Hydro-Carbon có thành phần chính là propan C<sub>3</sub>H<sub>8</sub> và butan C<sub>4</sub>H<sub>10</sub>. LPG tồn tại trong thiên nhiên ở các giếng dầu hoặc giếng gas và cũng có thể sản xuất ở các nhà máy lọc dầu. Nguyên liệu ban đầu dùng để sản xuất LPG là dòng khí thiên nhiên khai thác từ các mỏ dầu hoặc qua quá trình xử lý dầu thô để thu được LPG. Trong điều kiện nhiệt độ và áp suất không khí thông thường, LPG thường ở thể khí tuy nhiên nó được gọi là khí dầu mỏ hóa lỏng vì các chất khí này có thể được hóa lỏng khi nén lại (mà không cần qua làm lạnh) nhằm thuận tiện cho việc tồn trữ và vận chuyển. LPG không màu, không mùi nhưng chúng ta vẫn thấy gas có mùi vì chúng đã được cho thêm chất tạo mùi trước khi cung cấp cho người tiêu dùng để dễ dàng phát hiện ra khi có sự cố rò rỉ gas.

Mỗi kg LPG cung cấp khoảng 12.000 kcal năng lượng, tương đương nhiệt năng của 2 kg than củi hay 1,3 lít dầu hỏa hoặc 1,5 lít xăng. Việc sản sinh ra các loại chất khí NO<sub>x</sub>, khí độc và tạp chất trong quá trình cháy thấp đã làm cho LPG trở thành một trong những nguồn nhiên liệu thân thiện với môi trường. LPG được sử dụng đa dạng trong công nghiệp như : nhiên liệu trong công nghiệp xử lý thực phẩm, làm giấy, làm hạt nhựa và thậm chí làm chất nổ, làm nhiên liệu để chạy turbine phát điện, làm chất làm lạnh, đầu vào cho công nghiệp hóa chất. Trong nông nghiệp và dân dụng, LPG được sử dụng để sấy khô nông sản, sưởi ấm, làm nhiên liệu trong nấu nướng, nhiên liệu cho phương tiện vận tải... LPG bắt đầu được sử dụng ở Việt Nam từ những năm đầu thập niên 90 của thế kỷ 20, với sản lượng ban đầu chỉ khoảng 50.000 tấn/năm thông qua nhập khẩu và sử dụng chủ yếu trong lĩnh vực dân dụng. Ngoài nguồn LPG trong nước, hiện tại một nửa nhu cầu LPG của Việt Nam phải nhập khẩu.

## Địa bàn kinh doanh

### CÁC CHI NHÁNH TRỰC THUỘC

01. Chi nhánh Đà Lạt
02. Chi nhánh Vũng Tàu
03. Chi nhánh Quảng Trị
04. Chi nhánh Bình Định
05. Chi nhánh Quảng Nam
06. Chi nhánh Thừa Thiên Huế



## 4. TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI

### TẦM NHÌN



### GIÁ TRỊ CỐT LÕI



- **Đối với cổ đông và nhà đầu tư:** Định kỳ đối thoại với các cổ đông, tạo sự bình đẳng, minh bạch thông tin, tạo ra giá trị cao nhất cho cổ đông.
- **Đối với khách hàng:** Cung ứng sản phẩm chất lượng, kịp thời, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng, xây dựng môi trường văn hóa an toàn, không ngừng cải tiến, đem đến cho khách hàng giá trị cao nhất với tôn chỉ **"RA ĐỜI ĐỂ PHỤC VỤ"**.

- **Đối với đối tác kinh doanh:** Phát triển mối quan hệ dựa nguyên tắc tôn trọng lợi ích của các bên tham gia nhằm tạo ra những sản phẩm có chất lượng tốt nhất cho xã hội.
- **Đối với cộng đồng xã hội:** Thực hiện tốt trách nhiệm đối với Nhà nước, tạo công ăn việc làm đối với xã đặc biệt khó khăn.
- **Đối với nhân viên:** Tôn trọng sự đóng góp của nhân viên, tạo môi trường làm việc thân thiện, khuyến khích và trân trọng những ý kiến độc lập và sáng tạo của nhân viên góp phần vào sự phát triển Công ty.

## 5. CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY



## Các công ty con

### Công ty Cổ phần dầu khí V – Gas

#### Địa chỉ

Số 1A/8, đường Châu Văn Lồng, Khu phố Long Điền, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

#### Vốn điều lệ

**225 tỷ đồng**

#### Giấy chứng nhận doanh nghiệp số

3603202837

#### Tỷ lệ sở hữu vốn

**85,56%**

#### Ngành nghề kinh doanh

Kinh doanh khí hoá lỏng

### Công ty cổ phần Gas Miền Trung (Tên gọi cũ : Công ty TNHH Gas Miền Trung)

#### Địa chỉ

Lô 6 KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

#### Vốn điều lệ

**180 tỷ đồng**

#### Giấy chứng nhận doanh nghiệp số

4000354775

#### Tỷ lệ sở hữu vốn

**93,89%**

#### Ngành nghề kinh doanh

Kinh doanh khí hoá lỏng

### Công ty TNHH Trung Nam

#### Địa chỉ

8 G Khu phố II, Phường Hiệp Thành, Quận 12, TP Hồ Chí Minh

#### Vốn điều lệ

**15 tỷ đồng**

#### Giấy chứng nhận doanh nghiệp số

0302137561

#### Tỷ lệ sở hữu vốn

**65%**

#### Ngành nghề kinh doanh

Kinh doanh khí hoá lỏng

## Các tổng kho, đơn vị trực thuộc

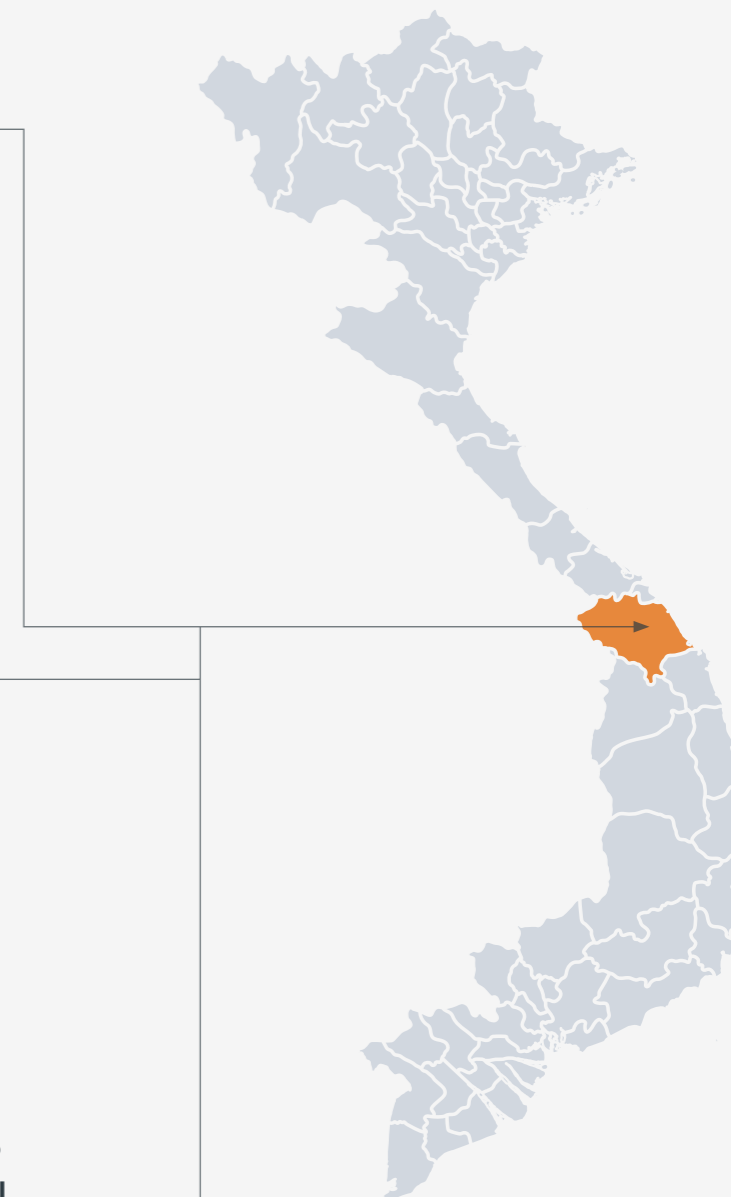
### 1. TỔNG KHO VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI LÔ 4 KCN ĐIỆN NAM - ĐIỆN NGỌC



### 2. TỔNG KHO VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI LÔ 6 KCN ĐIỆN NAM – ĐIỆN NGỌC



### 3. TỔNG KHO TỒN TRỮ, CẢNG XUẤT NHẬP KHẨU GAS CÙNG NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI KHU KINH TẾ MỞ CHU LAI



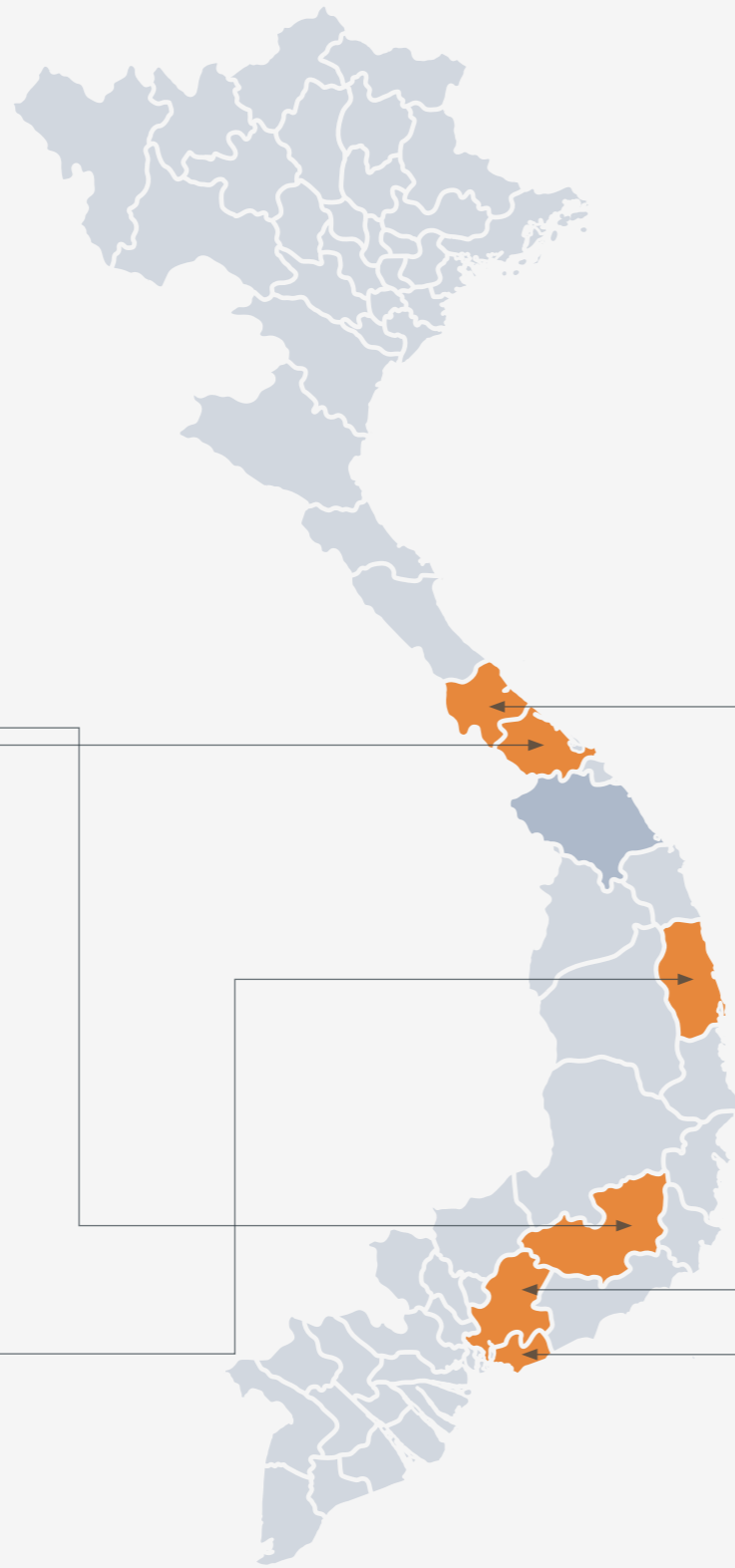
**4. KHO TỒN TRỮ VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI HUẾ**



**5. KHO TỒN TRỮ VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI LÂM ĐỒNG**



**6. KHO TỒN TRỮ VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI BÌNH ĐỊNH**



**9. CẢNG XUẤT, NHẬP LPG, TỔNG KHO VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI ĐỒNG NAI**



**8. KHO TỒN TRỮ VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI QUẢNG TRỊ**



**7. KHO TỒN TRỮ VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI VŨNG TÀU**



**10. NHÀ MÁY SẢN XUẤT VỎ BÌNH GAS KCN PHÚ MỸ - BÀ RỊA VŨNG TÀU**



**CÁC TỔNG KHO, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC**

## 6. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Với quyết tâm đổi mới sáng tạo trong những năm qua, Ban lãnh đạo Công ty đã phát triển mọi nguồn lực đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển triển khai xây dựng nhà máy tồn trữ và chiết nạp khí LPG theo chiến lược từ nay đến năm 2025 : Công ty duy trì vị thế sẵn có và tiếp tục phát triển lĩnh vực sản xuất vỏ bình gas, nâng cao tính cạnh tranh, tăng giá trị doanh nghiệp trong đó có cổ đông, người lao động và mang lại lợi ích cho đối tác, cộng đồng xã hội.

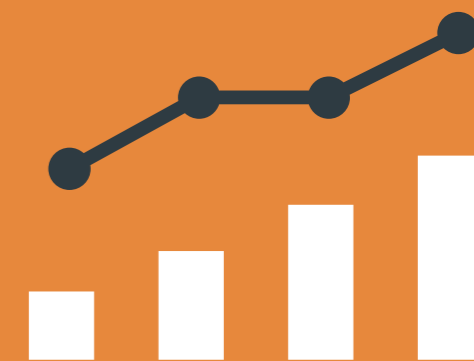
Mở rộng thị phần, đào tạo lao động có tay nghề cao, tuyển dụng thêm lao động để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của Công ty. Công ty xem con người là yếu tố sống còn để tồn tại và phát triển do đó để mở rộng thị phần, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh việc đào tạo lao động, tuyển dụng thêm lao động nhằm hình thành đội ngũ CBCNV có trình độ chuyên môn và tay nghề cao, có tính kỷ luật, tác phong công nghiệp, giao tiếp tốt và các kỹ năng khác có uy tín chất lượng.

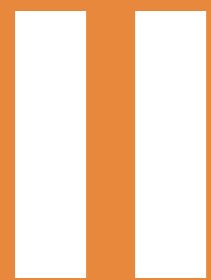
Song song với công tác nhân sự, đào tạo tiếp tục nghiên cứu đầu tư và ứng dụng công nghệ vào dây chuyền sản xuất kinh doanh Công ty, quan tâm đến bảo vệ môi trường vì sức khỏe của CBCNV nói riêng và cộng đồng dân cư nói riêng nhằm phát triển hài hòa tăng tính bền vững phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty. Trên cơ sở không ngừng hoàn thiện và nâng cao chất lượng quản trị, đảm bảo an toàn chất lượng, hiệu quả bền vững.

Đa dạng hóa sản phẩm, lấy trọng tâm là sản xuất – nhập khẩu – kinh doanh bán buôn, đồng thời phát triển bán lẻ đáp ứng nhu cầu thị trường. Phát huy tối đa nguồn lực đồng thời tận dụng các nguồn lực bên ngoài phát triển ngày càng lớn mạnh thị trường trong nước và nước ngoài



Bên cạnh đó, Công ty cũng sẽ tiếp tục tìm kiếm đối tác chiến lược có uy tín, có kinh nghiệm và có khả năng hỗ trợ Petro Miền Trung lâu dài trong việc tái cấu trúc hệ thống kinh doanh, quản trị phù hợp với chiến lược xây dựng và phát triển của Petro Miền Trung, hướng đến thị trường trong khu vực.





**BÁO CÁO  
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG**

# 1. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

## Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh



TỔNG DOANH THU NĂM 2018

# 1.259

TỶ ĐỒNG



TĂNG

# 36,85%

SO VỚI NĂM 2017

Năm 2018 chứng kiến giá dầu thế giới trải qua nhiều lần biến động. Giá dầu Brent bình quân ở mức là : 71,76 USD, tính chung năm 2018 giá giảm rất mạnh đánh dấu năm giảm đầu tiên kể từ năm 2015. Nguyên nhân là do lo ngại dư cung và các yếu tố tác động liên quan đến lệnh trừng phạt của Mỹ đối với Iran, khiến người mua làng tránh thị trường trong quý cuối năm. Trong 10 tháng đầu năm, giá dầu Brent đã tăng lên gần 1/3, lên mức cao 86,74 USD, mức cao nhất kể từ cuối năm 2014 do lo ngại lệnh trừng phạt của Mỹ đối với Iran, gây lo ngại thiếu hụt nguồn cung.v Tuy nhiên, khi washinton đưa ra các miễn trừ trừng phạt bất ngờ cho những người mua dầu lớn nhất của Iran, cùng với mối lo ngại về tình trạng dư cung toàn cầu và tăng trưởng kinh tế chậm chạp đã ép giá sụt giảm mạnh trong quý cuối năm 2018.

// **Là doanh nghiệp hoạt động trong ngành khí hóa lỏng LPG nên kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung phụ thuộc chặt chẽ vào giá dầu trên thế giới. Nhận thức được vấn đề này, khi lên kế hoạch kinh doanh cho năm 2018, Ban lãnh đạo và các phòng ban đơn vị trực thuộc, các Công ty con đưa ra kế hoạch chi tiết của đơn vị mình quản lý; đồng thời, áp dụng các biện pháp linh hoạt, phù hợp với diễn biến thị trường để triển khai thực hiện kế hoạch, đưa Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đã đề ra.** //

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Tăng trưởng
Tổng doanh thu	920	1.259	36,85%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	58	104	79,31%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	48	78	62,50%

**Về nhà cung cấp, khách hàng:** Tiếp tục duy trì và mở rộng thị trường nội địa sẵn có, cải thiện chất lượng dịch vụ Ngoài nhà cung cấp thị trường trong nước truyền thống, Công ty còn ký hợp đồng với các nhà nhập khẩu nước ngoài là doanh nghiệp Thái Lan là Công ty TNHH PTT oil và business Public; và ngoài việc khách hàng là thị trường trong nước, Công ty còn xuất khẩu thị trường Campuchia là Công ty TNHH Energy Giant & trading và Công ty TNHH KNHC Engineering...

Cũng trong năm 2018, Ban lãnh đạo tiếp tục đẩy mạnh tối ưu hóa các khoản đầu tư tài chính: Gia tăng tỷ lệ sở hữu tại các doanh nghiệp có lợi thế trong ngành, Thu hồi các khoản đầu tư không hiệu quả. Cụ thể:

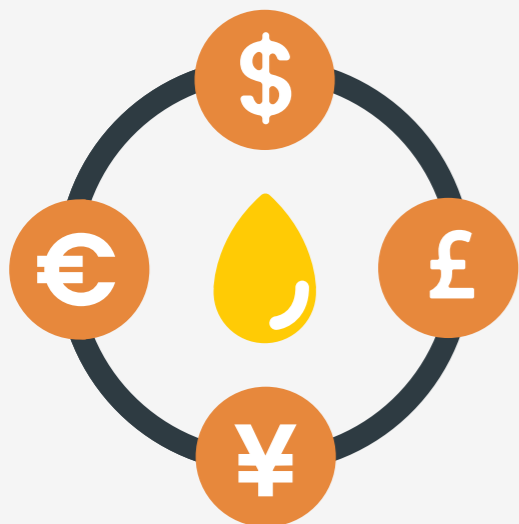
- 1 Đầu tư thêm vào Công ty cổ phần Gas Miền Trung và Công ty cổ phần dầu khí V- Gas**
- 2 Thoái vốn Công ty Cổ phần Đầu tư & sản xuất Gas Việt Thái**



Bên cạnh đó, công tác nghiên cứu phát triển được Petro Miền trung tập trung phát triển trong năm 2018. Công ty đã quyết liệt triển khai các giải pháp để đổi mới và nâng cao hiệu quả của hoạt động nghiên cứu phát triển theo hướng chú trọng khả năng ứng dụng, bám sát nhu cầu thị trường đồng thời tận dụng các lợi thế của Công ty.



## Các chỉ tiêu tài chính cơ bản



“ Với kết quả kinh doanh tốt và việc quản lý tài chính chặt chẽ, năm 2018, Công ty tiếp tục duy trì ổn định các chỉ số tài chính ở mức an toàn, đáp ứng và giữ vững niềm tin của cổ đông. ”



**ROE** **18,40%**  
11,88% ▲

**ROA** **6,71%**  
4,12% ▲

Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,52	0,49
- Hệ số thanh toán nhanh [(TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	0,45	0,46
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
- Tổng nợ phải trả/Tổng tài sản	Lần	0,60	0,64
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,53	1,80
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	29,24	42,10
- Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Lần	0,78	0,92
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,29	7,20
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/NVCSH (ROE)	%	11,88	18,40
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	%	4,12	6,71
- Tỷ suất Lợi nhuận HĐSXKD/Doanh thu thuần	%	5,53	6,58

## 2. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

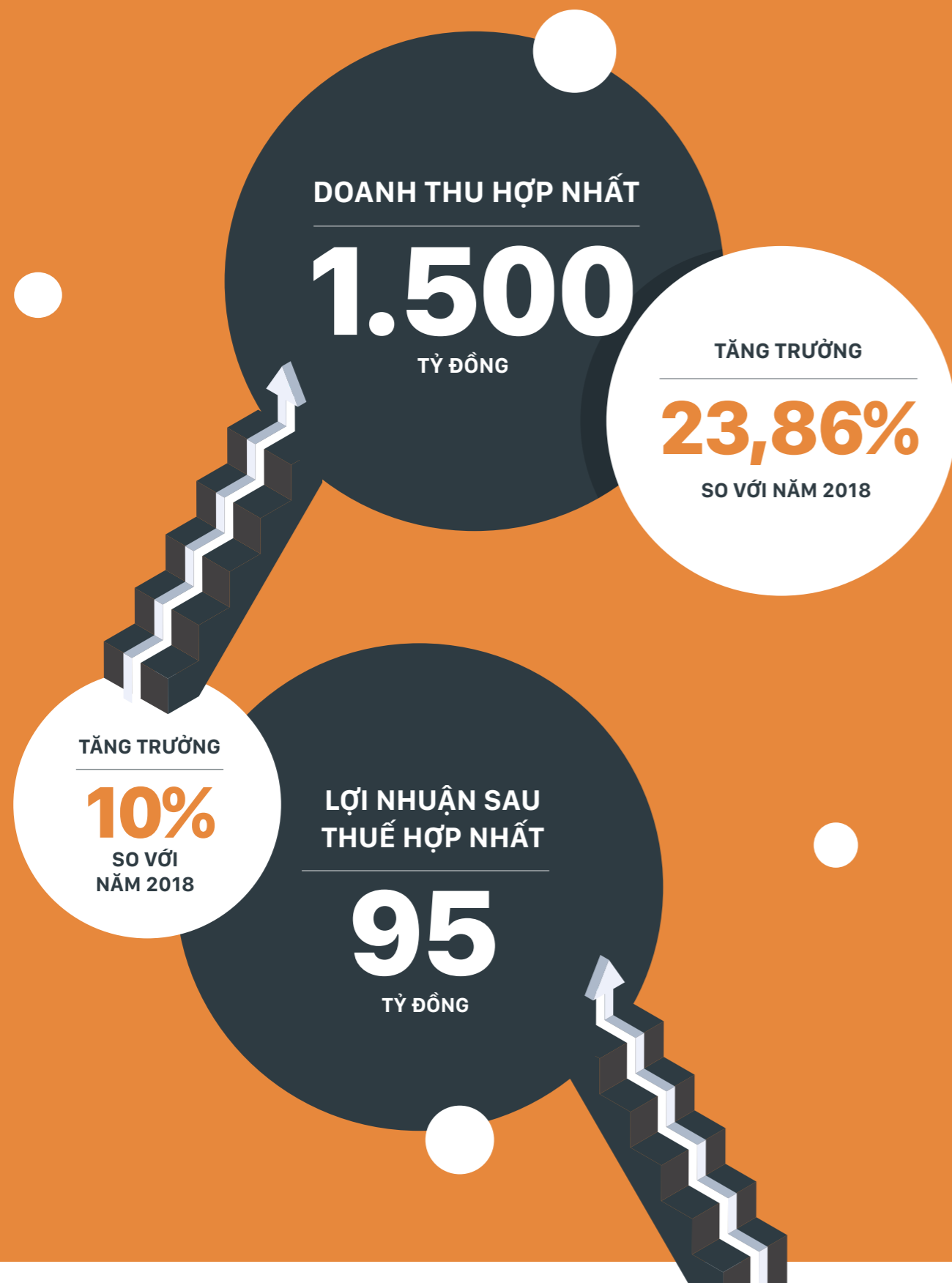
// Bên cạnh các điều kiện thuận lợi từ các kết quả nổi bật trong năm 2018 về ổn định vĩ mô, tăng trưởng kinh tế, kiểm soát lạm phát, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và đẩy mạnh hội nhập, hợp tác kinh tế quốc tế, kinh tế - xã hội nước ta năm 2019 dự báo vẫn đối mặt với các thách thức đến từ nội tại của nền kinh tế. //

## Triển vọng nền kinh tế năm 2019

Kết quả năm 2018 cho thấy kinh tế - xã hội nước ta tiếp tục khởi sắc với tăng trưởng GDP đạt mức cao nhất trong 11 năm qua. Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực; chất lượng tăng trưởng được cải thiện. Sản xuất nông nghiệp đạt kết quả khá; công nghiệp chế biến, chế tạo và dịch vụ thị trường tiếp tục tăng cao, giữ vững vai trò là động lực tăng trưởng. Thực hiện vốn đầu tư phát triển hiệu quả hơn với nhiều năng lực sản xuất mới được bổ sung cho nền kinh tế. Môi trường kinh doanh đang ngày càng cải thiện. Tiêu dùng tăng cao, xuất khẩu và thu hút khách du lịch quốc tế đạt khá. Tình hình giải quyết việc làm và an sinh xã hội được quan tâm thực hiện. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, nền kinh tế vẫn còn những tồn tại, thách thức: Quá trình cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng có chuyển biến nhưng còn chậm; năng suất lao động còn thấp, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao. Biến đổi khí hậu, thiên tai, bão, lũ, dịch bệnh diễn biến phức tạp có thể ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và đời sống của nhân dân.

Năm 2019 có ý nghĩa rất quan trọng trong việc hoàn thành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020. Dự báo kinh tế thế giới trong năm 2019 vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro, thách thức. Hoạt động thương mại quốc tế phức tạp hơn với các yếu tố khó lường bởi chủ nghĩa bảo hộ ở nhiều nước, đặc biệt là căng thẳng của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung. Ở trong nước, bên cạnh các điều kiện thuận lợi từ kết quả nổi bật trong năm 2018 về ổn định vĩ mô, tăng trưởng kinh tế, kiểm soát lạm phát, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và đẩy mạnh hội nhập, hợp tác kinh tế quốc tế, kinh tế - xã hội nước ta năm 2019 dự báo vẫn đối mặt với các thách thức đến từ nội tại của nền kinh tế, như: Trình độ công nghệ thấp, đất đai, tài nguyên đang dần bị suy giảm trong khi năng suất, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế tuy có chuyển biến nhưng chưa thực sự đột phá. Bên cạnh đó, từ năm 2019 việc thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế đã ký, nhất là cam kết về mở cửa thị trường, cắt giảm thuế, bảo đảm sở hữu trí tuệ sẽ mang lại cơ hội cho Việt Nam trong thu hút các nguồn lực từ nước ngoài, nhưng đồng thời cũng là áp lực không nhỏ đối với khu vực kinh tế trong nước. Biến đổi khí hậu, thiên tai, bão, lũ luôn là thách thức tiềm ẩn, tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

## Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019



## CÁC GIẢI PHÁP CHÍNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2019

**1.**

Từ kế hoạch chung của Công ty phân bổ thành các nhiệm vụ của từng phòng ban, yêu cầu các phòng ban xây dựng kế hoạch hoạt động giao từng cá nhân và các giải pháp giám sát thực hiện các công việc. Trên cơ sở kế hoạch được giao, đánh giá mức độ hoàn thành, gắn vào việc trả lương thưởng theo kế hoạch được duyệt.

**2.**

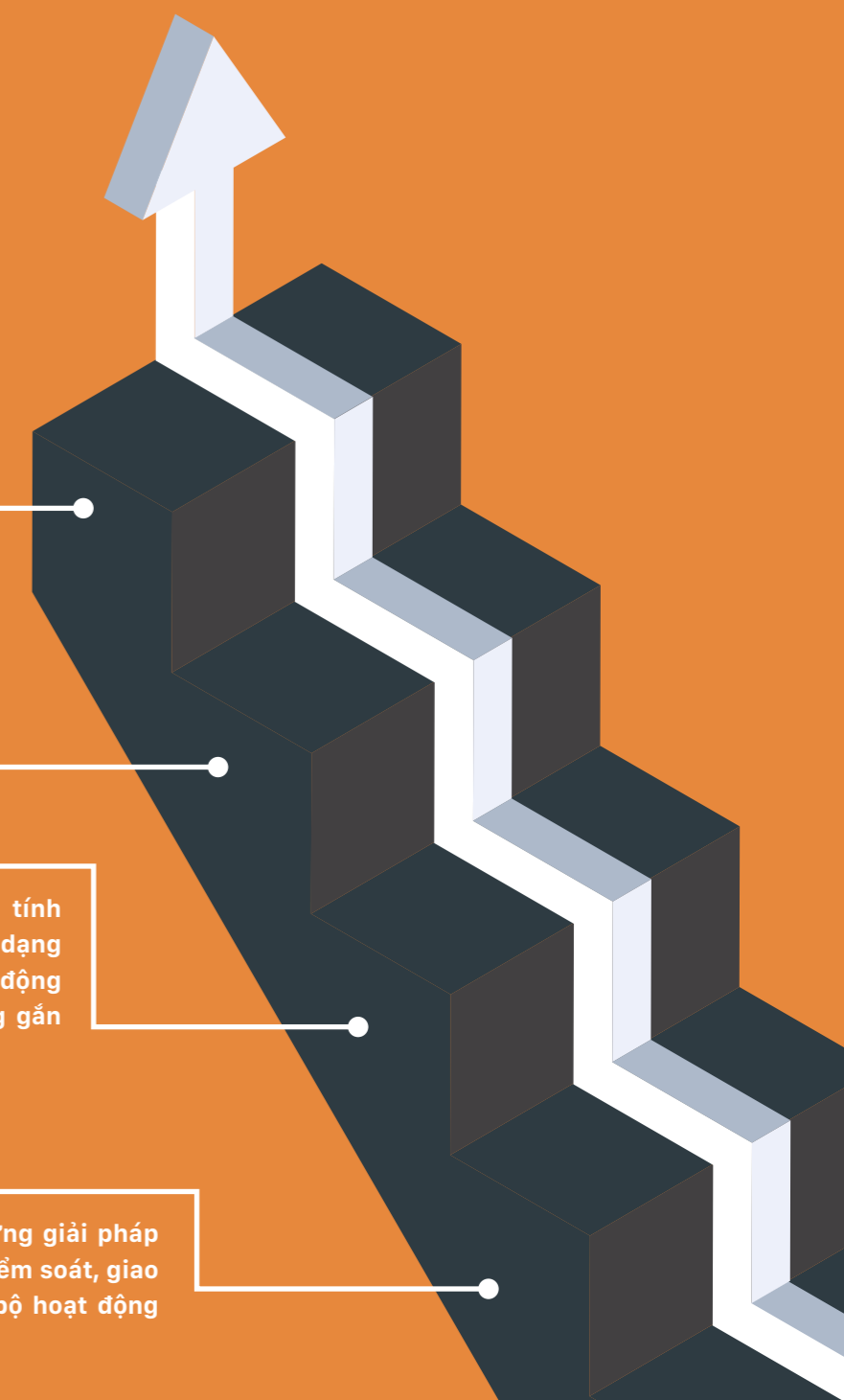
Điều chỉnh chính sách bán hàng để tạo sự đồng thuận và ủng hộ từ khách hàng, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho khách hàng hoàn thành doanh số.

**3.**

Đổi mới hoạt động Marketing nâng cao tính chuyên nghiệp, áp dụng Marketing số, đa dạng các hình thức, tập trung vào các hoạt động marketing tại điểm bán. Chi phí marketing gắn với tăng trưởng doanh thu.

**4.**

Quy định hạn mức chi phí, yêu cầu xây dựng giải pháp thực hiện hạn mức bao gồm cả giải pháp kiểm soát, giao trách nhiệm cho các bộ phận, trong toàn bộ hoạt động doanh nghiệp.





**QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP**

# 1. GIỚI THIỆU HĐQT, BKS VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

## DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



### ÔNG NGUYỄN TIẾN LÃNG

**Chức vụ:** Chủ tịch HĐQT thành viên HĐQT không điều hành  
**Ngày tháng năm sinh:** 03/10/1968  
**Nơi sinh:** Đà Nẵng

**Quốc tịch:** Việt Nam  
**Địa chỉ thường trú:** 8 G khối phố 5, Phường Hiệp Thành, Quận 12, TP Hồ Chí Minh  
**CMND:** 025473008  
**Trình độ chuyên môn:** Đại học chuyên ngành quản trị kinh doanh  
**Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gas Miền Trung  
**Quá trình công tác**  
 - Năm 2013 - 2017: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gas Miền Trung  
 - 28/6/2017 - 07/12/2017: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gas Miền Trung  
**Hành vi vi phạm pháp luật:** Không

**SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐANG NẪM GIỮ**

**13.282.500**  
cổ phần

**35%**  
vốn điều lệ



### BÀ NGUYỄN THỊ BÍCH THÙY

**Chức vụ:** Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc  
**Ngày tháng năm sinh:** 19/06/1977  
**Nơi sinh:** Đà Nẵng

**Quốc tịch:** Việt Nam  
**Địa chỉ thường trú:** 53 Đoàn Thị Điểm, Phường Hải Châu II, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng  
**CMND:** 201300482  
**Trình độ chuyên môn:** Đại học chuyên ngành quản trị du lịch  
**Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không  
**Quá trình công tác**  
 - Năm 2011 - 2016: Phó Giám đốc Công ty TNHH Gas Miền Trung  
 - Từ 2017 - Nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung  
**Hành vi vi phạm pháp luật:** Không

**SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐANG NẪM GIỮ**

**5.692.500**  
cổ phần

**15%**  
vốn điều lệ



### BÀ HÀN KIỀU MINH PHƯƠNG

**Chức vụ:** Thành viên HĐQT. Thành viên độc lập HĐQT  
**Ngày tháng năm sinh:** 02/01/1977  
**Nơi sinh:** Đà Nẵng

**Quốc tịch:** Việt Nam  
**Địa chỉ thường trú:** K48/33 Phan Châu Trinh – Thành phố Đà Nẵng  
**CMND:** 201384568  
**Trình độ chuyên môn:** Trung cấp kế toán  
**Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không  
**Quá trình công tác**  
 - 11/2017 - Nay: Thành viên Hội đồng quản trị  
**Hành vi vi phạm pháp luật:** Không

**SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐANG NẪM GIỮ**

**241.500**  
cổ phần

**0.64%**  
vốn điều lệ

## DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

### BÀ NGUYỄN THỊ BÍCH THÙY

**Chức vụ:** Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc  
**Ngày tháng năm sinh:** 19/06/1977  
**Nơi sinh:** Đà Nẵng

**Quốc tịch:** Việt Nam  
**Địa chỉ thường trú:** 53 Đoàn Thị Điểm, Phường Hải Châu II, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng  
**CMND:** 201300482  
**Trình độ chuyên môn:** Đại học chuyên ngành quản trị du lịch  
**Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không  
**Quá trình công tác**  
- **Năm 2011 - 2016:** Phó Giám đốc Công ty TNHH Gas Miền Trung  
- **Từ 2017 - Nay:** Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung  
**Hành vi vi phạm pháp luật:** Không

#### SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐANG NẮM GIỮ

**5.692.500**  
cổ phần

**15%**  
vốn điều lệ

### ÔNG NGUYỄN HOÀNG GIA

**Chức vụ:** Phó Tổng Giám đốc kinh doanh  
**Ngày tháng năm sinh:** 05/07/1988  
**Nơi sinh:** Gia Lai

**Quốc tịch:** Việt Nam  
**Địa chỉ thường trú:** Tây Sơn, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai  
**CMND:** 230676935  
**Trình độ chuyên môn:** Đại học chuyên ngành quản trị kinh doanh  
**Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không  
**Quá trình công tác**  
- Nhân viên kinh doanh Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam  
- **8/2018 - Nay:** TGD Công ty cổ phần dầu khí V-gas kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung  
**Hành vi vi phạm pháp luật:** Không

#### SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐANG NẮM GIỮ

**0**  
cổ phần

**0%**  
vốn điều lệ

### BÀ VÕ THỊ ÁNH NGUYỆT

**Chức vụ:** Phó Tổng Giám đốc kinh doanh  
**Ngày tháng năm sinh:** 01/01/1981  
**Nơi sinh:** Quảng Nam

**Quốc tịch:** Việt Nam  
**Địa chỉ thường trú:** 582 Cửa Đại, TP Hội An, tỉnh Quảng Nam  
**CMND:** 205062668  
**Trình độ chuyên môn:** Đại học chuyên ngành Quản trị kinh doanh  
**Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không  
**Quá trình công tác**  
- **2003 - 2015:** Nhân viên kinh doanh Công ty TNHH Gas Miền Trung  
- **2016 - Nay:** Phó Tổng Giám đốc kinh doanh Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung  
**Hành vi vi phạm pháp luật:** Không

#### SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐANG NẮM GIỮ

**115.000**  
cổ phần

**0.3%**  
vốn điều lệ

## DANH SÁCH KIỂM SOÁT

### BÀ TRẦN THỊ KIM HUỆ

**Chức vụ:** Trưởng Ban kiểm soát  
**Ngày tháng năm sinh:** 16/02/1986  
**Nơi sinh:** Thừa Thiên Huế

**Quốc tịch:** Việt Nam  
**Địa chỉ thường trú:** An Xuân, Quảng An, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế  
**CMND:** 191552895  
**Trình độ chuyên môn:** Đại học chuyên ngành kế toán  
**Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không  
**Quá trình công tác**  
- **Năm 2008 - 2016:** Giáo viên khoa kinh tế trường Cao Đẳng nghề Nguyễn Tri Phương – Huế  
- **Tháng 10/2016:** Nhân viên kế toán DNTN Quang Phụ - Huế  
- **Từ 2/2017 - Nay:** Nhân viên kế toán Công ty cổ phần dầu khí V – gas – CN Đông Xuyên kiêm trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung  
**Hành vi vi phạm pháp luật:** Không

#### SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐANG NẮM GIỮ

**0**  
cổ phần

**0**  
vốn điều lệ

### BÀ LÊ THỊ HỒNG TRANG

**Chức vụ:** Thành viên Ban kiểm soát  
**Ngày tháng năm sinh:** 07/11/1985  
**Nơi sinh:** Quảng Nam

**Quốc tịch:** Việt Nam  
**Địa chỉ thường trú:** Hòa Hải, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng  
**CMND:** 201539169  
**Trình độ chuyên môn:** Trung cấp chuyên ngành kế toán  
**Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không  
**Quá trình công tác**  
- **2006 - Nay:** Kế toán Công ty TNHH Gas Miền Trung  
- **10/2016 - Nay:** Thành viên BKS Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung  
**Hành vi vi phạm pháp luật:** Không

#### SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐANG NẮM GIỮ

**23.000**  
cổ phần

**0,06%**  
vốn điều lệ

### BÀ TRẦN THỊ QUYÊN

**Chức vụ:** Thành viên Ban kiểm soát  
**Ngày tháng năm sinh:** 12/11/1985  
**Nơi sinh:** Quảng Nam

**Quốc tịch:** Việt Nam  
**Địa chỉ thường trú:** Thôn 4, Quế Bình, Hiệp Đức, Quảng Nam  
**CMND:** 205260120  
**Trình độ chuyên môn:** Trung cấp chuyên ngành kế toán  
**Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không  
**Quá trình công tác**  
- **2006 - Nay:** Kế toán Công ty TNHH Gas Miền Trung  
- **10/2016 - Nay:** Thành viên BKS Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung  
**Hành vi vi phạm pháp luật:** Không

#### SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐANG NẮM GIỮ

**23.000**  
cổ phần

**0,06%**  
vốn điều lệ

## KẾ TOÁN TRƯỞNG

### BÀ NGUYỄN THỊ LINH THƯỜNG

**Chức vụ:** Kế toán trưởng

**Ngày tháng năm sinh:**  
01/06/1979

**Nơi sinh:** Quảng Trị

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Địa chỉ thường trú:** Thôn Mỹ Hạ, Thanh Mai, Thanh Oai, Hà Nội

**CMND:** 045179000004

**Trình độ chuyên môn:** Đại học chuyên ngành Quản trị kinh doanh

**Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không

**Quá trình công tác**

- Năm 2007 - Nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung

**Hành vi vi phạm pháp luật:** Không

**SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐANG NẮM GIỮ**

**23.000**  
cổ phần

**0.06%**  
vốn điều lệ



## 2. BÁO CÁO CỦA HĐQT

### Đánh giá hoạt động của Công ty trong năm 2018

DOANH THU THUẦN

**1.211,34**

TỶ ĐỒNG

TĂNG

**37,7%**

SO VỚI NĂM 2017

LỢI NHUẬN SAU THUẾ HỢP NHẤT

**87,19**

TỶ ĐỒNG

TĂNG

**87,42%**

SO VỚI NĂM 2017

VƯỢT

**50%**

KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN SAU THUẾ DO ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG GIAO PHÓ

“ Năm 2018 Công ty đã hoàn thành hầu hết các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch năm mà ĐHĐCĐ giao phó. Đó là vận hành an toàn và liên tục không để xảy ra sự cố đáng tiếc nào ảnh hưởng đến con người và uy tín Công ty; hoàn thành vượt mức hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch năm.

Trong quá trình vận hành, công tác an toàn luôn được chú trọng và đặt lên hàng đầu. Năm 2018, Công ty đã xây dựng và ban hành các chương trình, kế hoạch triển khai công tác an toàn cũng như quy định thời hạn hoàn thành, trách nhiệm từng đơn vị/cá nhân trong việc thực hiện kiểm tra, giám sát ngay từ đầu năm. Tổ chức thành công hội nghị an toàn, hội nghị đào tạo an toàn, vận hành và bảo dưỡng sửa chữa, tích hợp an toàn – chất lượng – môi trường. Triển khai các giải pháp đảm bảo an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ. Với việc thực hiện nghiêm túc các chương trình kế hoạch đặt ra, tuân thủ các quy định cũng như phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan, kết quả là các cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động an toàn, không vi phạm về quy định về môi trường, không để sự cố đáng tiếc nào xảy ra gây ảnh hưởng đến con người, tài sản cũng như uy tín của Công ty.

Bên cạnh việc chỉ đạo, điều hành để thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh thì trách nhiệm đối với môi trường và xã hội cũng là một trong

những ưu tiên đặt lên hàng đầu, luôn luôn nghiêm chỉnh các quy định pháp luật về môi trường, thể hiện trách nhiệm cao đối với môi trường xã hội; cung cấp dịch vụ thực hiện việc cung cấp các quy định của pháp luật về môi trường.

Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung đã có nhiều cố gắng, chủ động triển khai công tác bảo vệ môi trường, tích hợp xây dựng hệ thống quản lý An toàn – chất lượng – Môi trường và hoàn thiện cập nhật các quy định, quy trình về quản lý an toàn, môi trường, ứng phó sự cố. Đây là nỗ lực của Công ty, Công ty nhận thức An toàn – môi trường là vấn đề sống còn của doanh nghiệp là kim chỉ nam suốt quá trình hình thành và phát triển.

Hệ thống quản lý tích hợp này được phát triển dựa trên quá trình hành động: “Hoạch định – thực thi – kiểm tra – thực hiện điều chỉnh” và triển khai đồng bộ xuống các đơn vị trực thuộc, đơn vị thành viên để đảm bảo luôn đầu tư đầy đủ nhân lực, trang thiết bị cho công tác bảo vệ môi trường

Bên cạnh những thành công hoạt động sản xuất kinh doanh chính, nhận thức và thực hiện tốt trách nhiệm đối với môi trường xã hội, phát huy sáng kiến, tiết giảm chi phí, hợp tác đầu tư, lao động tiền lương cũng đạt kết quả cùng đóng góp vào thành công chung của Công ty về mặt hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp cũng như đóng góp cho cộng đồng.

## Hoạt động của HĐQT

TT	Số NQ	Ngày	Nội dung
1	01/03/2018/NQ-HĐQT	15/03/2018	Nghị quyết triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên
2	01/03/2018/NQ-HĐQT	28/03/2018	Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư & sản xuất Gas Việt Thái
3	02/04/2018/NQ-HĐQT	23/04/2018	Nghị quyết Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018
4	01/05/2018/NQ-HĐQT	03/05/2018	Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc góp vốn Công ty TNHH Gas Miền Trung để tăng vốn điều lệ
5	02/05/2018/NQ-HĐQT	07/05/2018	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý I/2018 và triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017
6	01/07/2018/NQ-HĐQT	02/07/2018	Nghị quyết Hội đồng quản trị Chốt danh sách chi trả cổ tức bằng cổ phiếu

TT	Số NQ	Ngày	Nội dung
7	1/8/2018/NQ-HĐQT	06/08/2018	Thông qua kết quả phát hành, thay đổi GCNĐKDN, sửa đổi điều lệ tổ chức, đăng ký bổ sung cổ phiếu
8	01/10/2018/NQ-HĐQT	12/10/2018	Thông qua KQSXKD và nâng vốn sở hữu đến 85,56%
9	01/11/2018/NQ-HĐQT	05/11/2018	Họp định kỳ quý IV/2018
10	01/12/2018/NQ-HĐQT	28/12/2018	Thanh lý vỏ bình Gas hết hạn sử dụng PMGas loại 12 kg

## Số lượng các thành viên dự họp

### NGUYỄN TIẾN LÃNG

**Chức vụ:**  
Chủ tịch HĐQT

**Số buổi họp  
HĐQT tham dự**

**10**

**Tỷ lệ  
tham dự họp**

**100%**

### NGUYỄN THỊ BÍCH THÙY

**Chức vụ:**  
Thành viên HĐQT  
kiêm Tổng Giám đốc

**Số buổi họp  
HĐQT tham dự**

**10**

**Tỷ lệ  
tham dự họp**

**100%**

### HÀN KIỀU MINH PHƯƠNG

**Chức vụ:**  
Thành viên HĐQT

**Số buổi họp  
HĐQT tham dự**

**10**

**Tỷ lệ  
tham dự họp**

**100%**



## Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Trong năm vừa qua, Ban Giám đốc Công ty đã triển khai, chỉ đạo các đơn vị, các phòng ban chức năng phối hợp thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của HĐQT, cố gắng khắc phục khó khăn, linh hoạt trong chỉ đạo và đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc được thực hiện theo đúng quy định theo điều lệ Công ty và quy chế quản trị Công ty. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị chỉ đạo Tổng Giám đốc đều phù hợp với phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị được quy định trong các văn bản liên quan. Cụ thể như sau:

- Quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng phân cấp giữa HĐQT và Ban Tổng Giám đốc;
- Thường xuyên báo cáo đầy đủ trong quá trình thực hiện các chỉ đạo của HĐQT và xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT khi phát sinh vấn đề vượt cấp;
- Rà soát các dự án đầu tư nhằm đảm bảo việc triển khai dự án được an toàn, chất lượng phù hợp với tiến độ phê duyệt;
- Làm việc thường xuyên với các đơn vị để kịp thời chấn chỉnh công tác kinh doanh theo định hướng chung, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong sản xuất kinh doanh và đầu tư của từng đơn vị;
- Quản lý điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh chuyên nghiệp, trung thực, cẩn trọng, với tinh thần trách nhiệm cao, khắc phục khó khăn không ngừng nâng cao năng lực quản trị chuyên nghiệp, hiện đại để hoàn thành tốt các nhiệm vụ vì lợi ích của Công ty, cổ đông;
- Có tầm nhìn chiến lược lâu dài và hoạch định sẵn sàng các kế hoạch, giải pháp linh hoạt nhạy bén để sẵn sàng đối phó với bất lợi, rủi ro.

## Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

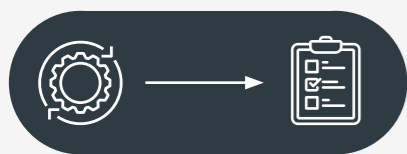
Năm 2019 dự báo thị trường vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức và khó đoán định do cuộc chiến thương mại giữa Mỹ Trung vẫn chưa được giải quyết trong thời gian ngắn, bất ổn ở Trung Đông mặc dù có chiều hướng giảm nhưng vẫn chưa thực sự bình yên dải đất này, bất đồng chương trình hạt nhân của Triều Tiên đã giảm xuống nhưng quan điểm giữa Mỹ và Triều Tiên vẫn còn có những khoảng cách còn khá xa. Các vấn đề nêu trên ảnh hưởng đến nền kinh tế thế giới, giá dầu cũng như ảnh hưởng đến doanh nghiệp Việt Nam trong đó có Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung. Với đặc điểm tình hình như trên, để hoàn thành kế hoạch 2019, HĐQT xác định những nội dung chính cần thực hiện sau:

- Tiếp tục tổ chức bộ máy HĐQT làm việc chuyên nghiệp với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện tốt công tác chỉ đạo, giám sát hoạt động Ban điều hành;
- Duy trì các phiên họp định kỳ theo quy định và tổ chức cuộc họp bất thường khi cần thiết để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền HĐQT, tham gia các cuộc họp Ban điều hành để cùng Ban điều hành kịp thời xử lý công việc;
- Đôn đốc, giám sát chặt chẽ việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ cũng như HĐQT;
- Áp dụng các giải pháp linh hoạt, nhạy bén trong hoạt động quản lý giám sát để hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch 2019: Không ngừng đẩy mạnh công tác phát triển thị trường tiêu thụ khí, không ngừng đẩy mạnh công tác phát triển thị trường, triển khai mạnh mẽ công tác bán lẻ LPG, gia tăng thị phần; Chú trọng đa dạng hóa sản phẩm; chuẩn bị các phương án để sẵn sàng với thị trường giá cao trong tương lai;
- Xây dựng, triển khai áp dụng hệ thống quản trị phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh; tăng cường thực hiện các giải pháp tiết kiệm; tiết giảm chi phí; xây dựng và phát triển thương hiệu và văn hóa Công ty; Triển khai tích cực hệ thống quản trị nguồn nhân lực nâng cao hiệu quả kinh doanh.



## 3. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

### Hoạt động của Ban kiểm soát



“ Ban kiểm soát đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ Ban kiểm soát theo quy định điều lệ và quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. ”

Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra giám sát theo kế hoạch đã xây dựng từ đầu năm 2018 đối với các đơn vị trực thuộc, các Công ty con, phản ánh kết quả đạt được, phản ánh những tồn tại thiếu sót trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị và nêu kiến nghị, giải pháp khắc phục. Sau mỗi đợt kiểm tra, Ban kiểm soát thông báo cho HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban tổng giám đốc chỉ đạo khắc phục, chấn chỉnh những tồn tại, thiếu sót đối với từng đơn vị. Công tác giám sát cũng được thực hiện thông qua việc xem xét các báo cáo định kỳ, đột xuất của các đơn vị, thông qua kết quả kiểm tra, của cấp trên về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình quản lý sử dụng vốn, tài sản, hoạt động đầu tư, mua sắm, công tác thực hành, tiết kiệm. Các hoạt động chính:

- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018, báo cáo tài chính mỗi quý, bán niên và năm 2018 báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị;
- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, Nghị quyết Hội đồng quản trị đối với thành viên Hội đồng quản trị, kiểm tra tính hợp pháp hợp lý các hoạt động sản xuất kinh doanh theo các Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông đề ra. Ngoài ra, giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp, pháp luật Nhà nước;
- Tham gia các cuộc họp định kỳ của HĐQT và Ban điều hành;
- Giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh nửa đầu năm 2018;
- Giám sát tình hình tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn, cân đối và quản lý dòng tiền;
- Giám sát và đẩy nhanh tiến độ thi công hoàn thành công trình Nhà máy tồn trữ & chiết nạp khí dầu mỏ hóa lỏng LPG (Gas) tại xã Tam Hiệp - Huyện Núi Thành - Quảng Nam và Nhà máy tồn trữ & chiết nạp khí dầu mỏ hóa lỏng LPG (Gas) tại Cụm Công nghiệp Thủy Phương, Phường Thủy Phương, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Tiếp tục hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, sửa đổi bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản nội bộ, các quy chế, quy trình quản lý nhằm quản trị hiệu quả khoa học, minh bạch phù hợp với thực tế và tuân thủ pháp luật hiện hành;
- Thực hiện các công việc khác của Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các quy định hiện hành.

### Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Trong năm 2018, BKS tổ chức 04 cuộc họp với sự tham gia của 100% thành viên nhằm phân công nhiệm vụ cho các thành viên, thông qua kế hoạch kiểm tra giám sát các đơn vị, thống nhất

nội dung thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá kết quả kiểm tra giám sát và tổng kết tình hình thực hiện chức trách và nhiệm vụ của cá nhân và tập thể BKS, cụ thể:

06 - 03

04 - 06

06 - 09

25 - 12

- Thông qua chương trình, kế hoạch kiểm tra các đơn vị  
- Thống nhất nội dung thẩm tra BCTC Quý I  
- Chuẩn bị báo cáo phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên

- Đánh giá tình hình kiểm tra giám sát đơn vị  
- Chuẩn bị nội dung báo cáo kiểm tra giám sát quý II

- Đánh giá tình hình kiểm tra giám sát đơn vị  
- Chuẩn bị nội dung báo cáo kiểm tra giám sát quý III

- Đánh giá tình hình kiểm tra giám sát các đơn vị  
- Chuẩn bị nội dung báo cáo kiểm tra giám sát năm 2018

### Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện hỗ trợ Ban kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ giám sát việc quản lý và điều hành của Công ty, duy trì mối quan hệ làm việc, phối hợp đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty, của cổ đông, tuân thủ các quy định của pháp luật và các văn bản quản lý nội bộ của Công ty.

Hội đồng Quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường theo đúng quy định của Điều lệ và hoạt động công ty. BKS đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm là phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và các Quy chế quản trị doanh nghiệp của Công ty, theo sát mọi hoạt động, chiến lược phát triển của Công ty với hiệu quả và tinh thần trách nhiệm cao.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc thực hiện báo cáo, công bố thông tin đầy đủ theo quy định hiện hành của pháp luật. Các thành viên HĐQT tham dự các cuộc họp HĐQT và có ý kiến đóng góp theo nội dung quy định.

Công ty đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán cũng như các quy định quản lý tài chính, kế toán, thuế hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán. Các Báo cáo tài chính trong năm 2018 đã được lập chính xác và đúng thời hạn.

## 4. THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

### Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông



Đến ngày 31/12/2018

Tổng số  
cổ phần

**37.949.847**  
cổ phần

trong đó

Cổ phần hạn chế  
chuyển nhượng

**16.870.000**  
cổ phiếu

=

+

**8.435.000**

cổ phiếu hạn chế  
chuyển nhượng đến  
ngày 25/07/2018  
(trong vòng 06  
tháng)

**8.435.000**

số cổ phiếu còn lại  
hạn chế chuyển  
nhượng đến ngày  
25/01/2019 (trong  
vòng 12 tháng)

### Cơ cấu cổ đông chốt tại ngày 08/04/2019

Đối tượng	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ sở Hữu (%)	Số lượng Cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
				Tổ chức	Cá nhân
<b>1. Cổ đông Nhà nước</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>2. Công đoàn Công ty</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>3. Cổ phiếu quỹ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>4. Cổ đông lớn (&gt;=5%)</b>	<b>18.975.000</b>	<b>50,00%</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>2</b>
4.1 Trong nước	18.975.000	50,00%	2	0	2
4.2 Nước ngoài	0	0	0	0	0
<b>5. Cổ đông khác (&lt;5%)</b>	<b>18.974.847</b>	<b>50,00%</b>	<b>655</b>	<b>16</b>	<b>639</b>
5.1 Trong nước	18,656,651	49,16%	638	10	628
5.2 Nước ngoài	318.196	0,84%	17	6	11
<b>Tổng cộng</b>	<b>37,949,847</b>	<b>100,00%</b>	<b>657</b>	<b>16</b>	<b>641</b>

### Tình hình thay đổi vốn đầu tư

30/7/2018: trả cổ tức  
bằng cổ phiếu cho các  
cổ đông hiện hữu với  
tỷ lệ

**15%**

Số lượng cổ phiếu phát hành thêm được  
chính thức giao dịch trên thị trường vào  
ngày 06/09/2018

Giao dịch cổ phiếu quỹ và  
các chứng khoán khác

Không có

## Thống kê khối lượng giao dịch và diễn biến cổ phiếu PMG năm 2018

Tổng số phiên	234	Phiên
Tổng khối lượng khớp lệnh và thỏa thuận	43.669.860	Cổ phiếu
- Khối lượng khớp lệnh	34.736.200	
- Khối lượng thỏa thuận	8.933.660	
Tổng giá trị khớp lệnh	916.821.118.110	Đồng
- Khối lượng khớp lệnh	720.434.150.100	
- Khối lượng thỏa thuận	196.386.968.000	
Khối lượng giao dịch khớp lệnh bình quân/phiên	152.751	Cổ phiếu
Khối lượng khớp lệnh cao nhất trong năm (01/08/2018)	606.890	Cổ phiếu
Khối lượng khớp lệnh thấp nhất trong năm (19/12/2018)	9.730	Cổ phiếu
Giá thấp nhất trong năm (25/01/2018)	14.646	VND/ Cổ phiếu
Giá cao nhất trong năm (06/04/2018)	24.497	VND/ Cổ phiếu
Giá cổ phiếu ngày 31/12/2018 (chưa điều chỉnh cổ tức 15%)	19.250	VND/ Cổ phiếu
Giá cổ phiếu ngày 31/12/2018 điều chỉnh theo trả cổ tức bằng cổ phiếu	22.137	VND/ Cổ phiếu
Vốn hóa thị trường ngày 31/12/2018	730,535	Tỷ

## Giao dịch cổ phiếu của người có liên quan người nội bộ

### Võ Thị Thanh Nga

(Em gái : Võ Thị Ánh Nguyệt –PTGD Công ty )

### Giao dịch mua

Số lượng  
7.400

Thời điểm  
09/07/2018

### Giao dịch bán

Số lượng  
8.510

(Bao gồm 15% cổ tức bằng cổ phiếu)

Thời điểm  
20/09/2018

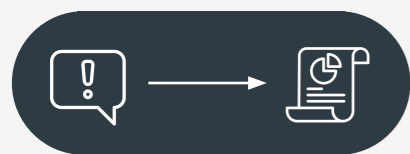
## Hoạt động tiếp xúc cổ đông, nhà đầu tư

Mặc dù Công ty mới được chính thức lên sàn vào ngày 25/01/2018 song Ban lãnh đạo đã quan tâm, có kế hoạch chủ động và tích cực kết nối cộng đồng đầu tư mà trước hết khách mời là các nhân viên phân tích của các Công ty chứng khoán nhằm nỗ lực nâng cao hiệu quả trao đổi thông tin hai chiều (công bố thông tin ra thị trường và tiếp nhận các thông tin phản hồi từ thị trường) nhằm giới thiệu triển vọng và cơ hội đầu tư vào cổ phiếu PMG, Công ty tổ chức chương trình phân tích tình hình tài chính cũng như đánh giá các tiềm năng mà dự án tại các Nhà máy tồn trữ và chiết nạp khí dầu mỏ khí hóa lỏng LPG (gas) tại Tam Hiệp - Huyện Núi Thành và Nhà máy tồn trữ và chiết nạp khí dầu mỏ khí hóa lỏng LPG (gas) tại Cụm Công nghiệp Thủy

Phương, Phường Thủy Phương, Thị xã Hương Thủy - Tỉnh Thừa Thiên - Huế mang lại ngay sau khi tổ chức, Công ty tiến hành đưa các khách mời đi tham quan tại nhà máy tại Tam Hiệp - Núi Thành - Quảng Nam vào ngày khai trương 09/03/2018.

Ngoài việc tổ chức cuộc gặp tại Đà Nẵng - Quảng Nam, Công ty còn tích cực kết nối cộng đồng nhà đầu tư Công ty còn tiếp tục tổ chức gặp gỡ các nhà đầu tư và chuyên viên môi giới tại Hà Nội ngày 15/10/2018 và tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 18/10/2018 để tăng cường gắn kết giữa với các nhà đầu tư. Với việc tổ chức các sự kiện này, Công ty quảng bá hình ảnh Công ty và trên hết là tạo được niềm tin, hiểu biết lẫn nhau và đem lại ấn tượng tốt cho Công ty.

## 5. BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO



### Thay đổi và tích hợp thủ tục - quy trình

Theo xu hướng phát triển của việc quản lý Công ty và các quá trình hoạt động, các hệ thống quản lý sẽ ngày càng được tích hợp với nhau để chuẩn hóa và thống nhất xuyên suốt Công ty. Hệ thống quản lý rủi ro cũng không phải ngoại lệ. Cụ thể hơn :

- Công tác hoạch định mục tiêu được xem xét dựa trên các yếu tố giả định, các rủi ro để đảm bảo mục tiêu mang tính thách thức nhưng khả thi và hiệu quả. Các rủi ro sau đó đồng thời cũng được nhận diện để quản lý kịp thời, phân công người phụ trách phù hợp để tăng khả năng thực hiện mục tiêu
- Các quá trình hoạt động kiểm soát khi được thiết lập và thay đổi đều được cân nhắc dựa trên các yếu tố rủi ro và mức độ rủi ro cần quản lý.
- Công tác tự đánh giá, rà soát các kiểm soát được thực hiện định kỳ bởi chính những người thực hiện kiểm soát, để đảm bảo rủi ro được giám sát, các kiểm soát phát huy hiệu quả.

**// Năm 2018 là năm đánh dấu cột mốc khởi đầu bước phát triển mới của Công ty, theo định hướng chiến lược cho giai đoạn 2018-2020 và cũng là năm đầu tiên Công ty chính thức niêm yết trên sàn chứng khoán. Hoạt động quản lý rủi ro được bổ sung và hoàn thiện hơn để phù hợp với quy mô mới và ngày càng tích hợp vào các hoạt động cụ thể, đặc biệt định hướng tích hợp QLRR trở thành một phần quan trọng của hệ thống quản lý chất lượng toàn Công ty. //**

Năm 2018, các Công ty con của Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung cũng được áp dụng hệ thống quản lý rủi ro trong toàn hệ thống. Ngoài các rủi ro được báo cáo định kỳ, các Công ty con cũng theo dõi rủi ro riêng, đặc thù. Các rủi ro này được giám sát và triển khai đến các cấp độ nhỏ hơn, từ Công ty tới các chi nhánh, kho chứa và đại lý.

TT	Tên rủi ro	Mô tả rủi ro	Biện pháp kiểm soát
1	Rủi ro vận hành, cháy nổ	Tổng kho và nhà máy chiết nạp tại lô 4 KCN Điện Nam – Điện Khí và các sản phẩm khí là các sản phẩm có nguy cơ tiềm ẩn trong sự cố rò rỉ gas, dễ cháy nổ. Nếu có sự cố xảy ra trong quá trình thu gom, vận chuyển, phân phối khí và các sản phẩm khí phát sinh sẽ dẫn đến nguy cơ ngừng hoạt động để khắc phục và thời gian ngừng hoạt động sẽ tác động đến khả năng hoàn thành chỉ tiêu hoạt động sản xuất, sản lượng tiêu thụ, doanh thu, lợi nhuận. Bên cạnh đó, sự cố trong vận hành cũng có nguy cơ tác động xấu đến trực tiếp đến con người, môi trường, tài sản và tăng chi phí khắc phục hậu quả.	Thường xuyên kiểm tra, giám sát dây chuyền sản xuất, vận chuyển, đảm bảo trang thiết bị luôn đảm bảo chất lượng an toàn vận hành. Thường xuyên diễn tập, kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy và đào tạo CBCNV kiến thức về phòng chống cháy nổ.
2	Rủi ro về thị trường	Không bắt kịp nhu cầu ngày càng cao của thị trường, các thay đổi khác liên quan đến ngành nghề	Xây dựng đội ngũ CBCNV có trình độ, quản trị tốt nguồn nhân lực, xây dựng các chính sách đãi ngộ phù hợp để giữ và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu tăng trưởng kinh doanh
3	Rủi ro về nguồn nhân lực	Sự thiếu hụt hoặc sai sót của các quy trình, quy chế trong quản trị nội bộ sẽ gây nên tính mất thống nhất của doanh nghiệp	Thường xuyên ban hành mới/sửa đổi và ban hành lại các quy chế, quy trình để phù hợp với thực tế : Điều lệ, quy chế tài chính, quy chế kinh doanh
4	Rủi ro về công nghệ thông tin	Hệ thống công nghệ thông tin giúp nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh, thiết lập với khách hàng, nhà đầu tư, đối tác, cổ đông. Hệ thống công nghệ thông tin không phù hợp, bị gián đoạn, không bảo mật sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.	Hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin phục vụ cho việc hoạt động sản xuất kinh doanh. Áp dụng phần mềm công nghệ thông tin hiện đại trong quản trị tài chính, kế toán. Hoàn thiện website Công ty tăng cường công tác quan hệ cổ đông Tăng cường hệ thống bảo mật thông tin

TT	Tên rủi ro	Mô tả rủi ro	Biện pháp kiểm soát
5	Rủi ro về công bố thông tin	Không đúng thời hạn, không đầy đủ, chính xác sẽ ảnh hưởng đến niềm tin của cổ đông, nhà đầu tư đối tác cũng như uy tín hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nắm vững luật, cập nhật đầy đủ các quy định những thay đổi có liên quan đến công bố thông tin đối với Công ty niêm yết (nếu có)</li> <li>Xây dựng quy trình nội bộ về cung cấp và công bố thông tin nhằm đảm bảo các thông tin hoạt động, thông tin tài chính được báo cáo chính xác, kịp thời, đúng hạn, minh bạch.</li> <li>Thường xuyên trao đổi với đại diện phụ trách CBTT của UBCKNN, SGDCK để kiểm tra đầy đủ và chính xác của các thông tin cần công bố.</li> </ul>
6	Rủi ro kinh tế	Những diễn biến bất lợi có thể dẫn đến ảnh hưởng nguồn cung, tỷ giá, lạm phát, thắt chặt tín dụng, thị trường tài chính, nguyên liệu đầu vào	Chuẩn bị tốt, dự trù cho những tình huống thay đổi trong nền kinh tế thị trường, củng cố nội lực tài chính đồng thời xây dựng mối quan hệ bền vững với các khách hàng, nhà cung cấp và tổ chức tín dụng của Công ty
7	Rủi ro thương mại và tài chính	<p><b>Rủi ro thương mại:</b> Việc phải thu hồi nợ phải thu của khách hàng.</p> <p><b>Rủi ro tài chính:</b> Liên quan đến khả năng kinh doanh hiệu quả với chính sách giá bán sản phẩm, chi phí bộ máy, chi phí tài chính trong bối cảnh năng lực và chất lượng vận hành của các nhà sản xuất thị trường trong nước ngày càng tăng lên cũng như do tác động nguồn hàng nhập khẩu và các đơn vị phân phối hàng cho Công ty.</p>	<p>Bộ phận quản lý công nợ theo dõi sát sao, phân loại từng khách hàng có chính sách tín dụng phù hợp, đôn đốc khách hàng trả nợ kịp thời.</p> <p>Xây dựng chính sách giá bán hợp lý, quản lý tốt chi phí</p>

TT	Tên rủi ro	Mô tả rủi ro	Biện pháp kiểm soát
8	Rủi ro chính trị	Rủi ro xảy ra các thay đổi bất lợi về môi trường chính trị, gây cản trở hoạt động và các quyết định kinh doanh	Thực hiện đánh giá trước khi đầu tư, theo dõi và giám sát khi đã đi vào hoạt động. Thường xuyên cập nhật thông tin và có các đánh giá phù hợp
9	Rủi ro pháp lý	Hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ theo pháp luật, các quy định hiện hành. Môi trường pháp lý : thuế, hải quan, môi trường, lao động, tiền lương, chứng khoán, xây dựng, ...thay đổi đều ảnh hưởng đến hoạt động Công ty	Cập nhật, đánh giá tác động đến hoạt động kinh doanh để ra giải pháp phù hợp
10	Rủi ro phát triển bền vững	Những tác động có thể có của hoạt động kinh doanh đến chất lượng quản trị doanh nghiệp, nền kinh tế, môi trường, và xã hội.	Chú trọng đánh giá và quản lý các rủi ro tác động đến sự phát triển bền vững cũng như tác động đến môi trường, xã hội, tác động từ hoạt động kinh doanh đối với môi trường xã hội. Đánh giá và công bố thông tin về hiệu quả hoạt động kinh doanh và tác động liên quan đến môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp
11	Rủi ro truyền thông	Mất danh tiếng hoặc thiệt hại tài chính do không xử lý kịp thời, hợp lý các thông tin bất lợi bị phát tán trên các phương tiện thông tin đại chúng	Theo dõi và phản ánh kịp thời các thông tin truyền thông tiêu cực thông qua công cụ tự động và đội xử lý khủng hoảng phù hợp
12	Rủi ro về kế hoạch chiến lược	Thiếu kế hoạch chiến lược đúng đắn để đáp ứng các mục tiêu chiến lược dài hạn của Công ty	Kế hoạch chiến lược đã được thiết lập, truyền thông đến các bên liên quan và giao cho phòng hoạch định chiến lược giám sát và thực hiện. Danh mục các dự án chiến lược cũng được phê duyệt, triển khai và giám sát tình hình thực hiện

TT	Tên rủi ro	Mô tả rủi ro	Biện pháp kiểm soát
13	Rủi ro cạnh tranh	Rủi ro trong việc đánh mất lợi thế cạnh tranh, không nắm bắt đúng yêu cầu và xu thế của thị trường và khi nhiều đối thủ cạnh tranh ngày càng cải tiến sự khác biệt của họ	Tiếp tục phát huy các chiến lược duy trì lợi thế cạnh tranh, gia tăng thị phần. Tăng cường đào tạo phát triển đội ngũ cán bộ, cải tiến mô hình kinh doanh, cải tiến hệ thống thông tin, quy trình nội bộ tối ưu hóa việc vận hành và chi phí dựa trên hệ thống quản trị hiện đại
14	Rủi ro về nguyên liệu đầu vào	Nguồn nguyên liệu phục vụ cho hoạt động của Công ty là nhập khẩu từ các nước và thu mua từ các đơn vị phân phối trong nước. Nếu sản lượng khí khai thác được của các nước thấp hơn so với dự báo sẽ có rủi ro tăng giá khí, hạn chế nguồn cung. Ngoài ra, đầu vào là nguồn nguyên liệu chính và chiếm phần lớn trong cơ cấu giá thành hiện nay.	Cam kết hợp tác lâu dài với các nhà cung cấp khí. Chuẩn bị sẵn sàng những nguồn cung cấp khí thay thế để có thể bù đắp thiếu hụt nguyên liệu đầu vào trong trường hợp thị trường khí diễn biến không thuận lợi. Công tác dự báo để hạn chế hoặc trữ lượng hàng cần thiết để kiểm soát giá đầu vào
15	Rủi ro khí hậu	Sự thay đổi khí hậu, mùa trong năm ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ khí và các sản phẩm khí, đến sự cân đối cung cầu khí	Tăng cường công tác dự báo nhu cầu tiêu thụ nhằm khai thác hiệu quả, triệt để nguồn khí và sản phẩm khí

## 6. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



### Quản lý nguồn nguyên vật liệu và các nguồn tài nguyên

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm và nguyên vật liệu được tái chế : Do đặc thù ngành dầu khí nên không có nguyên vật liệu dạng thô để đóng gói và tái chế.

Trong năm 2018, Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung đã thực thi các quy định về bảo vệ môi trường sau:

- Thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường như lập và phê duyệt cam kết bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, quản lý chất thải, chất độc hại;
- Áp dụng các quy chuẩn, định mức về việc sử dụng tài nguyên điện, nước đối với toàn bộ hoạt động của Công ty;
- Việc giám sát môi trường được triển khai theo đúng các yêu cầu pháp luật, cam kết trong báo cáo và hướng dẫn bao gồm môi trường nước, không khí...;
- Thu gom, vận chuyển, xử lý và báo cáo định kỳ cho các cơ quan quản lý theo đúng quy định;
- Tiến hành thanh kiểm tra các đơn vị định kỳ hoặc đột xuất nhằm chấn chỉnh kịp thời.

// **Hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với việc bảo vệ môi trường. Kể từ khi thành lập đến nay, Công ty luôn chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường và luôn phổ biến các thay đổi về văn bản pháp luật môi trường đến từng đơn vị và hằng năm thực hiện giám sát kiểm tra và sự tuân thủ của các đơn vị.** //

**Năm 2018 Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền không có bất kỳ trường hợp bị xử phạt hoặc chịu các biện pháp xử phạt phi tiền tệ do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường**

## Chính sách liên quan đến người lao động

Tính đến ngày 31/12/2018, Tổng số CBCNV trong toàn hệ thống là 350 người, trong đó nam giới là 270 người, nữ giới 81 người, tập trung vào lĩnh vực vận hành, bảo quản, sửa chữa.

Công ty đã xây dựng và ban hành chính sách nhân viên theo quy định pháp luật, Công ty và đặc thù của Công ty với cơ chế trả lương, trả thưởng linh hoạt, có tính cạnh tranh theo cơ chế thị trường nhằm giữ và thu hút nhân tài làm việc lâu dài Công ty:

- Đảm bảo tiền lương, thu nhập và ổn định để người lao động yên tâm công tác; việc trả lương thưởng và chế độ đãi ngộ khác dựa trên năng lực thực sự và hiệu quả công việc của từng cá nhân;
- Thường thành tích định kỳ và đột xuất cho cá nhân và đơn vị, thưởng sáng kiến cải tiến; thưởng vận hành an toàn công trình khí;
- Các loại phụ cấp đặc thù ngành khí được áp dụng phù hợp với điều kiện, môi trường làm việc của từng vị trí công việc;

- Tôn trọng và tuân thủ các tiêu chuẩn về an toàn, sức khỏe và môi trường;
- Khám và theo dõi sức khỏe mỗi năm một lần; trợ cấp, tặng quà nhân các sự kiện đặc biệt của người lao động;
- Chế độ BHXH, BHYT và BHTN theo quy định của Nhà nước; chế độ bảo hiểm tự nguyện mang tính phúc lợi cao cho người lao động;
- Thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao cho người lao động;
- Người lao động được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng làm việc, đào tạo theo yêu cầu pháp luật, đào tạo chuyên môn, an toàn định kỳ.
- Tập huấn công tác Phòng cháy chữa cháy, huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động do Sở lao động và thương binh xã hội Quảng Nam tổ chức, tham gia lớp học vệ sinh an toàn thực phẩm



## Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn UBCKNN

Thực hiện việc giảm thiểu khí cacbon, sử dụng hiệu quả nguồn nước là rất quan trọng. Những thách thức đặt ra là làm sao để thực hiện các biện pháp đầu tư thân thiện với môi trường, đầu tư vào các dự án năng lượng mới, giảm phát thải có ít tác động tới môi trường nhất. Để giải quyết được những thách thức này, cần quan tâm hơn đến vấn đề môi trường trong các quyết định đầu tư. Công ty xem xét những chỉ tiêu về mặt môi trường. Xây dựng được các chính sách và quy định, trong đó có việc đưa các yếu tố bên ngoài của nền kinh tế thực vào cơ chế định giá; giảm thiểu rủi ro cho các khoản đầu tư xanh; đưa ra những chính sách ưu đãi cho đầu tư xanh; xác định rủi ro tài chính theo tiêu chí môi trường; sử dụng các công cụ tài chính xanh mới để hỗ trợ sự phát triển của thị trường.

Việc thực hiện các nội dung của Kế hoạch này sẽ thúc đẩy việc lồng ghép các hoạt động ứng phó với BĐKH với các chương trình, hoạt động khác, giúp hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với ứng phó BĐKH, nâng cao tính ổn định và bền vững, giảm bớt rủi ro do BĐKH của các chương trình, kế hoạch, hoạt động phát triển kinh tế - xã hội;

Quá trình lồng ghép việc thực hiện Kế hoạch này với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội khác sẽ tạo điều kiện và cơ hội cho các chương trình, kế hoạch, quy hoạch phát triển của các ngành và địa phương có được trình độ cao về công nghệ và hiệu quả kinh tế, giúp tận dụng được các cơ hội trong việc tiếp cận nguồn lực tài chính, công nghệ, tăng cường năng lực do thỏa thuận Paris mang lại.



Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dầu khí, Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung hiểu tầm quan trọng và trách nhiệm của mình đối với vấn đề bảo vệ môi trường. Công ty luôn tuân thủ các quy định đối với việc bảo vệ môi trường theo quy định của Chính phủ, quản lý chặt chẽ nguồn nước, khí thải, chất thải.

Đồng thời, Công ty cũng tích cực triển khai tiết kiệm và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường đối với toàn thể CBCNV. Cụ thể, Công ty luôn khuyến khích CBCNV, các đơn vị trực thuộc đưa ra đề xuất nghiên cứu khoa học có thể áp dụng đối với việc bảo vệ môi trường.

Công ty có kế hoạch nghiên cứu các sản phẩm thay thế để sản phẩm thân thiện với môi trường. Tuy nhiên, ngoài sự nỗ lực Công ty cũng cần có sự hỗ trợ về vốn, chính sách thuế,... từ Nhà nước để cho ra đời các sản phẩm thân thiện môi trường trong tương lai.



## 7. PHÂN TÍCH THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ DỰA TRÊN THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN

Mã	Tiêu chí	Hiện trạng	Đánh giá
<b>CÂU HỎI CẤP 1</b>			
<b>PHẦN A. QUYỀN CỔ ĐÔNG</b>			
<b>A.1</b>	<b>Quyền cơ bản của cổ đông</b>		
A.1.1	Trả cổ tức trong vòng 30 ngày sau khi được công bố	☑	Công ty thực hiện tốt trong năm 2018
<b>A.2</b>	<b>Quyền tham gia vào các quyết định liên quan đến những thay đổi quan trọng của Công ty</b>		
A.2.1	Sửa đổi quy chế Công ty	☑	Công ty tiến hành lấy ý kiến ĐHĐCĐ về việc sửa đổi điều lệ tại Đại hội
A.2.2	Biểu quyết phát hành thêm cổ phiếu	☑	Thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản hoặc trình ĐHĐCĐ thông qua phương án phát hành thêm cổ phiếu
A.2.3	Chuyển nhượng toàn bộ hay phần lớn tài sản của Công ty dẫn đến việc bán Công ty	☑	Chưa có
<b>A.3</b>	<b>Quyền tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại ĐHĐCĐ và phải được thông tin về quy định họp ĐHĐCĐ, bao gồm cả thủ tục biểu quyết</b>		
A.3.1	Cổ đông có cơ hội thể hiện bởi nội dung trên chương trình nghị sự, thông qua thủ tục hoặc mọi khoản tăng thù lao cho thành viên/Ủy viên HĐQT không điều hành ?	☑	Công ty tiến hành lấy ý kiến ĐHĐCĐ về việc sửa đổi điều lệ tại Đại hội
A.3.2	Công ty có cho phép cổ đông không có quyền kiểm soát quyền để cử thành viên/Ủy viên HĐQT không điều hành ?	☑	
A.3.3	Công ty có cho phép cổ đông bầu chọn từng thành viên/Ủy viên Hội đồng quản trị	☑	
A.3.4	Công ty có công bố thủ tục biểu quyết được sử dụng trước khi đại hội tiến hành ?	☑	Thủ tục để cử và biểu quyết được công bố trên Website trước đại hội
A.3.5	Biên bản họp ĐHĐCĐ mới nhất có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi và câu hỏi cùng câu trả lời có được ghi nhận	☑	Biên bản kỳ ĐHĐCĐ đã ghi nhận phần thảo luận với các cổ đông. Năm 2018 ghi nhận chi tiết nội dung câu hỏi và câu trả lời
A.3.6	Công ty có công bố kết quả bầu chọn bao gồm cổ phiếu thông qua, phân đối và phiếu trống cho mỗi nội dung dự thảo lấy ý kiến của ĐHĐCĐ gần nhất	☑	Có nêu rõ kết quả bầu chọn cho mỗi nội dung dự thảo lấy ý kiến ĐHĐCĐ
A.3.7	Công ty có công bố danh sách thành viên HĐQT tham dự ĐHĐCĐ gần nhất	☑	Nêu rõ danh sách thành viên HĐQT tham dự trong Biên bản họp ĐHĐCĐ
A.3.8	Công ty có công bố rằng tất cả thành viên HĐQT và TGD/Giám đốc điều hành (nếu TGD/Giám đốc điều hành không phải là thành viên HĐQT) có tham dự ĐHĐCĐ gần nhất ?	☑	Tham dự đầy đủ

Mã	Tiêu chí	Hiện trạng	Đánh giá
A.3.9	Công ty có cho phép biểu quyết vắng mặt	☑	Cho phép biểu quyết vắng mặt thông qua đại diện được ủy quyền hợp lệ theo quy định của Công ty
A.3.10	Công ty sử dụng hình thức biểu quyết căn cứ theo số phiếu biểu quyết của cổ đông (không phải bằng cách giơ tay) đối với mọi nghị quyết tại ĐHĐCĐ mới nhất	☑	Công ty sử dụng hình thức biểu quyết căn cứ theo số phiếu biểu quyết của cổ đông đối với mọi nghị quyết tại ĐHĐCĐ mới nhất, không phải bằng cách giơ tay
A.3.11	Công ty có công bố việc đã bổ nhiệm một bên độc lập (kiểm tra, giám sát viên) tham gia bên kiểm phiếu để đếm và/ hoặc thẩm định phiếu bầu tại ĐHĐCĐ	☑	
A.3.12	Công ty có công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo kết quả biểu quyết đối với tất cả Nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất	☑	Tuân thủ công bố nghị quyết và Biên bản họp. Biên bản kiểm phiếu trong vòng 24 h theo quy định
A.3.13	Công ty có thông báo ĐHĐCĐ và ĐHCĐ bất thường trước tối thiểu 21 ngày	☑	Công ty thực hiện tốt
A.3.14	Công ty có cung cấp cơ sở, thông tin và giải trình cho mỗi mục trong dự thảo nghị quyết cần được cổ đông thông qua trong thông báo về ĐHĐCĐ/tài liệu ĐHĐCĐ/dự thảo và/hoặc các báo cáo đính kèm ?	☑	Tài liệu ĐHĐCĐ đã cung cấp đầy đủ thông tin và cơ sở về các vấn đề trình ĐHĐCĐ thông qua
A.3.15	Cổ đông có được cơ hội để đóng góp (các) vấn đề thảo luận vào trong chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ	☑	Công ty thực hiện tốt nội dung này
<b>A.4</b>	<b>Thị trường giao dịch đầu tư Công ty phải được phép hoạt động một cách hiệu quả và minh bạch</b>		
A.4.1	Trong các trường hợp sáp nhập, mua lại và/hoặc đầu tư mua lại được cổ đông thông qua, thành viên/Ủy viên HĐQT của Công ty được đề nghị có bổ nhiệm một bên độc lập đánh giá sự hợp lý của giá giao dịch sáp nhập, mua lại	☑	
<b>A.5</b>	<b>Cần tạo điều kiện thực hiện quyền sở hữu cho mọi cổ đông, bao gồm các nhà đầu tư tổ chức</b>		
A.5.1	Công ty có công bố công khai chính sách/thực hành nhằm khuyến khích tham gia của cổ đông bên ngoài khuôn khổ ĐHĐCĐ	☑	Khuyến khích các cổ đông thực hiện các quyền của mình, tạo điều kiện cổ đông tham dự bỏ phiếu, biểu quyết các vấn đề quan trọng
<b>PHẦN B. ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG</b>			
<b>B.1</b>	<b>Cổ phiếu và quyền biểu quyết</b>		
B.1.1	Mỗi cổ phiếu phổ thông của Công ty có một phiếu biểu quyết	☑	Đã thực hiện điểm này
B.1.2	Trong trường hợp Công ty có nhiều hơn một loại cổ phiếu, công ty có công bố quyền bỏ phiếu tương ứng cho từng loại cổ phiếu	☑	Trong thông báo chốt danh sách, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên công ty đã công bố rõ nội dung "chỉ có một loại cổ phiếu phổ thông"
<b>B.2</b>	<b>Thông báo ĐHĐCĐ</b>		
B.2.1	Mỗi Nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất chỉ liên quan đến một nội dung của dự thảo nghị quyết nghĩa là không gộp nhiều nội dung vào trong cùng một nghị quyết	☑	Biên bản họp ĐHĐCĐ, Nghị quyết ĐHĐCĐ ghi rõ những điều, mục cụ thể, biểu quyết từng vấn đề riêng biệt, không gộp chung các vấn đề
B.2.2	Thông báo và tài liệu ĐHĐCĐ được dịch sang tiếng Anh và được công bố cùng ngày với tài liệu ĐHĐCĐ bằng tiếng Việt	×	Công ty chưa thực hiện chỉ tiêu này
B.2.3	Cung cấp tiểu sử của thành viên/Ủy viên HĐQT sẽ được bầu chọn/bầu chọn lại (tối thiểu là tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày bổ nhiệm đầu tiên, kinh nghiệm và vị trí thành viên HĐQT đang tại vị trong các Công ty niêm yết khác)	☑	Công bố SYLL của ứng viên

Mã	Tiêu chí	Hiện trạng	Đánh giá
B.2.4	Kiểm toán viên/Công ty kiểm toán chuẩn bị được bầu chọn/bầu chọn lại có được xác định rõ ràng	☑	Thực hiện tốt nội dung này theo tờ trình ĐHĐCĐ về việc phê duyệt danh sách các Công ty kiểm toán độc lập
B.2.5	Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ được cung cấp dễ dàng	☑	Thực hiện tốt nội dung này : Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ được gửi cùng với thông báo mời họp, và cũng được công bố trên Website Công ty
<b>B.3</b>	<b>Phải ngăn cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân</b>		
B.3.1	Công ty có quy định cấm thành viên HĐQT và nhân viên không được kiếm lợi từ những kiến thức không được công bố ra ngoài	☑	Công ty thực hiện tốt nội dung này
B.3.1	Thành viên HĐQT được yêu cầu báo cáo về giao dịch cổ phiếu của họ trong vòng 3 ngày làm việc	☑	Thành viên HĐQT chưa thực hiện giao dịch cổ phiếu
<b>B.4</b>	<b>Giao dịch các bên liên quan của thành viên HĐQT và cán bộ quản lý cấp cao</b>		
B.4.1	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT công bố lợi ích có liên quan trong các giao dịch và mọi xung đột lợi ích với Công ty không	☑	Có quy định nội dung này trong điều lệ Công ty
B.4.2	Công ty có chính sách yêu cầu một tiểu ban bao gồm thành viên HĐQT độc lập rà soát giao dịch bên liên quan trọng yếu/quan trọng để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của Công ty và cổ đông không	×	Nội dung hoạt động này hiện do Ban kiểm soát thực hiện
B.4.3	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích ?	☑	Thể hiện trong quy chế tài chính
B.4.4	Công ty có chính sách về khoản vay cho thành viên HĐQT, trong đó quy định cấm hoạt động này hoặc đảm bảo rằng các khoản vay được thực hiện trên cơ sở giao dịch hợp lý theo lãi suất thị trường	☑	Công ty thực hiện tốt nội dung này
<b>B.5</b>	<b>Bảo vệ cổ đông thiểu số trước các hành vi lạm dụng</b>		
B.5.1	Công ty có công bố về việc giao dịch bên liên quan được thực hiện theo cách đảm bảo rằng những giao dịch đó là hợp lý và theo cơ chế thị trường.	☑	Công ty thực hiện tốt nội dung này
B.5.2	Trong trường hợp cần có phê duyệt của cổ đông thông qua các giao dịch các bên liên quan, việc biểu quyết phê duyệt phải được biểu quyết bởi các cổ đông không liên quan lợi ích	☑	Công ty thực hiện tốt nội dung này
<b>PHẦN C. VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN</b>			
<b>C.1</b>	<b>Quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo thỏa thuận song phương phải được tôn trọng</b>		
C.1.1	Công bố chính sách và các thực hành nhằm bảo vệ quyền lợi khách hàng	☑	
C.1.2	Công bố chính sách và các thực hành, quy trình và thủ tục lựa chọn nhà cung cấp/nhà thầu	☑	
C.1.3	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của Công ty nhằm bảo đảm chuỗi giá trị của Công ty thân thiện với môi trường hoặc phù hợp với việc thúc đẩy phát triển bền vững	☑	
C.1.4	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của Công ty trong việc tương tác với cộng đồng nơi Công ty hoạt động	☑	
C.1.5	Công ty có công bố về chương trình và quy trình chống tham nhũng	☑	Công ty đã ban hành quy chế quản lý tài chính, quy định rõ thẩm quyền quyết định, đối với tài sản, tiền v.v... của Công ty

Mã	Tiêu chí	Hiện trạng	Đánh giá
C.1.6	Công ty có công bố chính sách bảo vệ các chủ nợ	☑	
C.1.7	Công ty có viết báo cáo/nội dung riêng mô tả các nỗ lực về các vấn đề về môi trường/kinh tế và xã hội	☑	
<b>C.2</b>	<b>Khi lợi ích các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật bảo vệ, các bên có quyền lợi liên quan phải có cơ hội được khiếu nại hiệu quả khi quyền lợi của họ bị vi phạm</b>		
C.2.1	Công ty có cung cấp thông tin liên lạc trên Website của Công ty và BCTN để các bên liên quan có thể liên hệ khi thắc mắc hay cần khiếu nại	☑	Công ty đã nêu rõ đầu mối liên lạc trên Website và báo cáo thường niên
<b>C.3</b>	<b>Các cơ chế nâng cao hiệu quả tham gia của người lao động cần được phép xây dựng</b>		
C.3.1	Công ty nêu rõ các chính sách sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho nhân viên	☑	
C.3.2	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên	☑	
C.3.3	Công ty có chính sách khen thưởng gắn hiệu quả hoạt động của Công ty trong dài hạn hơn là trong ngắn hạn	☑	
<b>C.4</b>	<b>Các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm cả người lao động và tổ chức đại diện cho họ, phải được tự do truyền đạt những lo ngại của họ về những việc làm không hợp pháp hoặc không phù hợp đạo đức lên HĐQT và việc này không được ảnh hưởng tới quyền lợi của họ</b>		
C.4.1	Công ty có quy trình để nhân viên tố giác về các hành vi vi phạm trong Công ty	×	Công ty chưa thực hiện nội dung này
C.4.2	Công ty có chính sách hay thủ tục để bảo vệ nhân viên/cá nhân khỏi bị trả đũa vì đã tiết lộ hành vi không hợp pháp/ không phù hợp đạo đức	×	Công ty chưa thực hiện nội dung này
<b>PHẦN D. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH</b>			
<b>D.1</b>	<b>Cấu trúc sở hữu minh bạch</b>		
D.1.1	Công bố thông tin sở hữu : Danh tính cổ đông lớn nắm giữ từ 5% cổ phần trở lên	☑	Công ty đã thực hiện nội dung này
D.1.2	Công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và gián tiếp của cổ đông lớn	☑	Công ty đã thực hiện công bố rất cụ thể trong báo cáo thường niên
D.1.3	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp (được cho là) gián tiếp của thành viên HĐQT	☑	
D.1.4	Công bố thông tin sở hữu : cá nhân số cổ phần trực tiếp và gián tiếp mà các thành viên Ban điều hành nắm giữ	☑	
D.1.5	Công bố thông tin chi tiết về Công ty mẹ, Công ty con, liên kết, liên doanh	☑	
<b>D.2</b>	<b>Chất lượng của Báo cáo thường niên</b>		
D.2.1	Mục tiêu của Công ty	☑	
D.2.2	Chỉ số hiệu quả tài chính	☑	
D.2.3	Chỉ số hiệu quả phi tài chính	☑	
D.2.4	Chính sách cổ tức	☑	
D.2.5	Chi tiết tiểu sử (tối thiểu tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày đầu bổ nhiệm, kinh nghiệm phù hợp, và vị trí thành viên HĐQT nào khác đang nắm giữ tại các Công ty niêm yết) của thành viên HĐQT	☑	Công ty đã thực hiện công bố cụ thể trong báo cáo thường niên
D.2.6	Chi tiết về tham gia của mỗi thành viên HĐQT trong các cuộc họp HĐQT đã thực hiện trong năm	☑	
D.2.7	Tổng thù lao của mỗi thành viên HĐQT	×	Chưa thực hiện chỉ tiêu này

Mã	Tiêu chí	Hiện trạng	Đánh giá
D.2.8	Báo cáo thường niên có công bố phát biểu, tuyên bố khẳng định sự tuân thủ đầy đủ của Công ty với quy tắc quản trị Công ty và trong trường hợp có tình trạng không tuân thủ, có xác định rõ và giải thích lý do cho mỗi vấn đề đó không	☑	Công ty đã thực hiện công bố rất cụ thể trong báo cáo thường niên
<b>D.3</b>	<b>Công bố giao dịch bên liên quan (GDBLQ)</b>		
D.3.1	Công ty có công bố chính sách về rà soát và phê duyệt GDBLQ trọng yếu/quan trọng	☑	Công ty có quy định nội dung này tại điều lệ Công ty;
D.3.2	Công ty có công bố tên của bên liên quan, mối quan hệ, bản chất và giá trị cho mỗi GDBLQ trọng yếu/quan trọng	☑	
<b>D.4</b>	<b>Thành viên/Ủy viên HĐQT giao dịch cổ phiếu của Công ty</b>		
D.4.1	Công ty có công bố giao dịch cổ phiếu của công ty do người nội bộ của Công ty thực hiện	☑	Công ty đã công bố cụ thể trên Báo cáo thường niên
<b>D.5</b>	<b>Kiểm toán độc lập và báo cáo kiểm toán</b>		
D.5.1	Công bố phí kiểm toán	☑	Công ty có CBTT về ký kết hợp đồng với Công ty kiểm toán nhưng chưa công bố phí dịch vụ kiểm toán
D.5.1	Công bố phí phi kiểm toán	×	Công ty không có phí dịch vụ phi kiểm toán
<b>D.6</b>	<b>Phương tiện truyền thông</b>		
D.6.1	Báo cáo quý	☑	Công bố rất đầy đủ
D.6.2	Trang thông tin điện tử Công ty	☑	Công ty đã thực hiện cập nhật đầy đủ website bằng tiếng Việt nhưng chưa thực hiện cập nhật tiếng Anh
D.6.3	Đánh giá của chuyên gia phân tích	☑	
D.6.4	Thông tin trên phương tiện truyền thông/hợp báo	☑	
<b>D.7</b>	<b>Nộp/Công bố báo cáo thường niên/Báo cáo tài chính đúng hạn</b>		
D.7.1	Báo cáo tài chính được công bố trong vòng 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	☑	Công ty tuân thủ tốt quy định này
D.7.2	Báo cáo thường niên được công bố trong vòng 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	☑	Công ty tuân thủ tốt quy định này
D.7.3	Sự trung thực và hợp lý của Báo cáo tài chính năm có được thành viên HĐQT và/hoặc thành viên điều hành có thẩm quyền của Công ty khẳng định	☑	Công ty tuân thủ tốt quy định này
<b>D.8</b>	<b>Công ty có trang thông tin điện tử công bố thông tin cập nhật về</b>		
D.8.1	Báo cáo tài chính (quý gần nhất)	☑	Công bố thông tin đầy đủ và cập nhật thường xuyên
D.8.2	Tài liệu của chuyên gia phân tích và cơ quan truyền thông	☑	Công bố thông tin đầy đủ và cập nhật thường xuyên
D.8.3	Báo cáo thường niên có thể được tải về	☑	Công bố thông tin đầy đủ và cập nhật thường xuyên
D.8.4	Thông báo và tài liệu họp ĐHCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường	☑	Công bố thông tin đầy đủ và cập nhật thường xuyên
D.8.5	Biên bản họp ĐHCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường	☑	Công bố thông tin đầy đủ và cập nhật thường xuyên
D.8.6	Điều lệ công ty có thể được tải về	☑	Công bố thông tin đầy đủ và cập nhật thường xuyên

Mã	Tiêu chí	Hiện trạng	Đánh giá
<b>D.9</b>	<b>Quan hệ nhà đầu tư</b>		
D.9.1	Công ty có công bố thông tin liên hệ (ví dụ : số điện thoại, fax, email) của cán bộ/bộ phận chịu trách nhiệm về quan hệ nhà đầu tư ?	☑	Công ty đã công bố đầy đủ thông tin này trên BCTN và Website Công ty
<b>PHẦN E: TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>			
<b>E.1</b>	<b>Vai trò và trách nhiệm của thành viên HĐQT</b>		
E.1.1	Công bố chính sách Quản trị Công ty, điều lệ hoạt động của HĐQT	☑	Công ty đã công bố đầy đủ trên Website Công ty
E.1.2	Các loại quyết định phải có phê duyệt của thành viên HĐQT có được công bố công khai	☑	Được công bố công khai theo luật định
E.1.3	Vai trò và trách nhiệm của thành viên HĐQT có được quy định và công bố rõ ràng	☑	Công bố đầy đủ nội dung này trong Báo cáo thường niên, Quy chế quản trị Công ty và Điều lệ Công ty
E.1.4	Công ty có công bố tầm nhìn và sứ mệnh được xem xét, cập nhật	☑	Công ty có công bố đầy đủ nội dung này trong Báo cáo thường niên
E.1.5	Thành viên HĐQT có đóng vai trò lãnh đạo trong quá trình xây dựng/ theo dõi chiến lược Công ty ít nhất 1 năm	☑	HĐQT chỉ đạo xây dựng/theo dõi sát sao việc triển khai thực hiện, cụ thể hóa các mục tiêu theo chiến lược
E.1.6	Thành viên HĐQT có quy trình xem xét, giám sát, theo dõi việc thực hiện chiến lược của Công ty	☑	HĐQT có xem xét, giám sát theo dõi việc thực hiện chiến lược của Công ty nhưng chưa có quy trình cụ thể
<b>E.2</b>	<b>Cơ cấu HĐQT</b>		
E.2.1	Công ty có công bố chi tiết bộ quy tắc đạo đức	×	Công ty chưa có bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp
E.2.2	Công ty nêu rõ rằng: Tất cả HĐQT, thành viên Ban điều hành và nhân viên được yêu cầu tuân thủ bộ quy tắc ứng xử	×	Công ty chưa có bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp
E.2.3	Công ty nêu rõ cách thực thi và kiểm soát việc tuân thủ bộ Quy tắc ứng xử	×	Công ty chưa có bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp
E.2.4	HĐQT có tối thiểu 50% thành viên độc lập	×	
E.2.5	Công ty có giới hạn về nhiệm kỳ tối đa 9 năm hoặc ít hơn hoặc tối đa 2 nhiệm kỳ 5 năm 1 đối với mỗi thành viên HĐQT độc lập	☑	Công ty đang thực hiện theo quy định tại điều lệ với nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 5 năm
E.2.6	Công ty có ra giới hạn tối đa năm vị trí HĐQT mà một thành viên HĐQT độc lập/không điều hành có thể nắm giữ đồng thời tại những Công ty khác không	☑	Công ty chưa có quy chế nhưng áp dụng tốt nguyên tắc này
E.2.7	Công ty có thành viên HĐQT điều hành nào phục vụ tại hơn 2 HĐQT của Công ty niêm yết ngoài tập đoàn	☑	HĐQT chỉ có một thành viên điều hành là Tổng Giám đốc
E.2.8	Công ty có tiểu ban nhân sự	×	Công ty không có tiểu ban nhân sự và lương thưởng
E.2.9	Tiểu ban nhân sự có bao gồm đa số thành viên HĐQT độc lập	×	Công ty không có tiểu ban nhân sự và lương thưởng
E.2.10	Chủ tịch của tiểu ban nhân sự có phải là thành viên HĐQT độc lập	×	Công ty không có tiểu ban nhân sự và lương thưởng
E.2.11	Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/điều lệ của tiểu ban Nhân sự	×	Công ty không có tiểu ban nhân sự và lương thưởng
E.2.12	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của tiểu ban nhân sự có được công bố công khai, nếu có, tiểu ban nhân sự có họp tối thiểu hai lần trong năm	×	Công ty không có tiểu ban nhân sự và lương thưởng

Mã	Tiêu chí	Hiện trạng	Đánh giá
E.2.13	Công ty có tiểu ban thù lao	×	Công ty không có tiểu ban thù lao
E.2.14	Tiểu ban thù lao có bao gồm đa số thành viên HĐQT độc lập	×	Công ty không có tiểu ban thù lao
E.2.15	Chủ tịch của tiểu ban nhân sự có phải là thành viên HĐQT độc lập	×	Công ty không có tiểu ban thù lao
E.2.16	Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/điều lệ của tiểu ban thù lao	×	Công ty không có tiểu ban thù lao
E.2.17	Sự tham gia thành viên trong các cuộc họp của tiểu ban thù lao có được công bố công khai, nếu có, tiểu ban thù lao có họp tối thiểu hai lần trong năm	×	Công ty không có tiểu ban thù lao
E.2.18	Công ty có tiểu ban kiểm toán	×	Công ty không có tiểu ban thù lao
E.2.19	Tiểu ban kiểm toán có bao gồm toàn bộ thành viên HĐQT không điều hành với đa số thành viên/ ủy viên HĐQT độc lập	×	
E.2.20	Chủ tịch của tiểu ban kiểm toán có phải là thành viên HĐQT độc lập	×	
E.2.21	Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/điều lệ của tiểu ban kiểm toán	×	
E.2.22	Tối thiểu một thành viên HĐQT độc lập của tiểu ban kiểm toán có chuyên môn về kế toán không (trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm kế toán) ?	×	
E.2.23	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp Tiểu ban kiểm toán có được công bố công khai, nếu có, tiểu ban kiểm toán có họp tối thiểu bốn lần trong năm	×	
E.2.24	Tiểu ban kiểm toán có trách nhiệm chính trong việc đưa ra khuyến nghị về bổ nhiệm và miễn nhiệm kiểm toán độc lập	×	
<b>E.3</b>	<b>Quy trình HĐQT</b>		
	<b>Họp và tham dự họp HĐQT</b>		
E.3.1	Họp HĐQT có được lập kế hoạch trước khi bắt đầu năm tài chính	☑	Lịch họp được sắp xếp và dự kiến nội dung trừ các trường hợp bất thường
E.3.2	Thành viên HĐQT họp tối thiểu 6 lần trong năm	☑	Năm 2018, Công ty tổ chức 10 cuộc họp, các thành viên đều tham dự đầy đủ
E.3.3	Mỗi thành viên HĐQT tham gia ít nhất 75% tổng số cuộc họp HĐQT trong năm đánh giá	☑	Công ty thực hiện tốt nội dung này
E.3.4	Công ty có yêu cầu về số đại biểu tham dự tối thiểu phải đạt 2/3 số thành viên HĐQT đối với các cuộc họp cần ra quyết định của HĐQT	☑	Được quy định trong điều lệ quy chế HĐQT
E.3.5	Thành viên HĐQT không điều hành của Công ty có cuộc họp tiên tối thiểu một lần trong năm mà không có mặt các thành viên điều hành	×	Công ty chưa thực hiện quy định này
	<b>Họp và tham dự họp HĐQT</b>		
E.3.6	Văn bản cho các cuộc họp HĐQT có được cung cấp cho HĐQT tối thiểu năm ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp HĐQT	☑	Nội dung này có trong điều lệ và đang thực hiện tốt
E.3.7	Thư ký Công ty có đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ HĐQT thực hiện trách nhiệm của mình	☑	Công ty đã nêu rõ trong điều lệ Công ty
E.3.8	Thư ký Công ty có được đào tạo về pháp lý, kế toán hay thực hành công tác thư ký công ty và được cập nhật các vấn đề mới có liên quan các nội dung trên	☑	Thư ký Công ty hoạt động chuyên trách, được đào tạo về kế toán, nắm rõ các quy định pháp lý về ngành, luật doanh nghiệp, luật chứng khoán

Mã	Tiêu chí	Hiện trạng	Đánh giá
	<b>Bổ nhiệm và tái cử thành viên HĐQT</b>		
E.3.9	Công ty có công bố các tiêu chí sử dụng để lựa chọn thành viên HĐQT mới	☑	Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên HĐQT được quy định cụ thể tạo Quy chế để cử, ứng cử thành viên HĐQT và công bố trên Website Công ty trước đại hội
E.3.10	Công ty có mô tả quy trình được áp dụng để bổ nhiệm thành viên HĐQT mới	☑	Công ty có đưa ra quy trình bầu thành viên HĐQT mới tại quy chế để cử, ứng cử thành viên HĐQT và công bố trên Website Công ty trước đại hội
E.3.11	Tất cả các thành viên HĐQT có được bầu lại tối thiểu 3 năm, hoặc 5 năm đối với Công ty niêm yết ở những quốc gia có pháp luật quy định nhiệm kỳ năm năm một lần	☑	Nhiệm kỳ thành viên HĐQT là 5 năm
	<b>Các vấn đề thù lao</b>		
E.3.12	Công ty có công bố chính sách/thực hành về thù lao (phí, thù lao, các hình thức quyền lợi hiện vật hoặc các bổng lộc khác) (nghĩa là việc sử dụng các chính sách khích lệ và các chỉ tiêu hiệu quả ngắn và dài hạn) đối với thành viên HĐQT điều hành và TGD	☑	
E.3.13	Cơ cấu thù lao cho thành viên HĐQT không điều hành có được công bố công khai	☑	
E.3.14	Cổ đông hay HĐQT có thông qua thù lao của thành viên HĐQT điều hành và/hoặc lãnh đạo cấp cao	☑	Thù lao của các thành viên HĐQT được ĐHCĐ thông qua
E.3.15	Công ty có các chính sách, tiêu chuẩn có thể đo lường để gắn mức thù lao chi trả dựa trên thành tích của các thành viên HĐQT điều hành hoặc ban điều hành với lợi ích lâu dài của Công ty, chẳng hạn như áp dụng điều khoản thu hồi, chính sách khoản thưởng hoãn lại	×	Công ty chưa có chính sách này
	<b>Kiểm toán nội bộ</b>		
E.3.16	Công ty có bộ phận kiểm toán nội bộ riêng biệt	×	Công ty chưa có bộ phận kiểm toán nội bộ riêng
E.3.17	Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ có được công bố, hoặc nếu được thuê ngoài, tên của Công ty thuê ngoài có được công bố công khai	×	Công ty chưa có bộ phận kiểm toán nội bộ riêng
E.3.18	Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm kiểm toán nội bộ có phải được tiểu ban kiểm toán thông qua	×	Công ty chưa có bộ phận kiểm toán nội bộ riêng
	<b>Giám sát rủi ro</b>		
E.3.19	Công ty có bố quy trình kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro và định kỳ xem xét tính hiệu quả của hệ thống mà Công ty đang thực hiện	☑	Có quy trình quản lý rủi ro và đã được công bố trong BCTN
E.3.20	Báo cáo thường niên/Báo cáo quản trị Công ty có công bố rằng thành viên HĐQT đã rà soát các chốt kiểm soát trọng yếu của Công ty (bao gồm các chốt kiểm soát về hoạt động, tài chính và tuân thủ) và các hệ thống quản lý rủi ro	☑	Có quy trình quản lý rủi ro và đã được công bố trong BCTN
E.3.21	Công ty có công bố cách thức quản lý các rủi ro quan trọng (như tài chính, vận hành bao gồm công nghệ thông tin, môi trường xã hội và kinh tế)	☑	Công ty đã phân loại các rủi ro, đưa ra cách thức quản lý rủi ro chủ yếu và công bố tại BCTN
E.3.22	Báo cáo thường niên/Báo cáo quản trị Công ty có trình bày tuyên bố của thành viên HĐQT hay tiểu ban kiểm toán về sự đầy đủ của các chốt kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro của Công ty	×	BCTN chưa nêu ra tuyên bố này

Mã	Tiêu chí	Hiện trạng	Đánh giá
<b>E.4</b>	<b>Nhân sự trong HĐQT</b>		
	<b>Chủ tịch HĐQT</b>		
E.4.1	Hai người khác nhau đảm nhiệm vị trí chủ tịch HĐQT và TGD	×	Công ty chưa đáp ứng tiêu chí này
E.4.2	Chủ tịch là thành viên HĐQT độc lập	×	Công ty chưa đáp ứng tiêu chí này
E.4.3	Vai trò và trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT có được công bố công khai	☑	Công ty có quy định về vai trò trách nhiệm của CHỦ tịch HĐQT trong điều lệ Công ty. Quy chế tổ chức hoạt động HĐQT
	<b>Trưởng thành viên HĐQT độc lập</b>		
E.4.4	Nếu chủ tịch không phải là thành viên HĐQT độc lập, HĐQT có bầu chọn trưởng thành viên độc lập (lead independent director) và vai trò của vị trí này có được xác định rõ ràng	×	Công ty chưa thực hiện theo thông lệ này do số lượng thành viên HĐQT độc lập còn hạn chế
	<b>Kỹ năng và năng lực</b>		
E.4.5	Công ty có tối thiểu một thành viên HĐQT không điều hành có kinh nghiệm làm việc trước đó trong lĩnh vực chính mà Công ty đang hoạt động	×	Công ty chưa đáp ứng tiêu chí này
<b>E.5</b>	<b>Hiệu quả HĐQT</b>		
	<b>Phát triển thành viên HĐQT</b>		
E.5.1	Công ty có chương trình định hướng cho các thành viên HĐQT mới	☑	Công ty chưa có thành viên HĐQT mới
E.5.2	Công ty có chính sách khuyến khích thành viên HĐQT tham gia các chương trình đào tạo liên tục hay đào tạo chuyên môn	☑	Công ty chưa có thành viên HĐQT mới
	<b>Bổ nhiệm và hiệu quả của TGD/BĐH</b>		
E.5.3	Công ty có công bố cách thức thành viên HĐQT xây dựng quy hoạch kế nhiệm cho vị trí TGD/Chủ tịch/Nhân sự chủ chốt	☑	Công ty có quy chế bổ nhiệm lãnh đạo, cán bộ quản lý
E.5.4	Thành viên HĐQT có thực hiện đánh giá hiệu quả hàng năm đối với HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá	☑	Được quy định cụ thể trong quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và được thực hiện định kỳ
	<b>Đánh giá thành viên HĐQT</b>		
E.5.5	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá	☑	Có tổng kết và đánh giá hoạt động của HĐQT hàng năm, công bố trong BCTN
E.5.6	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với từng thành viên HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá	×	Công ty chưa thực hiện theo thông lệ này
E.5.7	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với các ban của HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá	×	Công ty chưa thực hiện theo thông lệ này
<b>CÂU HỎI CẤP 2</b>			
Câu hỏi thường			
<b>(B)A. Quyền của cổ đông</b>			
<b>(B)A.1</b>	<b>Quyền tham gia hiệu quả vào và biểu quyết trong ĐHĐCĐ được thông báo trong các quy định bao gồm thủ tục biểu quyết diễn ra trong ĐHĐCĐ</b>		

Mã	Tiêu chí	Hiện trạng	Đánh giá
(B)A.1.1	Công ty có cho phép sử dụng biểu quyết vắng mặt bằng phương thức điện tử có đảm bảo tại Đại hội cổ đông ?	×	Công ty chưa thực hiện theo thông lệ này
	<b>(B)B. Đối xử công bằng với cổ đông</b>		
(B)B.1.1	Công ty có ra thông báo về ĐHĐCĐ (có chương trình chi tiết và thông báo giải thích), như thông báo cho Sở giao dịch, tối thiểu 28 ngày trước ngày họp	☑	Công ty thực hiện đúng quy định hiện hành
	<b>(B)C. Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan</b>		
(B)C.1	Quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương phải được tôn trọng	☑	
(B)C.1.1	Công ty có thực hiện khuôn khổ báo cáo được quốc tế công nhận về phát triển bền vững (nghĩa là GRI, Báo cáo tích hợp, SASB)	☑	
	<b>(B)D. Công bố thông tin minh bạch</b>		
	<b>(B)D.1 Chất lượng báo cáo thường niên</b>		
(B)D.1.1	Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán có được công bố công khai trong vòng 60 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính	☑	Công ty thực hiện CBTT báo cáo tài chính năm theo quy định về CBTT của UBCKNN là không quá 100 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính
(B)D.1.1	Công ty có công bố chi tiết về thù lao của TGD ?	☑	
	<b>(B)E. Trách nhiệm của HĐQT</b>		
	<b>(B)E.1 Năng lực và sự đa dạng của HĐQT</b>		
(B)E.1.1	Công ty có tối thiểu một thành viên HĐQT độc lập là nữ ?	☑	Có 1 thành viên HĐQT độc lập là nữ giới
(B)E.1.2	Công ty có công bố chính sách và các mục tiêu có thể đo lường để thực thi sự đa dạng của HĐQT và báo cáo tiến độ đạt được ?	×	Công ty chưa thực hiện nội dung này
	<b>(B)E.2 Cấu trúc HĐQT</b>		
(B)E.2.1	Tiểu ban nhân sự có bao gồm toàn bộ thành viên HĐQT độc lập ?	×	Công ty chưa thực hiện nội dung này do số lượng thành viên HĐQT độc lập ít
(B)E.2.2	Tiểu ban nhân sự có thực hiện quy trình xây dựng tiêu chí chất lượng các thành viên HĐQT phù hợp với định hướng chiến lược của Công ty	×	Công ty chưa thực hiện nội dung này do số lượng thành viên HĐQT độc lập ít
	<b>(B)E.3 Bổ nhiệm và tái cử HĐQT</b>		
(B)E.3.1	Công ty có sử dụng các công ty tìm kiếm hay nguồn ứng cử viên độc lập bên ngoài (như cơ sở dữ liệu thành viên HĐQT do các viện thành viên HĐQT hay hiệp hội cổ đông thiết lập) khi tìm kiếm ứng cử viên cho thành viên HĐQT	☑	Công ty có thực hiện công tác này khi tìm kiếm ứng cử viên cho thành viên HĐQT
	<b>(B)E.4 Bổ nhiệm và tái cử HĐQT</b>		
(B)E.4.1	Công ty có số thành viên HĐQT độc lập không điều hành chiếm trên 50% số thành viên HĐQT với chủ tịch là thành viên độc lập	☑	
	<b>(B)E.5 Quản lý rủi ro</b>		
(B)E.5.1	HĐQT có mô tả quy trình quản trị về vấn đề liên quan công nghệ thông tin như gián đoạn, an ninh mạng, khôi phục thảm họa, để đảm bảo rằng tất cả các rủi ro chính được xác định, quản lý và báo cáo cho HĐQT	×	Công ty chưa thực hiện chỉ tiêu này
	<b>(B)E.6 Hiệu quả hoạt động của HĐQT</b>		
(B)E.6.1	Công ty có Tiểu ban quản lý rủi ro riêng biệt		Công ty chưa thực hiện chỉ tiêu này

Mã	Tiêu chí	Hiện trạng	Đánh giá
<b>CÂU HỎI PHẠT</b>			
<b>(P)A. Quyền của cổ đông</b>			
<b>(P)A.1</b>	<b>Quyền cơ bản của cổ đông</b>		
(P)A.1.1	Công ty không hoặc sơ suất không đối xử công bằng đối với việc mua lại cổ phần đối với tất cả các cổ đông	☑	Công ty đối xử công bằng đối với việc mua lại cổ phần đối với tất cả các cổ đông
<b>(P)A.2</b>	<b>Cổ đông bao gồm cả cổ đông tổ chức phải được trao đổi với nhau về các vấn đề liên quan đến quyền cơ bản của cổ đông như nêu trong bộ nguyên tắc quản trị Công ty này, trừ trường hợp ngoại lệ nhằm ngăn ngừa lạm dụng</b>		
(P)A.2.1	Có bằng chứng gì về rào cản đối với việc cổ đông không được trao đổi thông tin hoặc tham khảo ý kiến cổ đông khác	☑	Không có bằng chứng nào
<b>(P)A.3</b>	<b>Quyền tham gia hiệu quả vào và biểu quyết trong ĐHĐCĐ và được thông báo về các quy định bao gồm thủ tục biểu quyết diễn ra trong Đại hội đồng cổ đông</b>		
(P)A.3.1	Công ty có đưa nội dung bổ sung và không được thông báo trước trong chương trình nghị sự vào thông báo ĐHĐCĐ/ĐHĐCĐ bất thường	☑	Công ty tổ chức ĐHĐCĐ theo đúng quy định Luật doanh nghiệp và các văn bản liên quan, không vi phạm nội dung này
(P)A.3.2	Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch tiểu ban kiểm toán và tổng giám đốc/Giám đốc có tham dự ĐHĐCĐ mới nhất	☑	Tất cả thành viên HĐQT đều tham dự Đại hội đồng cổ đông
<b>(P)A.4</b>	<b>Cơ cấu vốn và các thỏa ước cho phép một số cổ đông nắm giữ quyền kiểm soát không tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà họ sở hữu phải được công bố công khai</b>		
<b>Công ty không công bố sự tồn tại của</b>			
(P)A.4.1	Thỏa thuận cổ đông	☑	Công ty không có ưu đãi riêng ràng buộc này
(P)A.4.2	Giới hạn biểu quyết	☑	Công ty không có ưu đãi riêng ràng buộc này
(P)A.4.3	Cổ phiếu nhiều quyền biểu quyết	☑	Công ty không có ưu đãi riêng ràng buộc này
<b>(P)A.5</b>	<b>Cơ cấu vốn và các thỏa ước cho phép một số cổ đông nắm giữ quyền kiểm soát không tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà họ sở hữu phải được công bố công khai</b>		
(P)A.5.1	Cấu trúc sở hữu kim tự tháp và/hoặc cấu trúc sở hữu chéo có tồn tại	☑	Công ty không có cấu trúc sở hữu này, các cổ đông có quyền ngang nhau và được đối xử bình đẳng
<b>(P)B. Đối xử công bằng với cổ đông</b>			
<b>(P)B.1</b>	<b>Cần ngăn cản giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân</b>		
(P)B.1.1	Công ty có bị kết luận vi phạm về giao dịch nội gián liên quan đến thành viên HĐQT, Ban điều hành và nhân viên Công ty trong 03 năm qua	☑	Không có kết luận bị vi phạm. Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện tốt quy định này
<b>(P)B.2</b>	<b>Bảo vệ cổ đông thiểu số trước hành vi lạm dụng</b>		
(P)B.2.1	Có trường hợp không tuân thủ luật pháp, quy tắc và quy định liên quan đánh kẻ hoặc trọng yếu trong 3 năm trước không	☑	Không có
(P)B.2.2	Có bất kỳ giao dịch bên liên quan nào có thể được phân loại là hỗ trợ tài chính (nghĩa là không được thực hiện hợp lý trên cơ sở thị trường) cho các đơn vị không phải là Công ty con ?	☑	Không có

Mã	Tiêu chí	Hiện trạng	Đánh giá
<b>(P)C. Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan</b>			
<b>(P)C.1</b>	<b>Quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương phải được tôn trọng</b>		
(P)C.1.1	Có vi phạm luật pháp về các vấn đề lao động/ việc làm/người tiêu dùng/phá sản/thương mại/cạnh tranh hay môi trường	☑	Không có
<b>(P)C.2</b>	<b>Khi các bên có quyền lợi liên quan tham gia vào quá trình quản trị Công ty, họ phải được tiếp cận với thông tin phù hợp, đầy đủ và đáng tin cậy một cách kịp thời và thường xuyên</b>		
(P)C.2.1	Công ty có phải chịu bất kỳ hình phạt nào của cơ quan quản lý vì đã không công bố thông tin trong khoảng thời gian được yêu cầu đối với các sự kiện trọng yếu	☑	Không có
<b>(P)D. Công bố thông tin và minh bạch</b>			
<b>(P)D.1</b>	<b>Hình phạt của cơ quan quản lý liên quan đến báo cáo tài chính</b>		
(P)D.1.1	Công ty có nhận được “ý kiến ngoại trừ” trong báo cáo kiểm toán độc lập	☑	Không
(P)D.1.2	Công ty có nhận được “ý kiến bất lợi” trong báo cáo kiểm toán độc lập	☑	Không
(P)D.1.3	Công ty có nhận được “từ chối đưa ra ý kiến” trong báo cáo kiểm toán độc lập	☑	Không
(P)D.1.4	Công ty có sửa đổi báo cáo tài chính trong năm vừa qua vì những lý do khác với lý do thay đổi trong chính sách kế toán	☑	Không
<b>(P)E. Trách nhiệm của HĐQT</b>			
<b>(P)E.1</b>	<b>Tuân thủ về quy tắc và luật hiện hành về niêm yết</b>		
(P)E.1.1	Có bằng chứng là Công ty đã không tuân thủ quy tắc và quy định nào về niêm yết trong năm qua ngoài các quy định về công bố thông tin	☑	Không
(P)E.1.2	Có trường hợp mà thành viên HĐQT không điều hành đã từ nhiệm và nêu ra bất kỳ lo ngại nào liên quan đến quản trị	☑	Không
<b>(P)E.2</b>	<b>Cấu trúc HĐQT</b>		
(P)E.2.1	Công ty có thành viên HĐQT độc lập đã phục vụ hơn 9 năm hay hai nhiệm kỳ 5 năm 1 (chọn trường hợp nào cao hơn) với cùng chức trách	☑	Không
(P)E.2.2	Công ty đã không xác định rõ ai là thành viên HĐQT độc lập	☑	Công ty xác định rõ ràng 1 thành viên HĐQT độc lập
(P)E.2.3	Công ty có bất kỳ thành viên HĐQT độc lập nào giữ vai trò quản trị ở tổng cộng hơn 5 HĐQT của các Công ty đại chúng	☑	Công ty xác định rõ ràng 1 thành viên HĐQT độc lập
<b>(P)E.3</b>	<b>Kiểm toán độc lập</b>		
(P)E.3.1	(Trong hai năm trước) Có thành viên HĐQT hay lãnh đạo điều hành cấp cao từng là nhân viên hoặc thành viên hợp danh của Công ty kiểm toán độc lập hiện tại	☑	Không
<b>(P)E.4</b>	<b>Thành phần và cơ cấu HĐQT</b>		
(P)E.4.1	Chủ tịch HĐQT có phải là TGD của Công ty trong 3 năm qua	☑	Không
(P)E.4.2	Các thành viên độc lập không điều hành có được nhận các quyền chọn mua cổ phiếu, cổ phiếu thưởng	☑	Không

Thực hiện đánh giá Thẻ điểm quản trị Công ty khu vực ASEAN để tiệm cận gần hơn với các chuẩn mực về quản trị Công ty khu vực cũng như tự đánh giá chất lượng quản trị Công ty và thúc đẩy việc cải thiện thực tiễn việc quản trị tại Công ty, đảm bảo sự phát triển bền vững của doanh nghiệp

Trong năm lĩnh vực quản trị Công ty, có 4 lĩnh vực thực hiện tốt theo thông lệ là quyền cổ đông (đạt 21/21 chỉ số, 100%). Đối xử công bằng với cổ đông (đạt 13/15 chỉ số, 86,7%). Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan (đạt 11/13 chỉ số). Công bố thông tin minh bạch (28/32 chỉ số, 87,5%)

Hiện nay, Công ty tập trung xây dựng và ban hành và hoàn thiện các quy chế nội bộ nhằm cải thiện công tác quản trị của Công ty trên toàn hệ thống: quy chế quản lý tài chính (chống tham nhũng); quy chế bổ nhiệm và miễn nhiệm cán bộ quản lý; quy chế lương thưởng; chính sách/quy trình lựa chọn nhà thầu...

Riêng trong lĩnh vực trách nhiệm của HĐQT, chưa đạt điểm về kiểm toán nội bộ, công tác đánh giá của các thành viên, Công ty sẽ chú ý thực hiện sớm theo khuyến nghị. Về số lượng thành viên độc lập, Công ty hiện có 1 thành viên độc lập. Do đó Công ty sẽ cố gắng tăng số lượng thành viên độc lập để đảm bảo sự độc lập của HĐQT theo thông lệ tốt ASEAN đồng thời thực hiện tốt thông lệ quản trị theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.

Một số giải pháp cần thực hiện để nâng cao kết quả đánh giá quản trị theo thẻ điểm và năng lực thực hành quản trị tại Công ty như sau:

- Công bố các thông tin trên Website ngoài phiên bản tiếng Việt cần phải có thêm phiên bản tiếng Anh để đảm bảo sự đối xử công bằng giữa các cổ đông về tiếp cận thông tin và thực hiện quyền biểu quyết
- Tiếp tục hoàn thiện những điểm chưa thực hiện tốt theo thông lệ và theo đánh giá tại thẻ điểm quản trị Công ty khu vực ASEAN
- Hoàn thiện công tác quản trị thẻ điểm cân bằng chuẩn hóa theo ASEAN.





**IV**

**BÁO CÁO  
TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN**



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

kèm theo

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

**CÔNG CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**  
Lô 04, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

### NỘI DUNG

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Tổng giám đốc</b>	03 – 05
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	06 – 07
<b>Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán riêng	08 – 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	11– 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	13 – 45

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

**1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000462724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 09/05/2007, thay đổi lần thứ 18 ngày 14/09/2018.

Vốn điều lệ của Công ty là 379.498.470.000 đồng (Ba trăm bảy mươi chín tỷ bốn trăm chín mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).

**2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Tiến Lãng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Thành viên
Bà Hàn Kiều Minh Phương	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Gia	Phó Tổng giám đốc
Bà Võ Thị Ánh Nguyệt	Phó Tổng giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm :

Họ và tên	Chức vụ
Bà Trần Thị Kim Huệ	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Lê Thị Hồng Trang	Thành viên
Bà Trần Thị Quyên	Thành viên

**3. Trụ sở**

Công ty có trụ sở tại : Lô 04, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

**4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 31/12/2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**5. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ**

Công ty mua thêm 6.250.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Dầu khí V- Gas (sau đây gọi tắt là V-Gas) tương ứng với 125.000.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Ngọc Lê theo Nghị quyết số 01/10/2018/NQ - HĐQT ngày 12/10/2018 của Hội đồng Quản trị Công ty. Tổng số cổ phần đã mua đến 31/12/2018 của Công ty vào V-Gas là 19.250.000 Cổ phần, chiếm 85,56%

Công ty góp thêm 82.000.000.000 đồng tại Công ty TNHH Gas Miền Trung (nay là Công ty Cổ phần Gas Miền Trung) theo Nghị quyết số 01/05/2018 ngày 03/05/2018 của Hội đồng Quản trị Công ty. Ngày 10/11/2018 Công ty mua thêm 4.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Gas Miền Trung. Tổng số cổ phần đã mua tính đến 31/12/2018 của Công ty vào Công ty Cổ phần Gas Miền Trung là 16.900.000 Cổ phần, chiếm 93,89%.

Công ty chuyển nhượng toàn bộ 9.950.000 cổ phần tương đương 99.500.000.000 đồng tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Việt Thái theo Nghị quyết số 01/3/2018/NQ-HĐQT-PMG ngày 28/03/2018 của Hội đồng Quản trị Công ty.

**6. Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính riêng**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

**7. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty.

**8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**9. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Quảng Nam, ngày 10 tháng 04 năm 2019

TM. Ban Tổng giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bích Thuý

Số: 51 /2019/BCKT-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2019

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018  
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung Việt Nam được lập ngày 10 tháng 04 năm 2019, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 08 đến trang 45 kèm theo.

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung vào ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



**Dương Thị Thảo**

Phó Tổng giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0162- 2018-242-1

**Nguyễn Thị Huệ**

Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2943-2018-242-1

### CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01 – DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>81.469.407.904</b>	<b>158.908.079.654</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>16.823.728.641</b>	<b>13.003.778.987</b>
1. Tiền	111	5.1	16.823.728.641	13.003.778.987
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>45.269.677.561</b>	<b>125.699.788.774</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	35.850.225.472	91.709.160.124
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	648.563.000	33.276.929.650
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	8.000.000.000	-
4. Các khoản phải thu khác	136	5.4	770.889.089	713.699.000
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>6.175.258.984</b>	<b>19.319.333.614</b>
1. Hàng tồn kho	141		6.175.258.984	19.319.333.614
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>13.200.742.718</b>	<b>885.178.279</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	786.706.573	596.223.653
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.343.933.356	215.174.737
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	70.102.789	73.779.889
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>752.033.957.841</b>	<b>544.817.855.098</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>10.292.389.183</b>	<b>20.986.818.848</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	10.292.389.183	20.986.818.848
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>85.072.817.607</b>	<b>21.262.107.471</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	85.072.817.607	21.262.107.465
- Nguyên giá	222		106.053.132.492	39.809.917.326
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.980.314.885)	(18.547.809.861)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	6
- Nguyên giá	228		1.818.181.818	1.818.181.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.818.181.818)	(1.818.181.812)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.7</b>	<b>94.327.181.818</b>	<b>94.327.181.818</b>
- Nguyên giá	231		94.327.181.818	94.327.181.818
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>9.934.512.054</b>	<b>173.769.048</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.6	9.934.512.054	173.769.048
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.10</b>	<b>428.828.029.611</b>	<b>271.850.812.391</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		433.750.000.000	186.750.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	99.500.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(4.921.970.389)	(14.399.187.609)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>123.579.027.568</b>	<b>136.217.165.522</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	123.579.027.568	136.217.165.522
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>833.503.365.745</b>	<b>703.725.934.752</b>

Báo cáo tài chính riêng này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu số B 01 – DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>406.962.891.155</b>	<b>312.541.341.419</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>331.847.140.235</b>	<b>224.465.674.180</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	96.007.998.517	62.843.176.216
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	28.110.954.481	6.470.284.058
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	10.444.975.237	5.134.286.694
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	50.000.000	16.301.649
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	197.233.212.000	150.001.625.563
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>75.115.750.920</b>	<b>88.075.667.239</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331	5.12	741.300.000	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	53.400.028.920	63.890.969.239
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	20.974.422.000	24.184.698.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>5.17</b>	<b>426.540.474.590</b>	<b>391.184.593.333</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>426.540.474.590</b>	<b>391.184.593.333</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		379.498.470.000	330.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		379.498.470.000	330.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận chưa phân phối	421		47.042.004.590	61.184.593.333
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.686.123.333	33.151.027.151
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		35.355.881.257	28.033.566.182
3. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>833.503.365.745</b>	<b>703.725.934.752</b>

Quảng Nam, ngày 10 tháng 04 năm 2019

Người lập

Nguyễn Thị Bé

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Linh Thường

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bích Thủy

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Năm 2018

Mẫu số B 02 – DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>6.1</b>	<b>836.215.569.595</b>	<b>579.980.943.485</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	786.403.637	1.066.374.496
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>835.429.165.958</b>	<b>578.914.568.989</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>6.3</b>	<b>762.852.171.309</b>	<b>507.472.399.591</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>72.576.994.649</b>	<b>71.442.169.398</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	14.647.597.035	3.748.400.955
7. Chi phí tài chính	22	6.5	5.102.691.841	15.419.343.528
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.492.019.313	10.423.269.564
8. Chi phí bán hàng	25	6.8	28.809.272.074	26.578.588.877
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	7.133.966.125	6.487.183.614
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>46.178.661.644</b>	<b>26.705.454.334</b>
11. Thu nhập khác	31	6.6	6.770.908.394	8.384.141.502
12. Chi phí khác	32	6.7	7.003.510.780	38.110.487
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(232.602.386)</b>	<b>8.346.031.015</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>45.946.059.258</b>	<b>35.051.485.349</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	10.590.178.001	7.017.919.167
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>35.355.881.257</b>	<b>28.033.566.182</b>

Quảng Nam, ngày 10 tháng 04 năm 2019

Người lập

Nguyễn Thị Bé

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Linh Thường

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bích Thủy

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Mẫu số B 03 – DN

Theo phương pháp gián tiếp

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		45.946.059.258	35.051.485.349
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.432.505.030	3.122.485.382
- Các khoản dự phòng	03		(9.477.217.220)	4.996.073.964
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		6.944.357	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.009.167.732)	(3.868.855.491)
- Chi phí lãi vay	06		14.492.019.313	10.423.269.564
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		43.391.143.006	49.724.458.768
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		85.013.832.709	(49.812.589.878)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		13.144.074.630	(6.869.074.445)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		45.242.119.254	11.032.420.954
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		12.447.655.034	(10.530.852.280)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(14.492.019.313)	(10.423.269.564)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.517.919.167)	(7.596.521.383)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		179.228.886.153	(24.475.427.828)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(73.932.470.311)	(94.555.411.418)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	200.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	116.640.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(247.000.000.000)	(79.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		99.500.000.000	34.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.009.167.732	11.689.378.077
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(219.423.302.579)	(11.026.033.341)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Mẫu số B 03 – DN

Theo phương pháp gián tiếp

Năm 2018

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		555.506.167.692	419.900.754.579
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(511.484.857.255)	(377.484.431.016)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		44.021.310.437	42.416.323.563
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		3.826.894.011	6.914.862.394
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		13.003.778.987	6.088.916.593
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(6.944.357)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		16.823.728.641	13.003.778.987

Quảng Nam, ngày 10 tháng 04 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Bé

Nguyễn Thị Linh Thường

Nguyễn Thị Bích Thủy

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000462724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 09/05/2007, thay đổi lần thứ 18 ngày 14/09/2018.

Vốn điều lệ của Công ty là 379.498.470.000 đồng (Ba trăm bảy mươi chín tỷ bốn trăm chín mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).

**Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan khác.

**Ngành nghề kinh doanh:**

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. *Chi tiết: kinh doanh, xuất nhập khẩu khí đốt hóa lỏng LPG (bao gồm bán LPG cho xe bồn, xe ô tô, xe máy, LPG chai lớn và chai nhỏ), CNG, xăng, dầu, dầu nhờn, chi tiết nạp gas chai lớn, chai mini, xe ô tô và xe bồn. Kinh doanh vỏ bình gas, bếp gas và các phụ kiện liên quan;*
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn đồ uống chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

**Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** Không

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có các chi nhánh sau:

STT	Chi nhánh	Địa bàn
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Đà Lạt	Tỉnh Lâm Đồng
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung, chi nhánh Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Quảng Trị	Tỉnh Quảng Trị
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Bình Định	Tỉnh Bình Định
5	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam
6	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Thừa Thiên Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế

Công ty có các Công ty con như sau:

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Dầu khí V- Gas	85,56%	Số 1A/8 đường Châu Văn Lông, KP Long Diêm, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
2	Công ty Cổ phần Gas Miền Trung (*)	93,89%	Lô số 6, KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
3	Công ty TNHH Trung Nam	65%	Số 8G khu phố II, phường Hiệp Thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
4	Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung (**)	93,89%	Khu Công nghiệp Hậu cần cảng Tam Hiệp, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam

(\*) Công ty TNHH Gas Miền Trung chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Gas Miền Trung theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 06/11/2018.

(\*\*) Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung là Công ty con của Công ty Cổ phần Gas Miền Trung, tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Gas Miền Trung tại Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung là 100%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### Cơ sở hoạt động liên tục

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy trước.

## 3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 4.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

### 4.3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

### Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

- Công ty con là công ty mà Công ty có quyền chi phối các chính sách và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.
- Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.



- Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phân ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

#### 4.4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

#### 4.5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### 4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và

chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	10 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

#### Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

Nhãn hiệu hàng hóa	03 năm
--------------------	--------

#### 4.7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí vô bình, chi phí kiểm định vô bình, các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí vô bình, chi phí kiểm định vô bình được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn 10 năm.

**4.8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- o Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- o Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).

**4.9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**4.10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**4.11. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong năm, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

**4.12. Nguyên tắc kế toán Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

**4.13. Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, chi phí cho hoạt động liên doanh phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

**4.14. Thuế**

**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):**

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm của Công ty sẽ là 10%.

**Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):**

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

**Các loại thuế khác:** theo quy định hiện hành của Việt Nam. Công cụ tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

#### 4.15. Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

##### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### 4.16. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 8.5

#### 4.17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro, lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

##### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có lĩnh vực kinh doanh chính là: bán buôn nhiên liệu rắn lỏng khí, các hoạt động khác chiếm tỉ trọng không đáng kể ( dưới 10%) trong tổng doanh thu, tài sản và kết quả kinh doanh. Do đó, công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

##### Khu vực địa lý:

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu tại Quảng Nam, Bình Định, Quảng Trị, Huế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	6.928.701.768	10.004.297.410
Tiền gửi ngân hàng	9.895.026.873	2.999.481.577
<b>Cộng</b>	<b>16.823.728.641</b>	<b>13.003.778.987</b>

**5.2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>35.850.225.472</b>	<b>91.709.160.124</b>
- Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung	2.245.984.154	67.598.316.833
- Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ An Hiệp Lợi	6.246.092.832	5.965.909.318
- Các khoản phải thu khách hàng khác	27.358.148.486	18.144.933.973
<b>b) Phải thu khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>4.996.597.440</b>	<b>68.111.024.028</b>
- Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas chi nhánh Đức Trọng	150.191.756	472.907.195
- Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas chi nhánh Đông Xuyên	51.104.597	36.400.000
- Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas chi nhánh Phú Mỹ	-	3.400.000
- Công ty Cổ phần Gas Miền Trung tại Khánh Hòa	2.549.316.933	-
- Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung	2.245.984.154	67.598.316.833

**5.3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>648.563.000</b>	<b>33.276.929.650</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Việt Thái	-	30.000.000.000
- Trung tâm Phát triển Quỹ đất thị xã Hương Thủy	426.301.000	426.301.000
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Saiko	150.000.000	700.000.000
- Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	72.262.000	2.150.628.650
<b>b) Trả trước cho người bán dài hạn</b>	-	-
<b>c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	-	-

**5.4 . PHẢI THU KHÁC, PHẢI THU VỀ CHO VAY**

PHẢI THU VỀ CHO VAY	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>8.000.000.000</b>	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Tú Tú	3.000.000.000	-	-	-
Ông Nguyễn Văn Trung	5.000.000.000	-	-	-
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	-	-
PHẢI THU KHÁC	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>770.889.089</b>	-	<b>713.699.000</b>	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	713.699.000	-	713.699.000	-
Phải thu khác	57.190.089	-	-	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>10.292.389.183</b>	-	<b>20.986.818.848</b>	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	10.292.389.183	-	20.986.818.848	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
+ Công ty TNHH Totalgaz Việt Nam	4.067.000.000	-	10.745.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	5.021.659.177	-	5.870.700.000	-
+ Công ty Cổ phần Dầu khí V- Gas	1.203.730.006	-	555.400.000	-
+ Các đơn vị khác	-	-	3.815.718.848	-
<b>c) Phải thu khác là các bên liên quan</b>				
- Phải thu khác	-	-	-	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	6.225.389.183	-	6.426.100.000	-
+ Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	5.021.659.177	-	5.870.700.000	-
+ Công ty Cổ phần Dầu khí V- Gas	1.203.730.006	-	555.400.000	-

**5.5 . HÀNG TỒN KHO**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	802.418.754	-	1.175.580.775	-
Hàng hóa	5.372.840.230	-	18.143.752.839	-
<b>Cộng</b>	<b>6.175.258.984</b>	-	<b>19.319.333.614</b>	-

**5.6 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	Cuối năm		Đầu năm	
	<b>a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>			
<b>b) Xây dựng cơ bản dở dang</b>				
+ Công trình văn phòng chi nhánh Huế	-	-	173.769.048	-
+ Mua bồn gas LPG	9.934.512.054	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>9.934.512.054</b>	-	<b>173.769.048</b>	-

**5.7 . TĂNG GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Bất động sản đầu tư, nắm giữ chờ tăng giá</b>				
Nguyên giá	94.327.181.818	-	-	94.327.181.818
Quyền sử dụng đất	89.200.704.545	-	-	89.200.704.545
Nhà	5.126.477.273	-	-	5.126.477.273
Tồn thất do suy giảm giá trị	-	-	-	-
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	-	-	-	-
Giá trị còn lại	94.327.181.818	-	-	94.327.181.818
Quyền sử dụng đất	89.200.704.545	-	-	89.200.704.545
Nhà	5.126.477.273	-	-	5.126.477.273

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất và nhà ở tại 68-74-76 Lê Duẩn, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

**5.8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	10.368.765.148	22.171.896.713	6.672.068.894	554.731.571	42.455.000	39.809.917.326
Tăng trong năm	7.379.082.347	58.864.132.819	-	-	-	66.243.215.166
- <i>Mua trong năm</i>	-	93.050.000	-	-	-	93.050.000
- <i>Đầu tư XDCB hoàn thành</i>	7.379.082.347	58.771.082.819	-	-	-	66.150.165.166
- <i>Tặng khác</i>	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	17.747.847.495	81.036.029.532	6.672.068.894	554.731.571	42.455.000	106.053.132.492
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	4.113.582.780	12.303.053.997	1.812.908.697	290.432.787	27.831.600	18.547.809.861
Tăng trong năm	574.753.968	1.099.277.345	698.047.286	57.596.093	2.830.332	2.432.505.024
- <i>Số khấu hao trong năm</i>	574.753.968	1.099.277.345	698.047.286	57.596.093	2.830.332	2.432.505.024
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- <i>Giảm khác</i>	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	4.688.336.748	13.402.331.342	2.510.955.983	348.028.880	30.661.932	20.980.314.885
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	6.255.182.368	9.868.842.716	4.859.160.197	264.298.784	14.623.400	21.262.107.465
2. Tại ngày cuối năm	13.059.510.747	67.633.698.190	4.161.112.911	206.702.691	11.793.068	85.072.817.607

• Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 23.660.412.826 VND

• Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.925.795.445 VND

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính*

25

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

**5.9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm kế toán, thiết kế	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	-	-	1.818.181.818	-	-	1.818.181.818
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- <i>Mua trong năm</i>	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- <i>Giảm khác</i>	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	1.818.181.818	-	-	1.818.181.818
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	-	-	1.818.181.812	-	-	1.818.181.812
Tăng trong năm	-	-	6	-	-	6
- <i>Số khấu hao trong năm</i>	-	-	6	-	-	6
- <i>Tặng khác</i>	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- <i>Giảm khác</i>	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	1.818.181.818	-	-	1.818.181.818
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	-	-	6	-	-	6
2. Tại ngày cuối năm	-	-	-	-	-	-

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính*

26

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**Mẫu số B 09 - DN****5.10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>433.750.000.000</b>	<b>(4.921.970.389)</b>	<b>(*)</b>	<b>286.250.000.000</b>
- Đầu tư vào Công ty con	433.750.000.000	(4.921.970.389)	(*)	186.750.000.000
+ Công ty Cổ phần Dầu khí V- Gas (1)	255.000.000.000	(4.921.970.389)	(*)	130.000.000.000
+ Công ty TNHH Trung Nam	9.750.000.000	-	(*)	9.750.000.000
+ Công ty Cổ phần Gas Miền Trung (2)	169.000.000.000	-	(*)	47.000.000.000
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	(*)	99.500.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Việt Thái (3)	-	-	(*)	99.500.000.000

(1) Công ty mua thêm 6.250.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Dầu khí V- Gas (sau đây gọi tắt là V-Gas) tương ứng với 125.000.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Ngọc Lê theo Nghị quyết số 01/10/2018/NQ - HĐQT ngày 12/10/2018 của Hội đồng Quản trị Công ty. Tổng số cổ phần đã mua đến 31/12/2018 của Công ty vào V-Gas là 19.250.000 Cổ phần, chiếm 85,56%.

(2) Công ty góp thêm 82.000.000.000 đồng tại Công ty TNHH Gas Miền Trung (nay là Công ty Cổ phần Gas Miền Trung) theo Nghị quyết số 01/05/2018, ngày 03/05/2018 của Hội đồng Quản trị Công ty. Ngày 10/11/2018 Công ty mua thêm 4.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Gas Miền Trung. Tổng số cổ phần đã mua tính đến 31/12/2018 của Công ty vào Công ty Cổ phần Gas Miền Trung là 16.900.000 Cổ phần, chiếm 93,89%.

(3) Công ty chuyển nhượng toàn bộ 9.950.000 cổ phần tương đương 99.500.000.000 đồng tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Việt Thái theo Nghị quyết số 01/3/2018/NQ-HĐQT-PMG ngày 28/03/2018 của Hội đồng Quản trị Công ty.

(\*) Xem Thuyết minh Báo cáo tài chính số 8.6.iv - Giá trị hợp lý

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

27

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**Mẫu số B 09 - DN****5.10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

- Thông tin chi tiết của công ty con trong năm:

Công ty con	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Lĩnh vực kinh doanh	Tình hình kinh doanh
Công ty Cổ phần Dầu khí V- Gas	Số 1A/8 đường Châu Văn Lông, Khu phố Long Điền, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, Đồng Nai	85,56%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí	Năm 2018, Công ty kinh doanh có lãi. Tại thời điểm 31/12/2018 Công ty vẫn còn lỗ lũy kế	
Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	Lô số 6, KCN Điện Nam, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	93,89%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí	Kinh doanh có lãi	
Công ty TNHH Trung Nam	Số 8G khu phố II, phường Hiệp Thành, Quận 12 thành phố Hồ Chí Minh	65%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí	Kinh doanh có lãi	

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

28

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

**5.11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

**a) Ngắn hạn**

- Các khoản khác

**b) Dài hạn**

- Chi phí vô hình phân bổ  
- Chi phí kiểm định vô hình  
- Chi phí bảo dưỡng vô hình  
- Chi phí mua thương hiệu  
- Chi phí dài hạn khác

**Cộng**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>786.706.573</b>	<b>596.223.653</b>
- Các khoản khác	786.706.573	596.223.653
<b>b) Dài hạn</b>	<b>123.579.027.568</b>	<b>136.217.165.522</b>
- Chi phí vô hình phân bổ	99.687.491.564	109.244.957.688
- Chi phí kiểm định vô hình	3.273.518.332	3.714.828.782
- Chi phí bảo dưỡng vô hình	2.691.310.466	2.365.038.833
- Chi phí mua thương hiệu	11.515.151.498	19.696.969.680
- Chi phí dài hạn khác	6.411.555.708	1.195.370.539
<b>Cộng</b>	<b>124.365.734.141</b>	<b>136.813.389.175</b>

**5.12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

**a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn**

- Công ty Cổ phần Gas Miền Trung  
- Công ty CP Kinh doanh khí Miền Nam, chi nhánh Miền Đông  
- Chi nhánh Tổng CTKVN Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản Phẩm Khí  
- Phải trả cho các đối tượng khác

**b) Các khoản phải trả người bán dài hạn**

- Công ty Cổ phần dầu khí V-Gas

**c) Phải trả người bán là các bên liên quan**

- Công ty Cổ phần Gas Miền Trung  
- Công ty Cổ phần Dầu khí V- Gas

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>96.007.998.517</b>	<b>96.007.998.517</b>	<b>62.843.176.216</b>	<b>62.843.176.216</b>
- Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	56.661.202.407	56.661.202.407	8.981.946.797	8.981.946.797
- Công ty CP Kinh doanh khí Miền Nam, chi nhánh Miền Đông	13.865.672.836	13.865.672.836	31.527.432.823	31.527.432.823
- Chi nhánh Tổng CTKVN Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản Phẩm Khí	22.442.104.425	22.442.104.425	20.541.790.551	20.541.790.551
- Phải trả cho các đối tượng khác	3.039.018.849	3.039.018.849	1.792.006.045	1.792.006.045
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	<b>741.300.000</b>	<b>741.300.000</b>	-	-
- Công ty Cổ phần dầu khí V-Gas	741.300.000	741.300.000	-	-
<b>c) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>59.594.430.140</b>	<b>59.594.430.140</b>	<b>8.983.965.665</b>	<b>8.983.965.665</b>
- Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	56.661.202.407	56.661.202.407	8.981.946.797	8.981.946.797
- Công ty Cổ phần Dầu khí V- Gas	2.933.227.733	2.933.227.733	2.018.868	2.018.868

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

**5.13 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

**a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

- Công ty Cổ phần Dầu khí V- Gas  
- KNHC ENGINEERING Co.,Ltd

- Đối tượng khác

**b) Người mua trả tiền trước dài hạn**

**c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan**

Công ty Cổ phần Dầu khí V- Gas

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>28.110.954.481</b>	<b>28.110.954.481</b>	<b>6.470.284.058</b>	<b>6.470.284.058</b>
- Công ty Cổ phần Dầu khí V- Gas	24.672.240.941	24.672.240.941	6.356.545.854	6.356.545.854
- KNHC ENGINEERING Co.,Ltd	2.613.233.663	2.613.233.663	-	-
- Đối tượng khác	825.479.877	825.479.877	113.738.204	113.738.204
<b>b) Người mua trả tiền trước dài hạn</b>				
<b>c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần Dầu khí V- Gas	24.672.240.941	24.672.240.941	6.356.545.854	6.356.545.854

**5.14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

**a) Phải nộp**

- Thuế GTGT  
- Thuế TNDN  
- Thuế xuất nhập khẩu  
- Tiền thuê đất  
- Các loại thuế khác

**b) Phải thu**

- Thuế thu nhập cá nhân

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm
<b>a) Phải nộp</b>	<b>5.134.286.694</b>	<b>14.258.043.146</b>	<b>8.947.354.603</b>	<b>10.444.975.237</b>
- Thuế GTGT	56.137.757	2.162.205.200	1.923.775.491	294.567.466
- Thuế TNDN	5.078.148.937	10.590.178.001	5.517.919.167	10.150.407.771
- Thuế xuất nhập khẩu	-	1.489.222.675	1.489.222.675	-
- Tiền thuê đất	-	7.686.393	7.686.393	-
- Các loại thuế khác	-	8.750.877	8.750.877	-
<b>b) Phải thu</b>	<b>Đầu năm</b>	<b>Số phải thu trong năm</b>	<b>Số đã thu trong năm</b>	<b>Cuối năm</b>
- Thuế thu nhập cá nhân	73.779.889	-	3.677.100	70.102.789

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**5.15 . PHẢI TRẢ KHÁC**

**a) Ngắn hạn**

- Kinh phí công đoàn  
- Phải trả, phải nộp khác

**b) Dài hạn**

- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn

**c) Phải trả khác là các bên liên quan**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>50.000.000</b>	<b>16.301.649</b>
- Kinh phí công đoàn	-	14.265.349
- Phải trả, phải nộp khác	50.000.000	2.036.300
<b>b) Dài hạn</b>	<b>53.400.028.920</b>	<b>63.890.969.239</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	53.400.028.920	63.890.969.239

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

**5.16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>197.233.212.000</b>	<b>197.233.212.000</b>	<b>557.859.379.692</b>	<b>510.627.793.255</b>	<b>150.001.625.563</b>	<b>150.001.625.563</b>
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>188.400.000.000</i>	<i>188.400.000.000</i>	<i>549.026.167.692</i>	<i>503.340.469.255</i>	<i>142.714.301.563</i>	<i>142.714.301.563</i>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương, chi nhánh Quảng Nam (1)	47.400.000.000	47.400.000.000	114.180.000.000	102.580.000.000	35.800.000.000	35.800.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Hội An (2)	122.900.000.000	122.900.000.000	364.596.482.194	324.426.482.194	82.730.000.000	82.730.000.000
- Ngân hàng TMCP Á Châu, chi nhánh Quảng Nam (3)	-	-	9.449.685.498	11.803.987.061	2.354.301.563	2.354.301.563
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Đà Nẵng (4)	18.100.000.000	18.100.000.000	60.800.000.000	64.530.000.000	21.830.000.000	21.830.000.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>8.833.212.000</b>	<b>8.833.212.000</b>	<b>8.833.212.000</b>	<b>7.287.324.000</b>	<b>7.287.324.000</b>	<b>7.287.324.000</b>
- Ngân hàng TMCP Á Châu, chi nhánh Quảng Nam (5)	7.993.212.000	7.993.212.000	7.993.212.000	7.287.324.000	7.287.324.000	7.287.324.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam (6)	840.000.000	840.000.000	840.000.000	-	-	-
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>20.974.422.000</b>	<b>20.974.422.000</b>	<b>6.480.000.000</b>	<b>9.690.276.000</b>	<b>24.184.698.000</b>	<b>24.184.698.000</b>
- Ngân hàng TMCP Á Châu, chi nhánh Quảng Nam (5)	18.044.422.000	18.044.422.000	2.500.000.000	8.640.276.000	24.184.698.000	24.184.698.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam (6)	2.930.000.000	2.930.000.000	3.980.000.000	1.050.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>218.207.634.000</b>	<b>218.207.634.000</b>	<b>564.339.379.692</b>	<b>520.318.069.255</b>	<b>174.186.323.563</b>	<b>174.186.323.563</b>

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

31

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

**5.16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(1) Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 6500H1/18007/NHNT ngày 11/01/2018 ký với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam. Hạn mức cho vay: 50.000.000.000 VND. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng. Thời hạn cho vay tối đa là 6 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn. Lãi suất cho vay: được quy định theo từng giấy nhận nợ từng lần rút vốn, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng nhà xưởng, công trình gắn liền với đất và dây chuyền máy móc theo theo 3 Hợp đồng thế chấp sau: (01) HĐ thế chấp số 006/2011/VCB.QNA ngày 05/01/2011 và BDDG tài sản số 031/BBĐG ngày 10/04/2017; (02) HĐ thế chấp số 007/2011/VCB.QNA ngày 05/01/2011 và BDDG tài sản số 032/BBĐG ngày 10/04/2017; (03) HĐ thế chấp tài sản gắn liền với đất số 018/2016/VCB.QNA ngày 18/03/2016 thế chấp tài sản của bên thứ 3 bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của ông Nguyễn Tiến Lãng và bà Nguyễn Thị Bích Thùy tại 351 Phan Châu Trinh, p. Bình Hiên, q. Hải Châu, tp Đà Nẵng

(2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/1786362/HĐTD ngày 19/06/2018 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hội An. Hạn mức cho vay 200.000.000.000 VND. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày cấp hạn mức Hợp đồng này. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh, bảo lãnh, mở LC. Lãi suất cho vay: Xác định trong từng HĐTD cụ thể theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp được quy định tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2018/1786362/HĐBB ký ngày 19/06/2018.

(3) Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số TAK.DN.542.220317 ngày 10/03/2017 với Ngân hàng TMCP Á Châu, hạn mức cho vay 5.000.000.000 VND. Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số TAK.DN.565.220317 ngày 28/03/2017 với Ngân hàng TMCP Á Châu. Hạn mức thấu chi 5.000.000.000 VND. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn hiệu lực hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký. Lãi suất thấu chi: 7%/năm. Thời hạn cho vay được ghi trên mỗi khế ước nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng kể từ ngày kế tiếp của ngày giải ngân. Lãi suất cho vay: được quy định trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng xe đầu kéo, xe tải các loại, vỏ bình gas và tài sản của bên thứ 3 là bất động sản 139 Triệu Nữ Vương, p. Hải Châu 2, q. Hải Châu, tp. Đà Nẵng của ông Nguyễn Tiến Lãng và bà Nguyễn Thị Bích Thùy theo hợp đồng thế chấp số TAK.BDDN.79.080217.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

32



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

**5.16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(4) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017-HĐTĐHM/NHCT480- PETRO MIỀN TRUNG ký ngày 25/12/2017 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng. Hạn mức cho vay tối đa 30.000.000.000 VND. Thời hạn cấp hạn mức: Từ ngày 25/12/2017 đến ngày 20/12/2018. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh. Thời hạn cho vay: Tối đa không quá 6 tháng đối với từng khoản nợ. Lãi suất cho vay: Xác định trong HĐTD cụ thể theo từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo của khoản vay quy định tại 2 Hợp đồng bảo đảm là Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 01/2017/HĐCC/CN480-NGUYEN THI BICH THUY ngày 11/07/2017 và Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 02/2017/HĐCC/CN480-NGUYEN THI BICH THUY ngày 24/07/2017.

(5) Hợp đồng tín dụng số TAK.DN.552.220317 ngày 28/03/2017 với Ngân hàng TMCP Á Châu, hạn mức cho vay 40.000.000.000 VND. Mục đích vay: bổ sung vốn hỗ trợ tài chính. Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày nhận tiền vay. Lãi suất cho vay: được quy định trong từng khe ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng xe đầu kéo, xe tải các loại, vỏ bình gas và tài sản của bên thứ ba là bất động sản tại 139 Triệu Nữ Vương, P. Hải Châu 2, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng của ông Nguyễn Tiến Lãng và Nguyễn Thị Bích Thủy theo hợp đồng thế chấp số TAK. BDDN.79.080217.

(6) Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 6500J1/18008/NHNT ký ngày 16/01/2018 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay. Số tiền cho vay tối đa là 15.000.000.000 VND. Mục đích vay: Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng và bù đắp vốn tự có đã sử dụng để thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy tôn trữ và chiết nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG). Biện pháp đảm bảo tiền vay là nhà xưởng, công trình xây dựng, dây chuyền MMTB, quyền sử dụng đất và các tài sản hình thành trong tương lai được xác định tại các Hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng và Công ty, tổng giá trị tài sản thế chấp bằng 58.358.200.907 VND.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

33

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

**5.17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	330.000.000.000				33.151.027.151	363.151.027.151
Tăng vốn năm trước					-	-
Lãi trong năm trước					28.033.566.182	28.033.566.182
Tăng khác					-	-
Giảm khác					-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	330.000.000.000				61.184.593.333	391.184.593.333
Tăng vốn trong năm nay	49.498.470.000					49.498.470.000
Lãi trong năm nay					35.355.881.257	35.355.881.257
Tăng khác					-	-
Giảm trong năm nay (*)					49.498.470.000	49.498.470.000
Giảm khác					-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	379.498.470.000				47.042.004.590	426.540.474.590

(\*) Theo nghị quyết số 01A/2018/NQ-ĐHCD ngày 18/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Miền Trung và được Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận theo Quyết định số 328/QĐ- SGDHCM ngày 24/08/2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

34

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

**5.17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước			
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	379.498.470.000	330.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>379.498.470.000</b>	<b>330.000.000.000</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	330.000.000.000	330.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	49.498.470.000	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	379.498.470.000	330.000.000.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	49.498.470.000	-

d) Cổ phiếu	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.949.847	33.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.949.847	33.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	37.949.847	33.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.949.847	33.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	37.949.847	33.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng	10.000 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

6.1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Năm nay	Năm trước
<b>a) Doanh thu</b>	<b>836.215.569.595</b>	<b>579.980.943.485</b>
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	827.403.125.478	576.549.300.426
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.812.444.117	3.431.643.059
<b>b) Doanh thu đối với các bên liên quan</b>	<b>366.940.533.870</b>	<b>260.298.597.162</b>
- Công ty Cổ phần Dầu khí V- Gas	279.862.461.203	164.906.128.978
- Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	11.035.742.667	-
- Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung	76.042.330.000	95.392.468.184

6.2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	743.221.819	1.066.374.496
Giảm giá hàng bán	43.181.818	-
<b>Cộng</b>	<b>786.403.637</b>	<b>1.066.374.496</b>

6.3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Năm nay	Năm trước
<b>Giá vốn của hàng đã bán</b>	<b>762.852.171.309</b>	<b>507.472.399.591</b>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	757.615.695.891	505.777.384.609
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.236.475.418	1.695.014.982
<b>Cộng</b>	<b>762.852.171.309</b>	<b>507.472.399.591</b>

6.4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay	59.167.732	3.748.400.955
Lãi bán các khoản đầu tư	9.950.000.000	-
Lãi bán hàng trả chậm	4.538.833.565	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	99.595.738	-
<b>Cộng</b>	<b>14.647.597.035</b>	<b>3.748.400.955</b>

6.5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	14.492.019.313	10.423.269.564
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	113.336.160	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.944.357	-
Trích lập/Hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư	(9.509.607.989)	4.996.073.964
<b>Cộng</b>	<b>5.102.691.841</b>	<b>15.419.343.528</b>

6.6 . THU NHẬP KHÁC	Năm nay	Năm trước
- Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	120.454.536
- Tiền lãi chậm thanh toán	-	1.861.519.815
- Phân bổ cước vỏ bình gas	6.703.961.474	6.402.167.151
- Các khoản khác	66.946.920	-
<b>Cộng</b>	<b>6.770.908.394</b>	<b>8.384.141.502</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>6.7 . CHI PHÍ KHÁC</b>		
- Chi phí cước vỏ bình	6.972.728.385	
- Các khoản khác	30.782.395	38.110.487
<b>Cộng</b>	<b>7.003.510.780</b>	<b>38.110.487</b>
<b>6.8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</b>		
<b>a) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>7.133.966.125</b>	<b>6.487.183.614</b>
Chi phí nhân viên	3.512.605.664	3.156.542.305
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì, vật liệu quản lý	15.874.036	274.763.607
Chi phí khấu hao tài sản cố định	490.380.611	504.830.889
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.212.308.065	1.252.078.549
Chi phí bằng tiền khác	902.797.749	1.298.968.264
<b>b) Các chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>28.809.272.074</b>	<b>26.578.588.877</b>
Chi phí nhân viên	1.424.540.050	1.189.800.817
Chi phí phân bổ vỏ bình, thương hiệu	17.966.829.063	18.908.266.720
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.517.531.124	2.179.004.589
Chi phí bảo hành	-	1.787.528.783
Chi phí bán hàng khác	7.900.371.837	2.513.987.968
<b>6.9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.383.678.722	1.442.021.912
Chi phí nhân công	6.330.990.464	5.545.012.002
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.432.505.030	3.122.485.382
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.626.998.859	22.450.035.633
Chi phí bằng tiền khác	8.803.169.586	3.812.956.232
<b>Cộng</b>	<b>43.577.342.661</b>	<b>36.372.511.161</b>
<b>6.10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	45.946.059.258	35.051.485.349
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.004.830.746	38.110.487
+ Chi phí không được trừ	7.004.830.746	38.110.487
Tổng thu nhập chịu thuế	52.950.890.004	35.089.595.836
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	10.590.178.001	7.017.919.167

**7 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

	Năm nay
<b>1. Số tiền đi vay thực thu trong năm</b>	
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	555.506.167.692
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	
<b>2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm</b>	
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	511.484.857.255
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

**8 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**8.1 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh, công bố hay thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng này.

**8.2 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ**

(1) Công ty mua thêm 6.250.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Dầu khí V- Gas (sau đây gọi tắt là V-Gas) tương ứng với 125.000.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Ngọc Lê theo Nghị quyết số 01/10/2018/NQ - HĐQT ngày 12/10/2018 của Hội đồng Quản trị Công ty. Tổng số cổ phần đã mua đến 31/12/2018 của Công ty vào V-Gas là 19.250.000 Cổ phần, chiếm 85,56%.

(2) Công ty góp thêm 82.000.000.000 đồng tại Công ty TNHH Gas Miền Trung (nay là Công ty Cổ phần Gas Miền Trung) theo Nghị quyết số 01/05/2018 ngày 03/05/2018 của Hội đồng Quản trị Công ty. Ngày 10/11/2018 Công ty mua thêm 4.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Gas Miền Trung. Tổng số cổ phần đã mua tính đến 31/12/2018 của Công ty vào Công ty Cổ phần Gas Miền Trung là 16.900.000 Cổ phần, chiếm 93,89%.

(3) Công ty chuyển nhượng toàn bộ 9.950.000 cổ phần tương đương 99.500.000.000 đồng tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Việt Thái theo Nghị quyết số 01/3/2018/NQ-HĐQT-PMG ngày 28/03/2018 của Hội đồng Quản trị Công ty.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

## 8.3. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Chính yếu)

Năm nay	CHỈ TIÊU	HUẾ	BÌNH ĐỊNH	QUẢNG NAM	QUẢNG TRỊ	TỔNG CỘNG
	Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ	33.418.980.900	42.004.211.249	682.224.241.041	78.568.136.405	836.215.569.595
	Các khoản giảm trừ doanh thu	710.920.001	-	40.909.091	34.574.545	786.403.637
	Giá vốn hàng bán	30.553.712.034	40.606.450.874	617.126.863.323	74.565.145.078	762.852.171.309
	Lợi nhuận gộp	2.154.348.865	1.397.760.375	65.056.468.627	3.968.416.782	72.576.994.649
	Tổng tài sản					833.503.365.745
	Nợ phải trả					406.962.891.155
	<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản có định và các tài sản dài hạn khác</b>					<b>73.932.470.311</b>
	<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>					<b>15.219.098.905</b>

Năm trước

CHỈ TIÊU	BÌNH ĐỊNH	QUẢNG NAM	QUẢNG TRỊ	TỔNG CỘNG
Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ	35.550.454.645	453.075.128.924	91.355.359.916	579.980.943.485
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	226.212.682	840.161.814	1.066.374.496
Giá vốn hàng bán	34.128.999.537	385.811.360.987	87.532.039.067	507.472.399.591
Lợi nhuận gộp	1.421.455.108	67.037.555.255	2.983.159.035	71.442.169.398
Tổng tài sản				703.725.934.752
Nợ phải trả				312.541.341.419
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản có định và các tài sản dài hạn khác</b>				<b>94.555.411.418</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>				<b>3.122.485.382</b>

## Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Thứ yếu)

- Hoạt động kinh doanh chủ yếu của công ty là bán buôn nhiên liệu rắn lỏng khí, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể ( dưới 10%) trong tổng doanh thu, tài sản và kết quả kinh doanh. Do đó, công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

## 8.4. Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

## (i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

## Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. (Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

## Rủi ro về ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

## (ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

## Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

## Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

## (iii) Rủi ro thanh khoản

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**Mẫu số B 09 - DN**

Đơn vị tính: VND

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
<b>Ngày 31/12/2018</b>	<b>53.444.843.202</b>	<b>444.042.389.183</b>	<b>497.487.232.385</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.823.728.641		16.823.728.641
Phải thu khách hàng	35.850.225.472	-	35.850.225.472
Đầu tư	-	433.750.000.000	433.750.000.000
Phải thu khác	770.889.089	10.292.389.183	11.063.278.272
Tài sản tài chính khác			
<b>Trừ:</b>	<b>-</b>	<b>(4.921.970.389)</b>	<b>(4.921.970.389)</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(4.921.970.389)	(4.921.970.389)
<b>Tổng cộng</b>	<b>53.444.843.202</b>	<b>439.120.418.794</b>	<b>502.409.202.774</b>
<b>Ngày 31/12/2018</b>			
Các khoản vay và nợ	197.233.212.000	20.974.422.000	218.207.634.000
Phải trả người bán	96.007.998.517	741.300.000	96.749.298.517
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	50.000.000	53.400.028.920	53.450.028.920
<b>Tổng cộng</b>	<b>293.291.210.517</b>	<b>75.115.750.920</b>	<b>368.406.961.437</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(239.846.367.315)</b>	<b>364.004.667.874</b>	<b>134.002.241.337</b>
	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
<b>Ngày 01/01/2018</b>	<b>105.426.638.111</b>	<b>307.236.818.848</b>	<b>412.663.456.959</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.003.778.987		13.003.778.987
Phải thu khách hàng	91.709.160.124	-	91.709.160.124
Đầu tư	-	286.250.000.000	286.250.000.000
Phải thu khác	713.699.000	20.986.818.848	21.700.517.848
Tài sản tài chính khác			
<b>Trừ:</b>	<b>-</b>	<b>(14.399.187.609)</b>	<b>(14.399.187.609)</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(14.399.187.609)	(14.399.187.609)
<b>Tổng cộng</b>	<b>105.426.638.111</b>	<b>292.837.631.239</b>	<b>427.062.644.568</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**Mẫu số B 09 - DN**

Đơn vị tính: VND

**Ngày 01/01/2018**

Các khoản vay và nợ	150.001.625.563	24.184.698.000	174.186.323.563
Phải trả người bán	62.843.176.216	-	62.843.176.216
	16.301.649	63.890.969.239	63.907.270.888
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả			
<b>Tổng cộng</b>	<b>212.861.103.428</b>	<b>88.075.667.239</b>	<b>300.936.770.667</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(107.434.465.317)</b>	<b>204.761.964.000</b>	<b>126.125.873.901</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		Đơn vị tính: VND
	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018	
<b>Tài sản tài chính</b>					
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	
Các khoản cho vay	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-	
Phải thu khách hàng và phải thu khác	46.913.503.744	113.409.677.972	46.913.503.744	113.409.677.972	
Tài sản tài chính khác	-	-	-	-	
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	428.828.029.611	271.850.812.391	(*)	(*)	
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.823.728.641	13.003.778.987	16.823.728.641	13.003.778.987	
<b>Tổng cộng</b>	<b>500.565.261.996</b>	<b>398.264.269.350</b>	<b>(*)</b>	<b>(*)</b>	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Vay và nợ	218.207.634.000	174.186.323.563	218.207.634.000	174.186.323.563	
Phải trả người bán	96.749.298.517	62.843.176.216	96.749.298.517	62.843.176.216	
Phải trả khác	53.450.028.920	63.907.270.888	53.450.028.920	53.450.028.920	
<b>Tổng cộng</b>	<b>368.406.961.437</b>	<b>300.936.770.667</b>	<b>368.406.961.437</b>	<b>290.479.528.699</b>	

(\*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cho mục đích thuyết minh.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2018 và ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

8.5 . Thông tin về các bên liên quan

a) Các bên liên quan

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Bà Nguyễn Thị Bích Thuý	Cổ đông, thành viên lãnh đạo chủ chốt
Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	Công ty con
Công ty Cổ phần Dầu khí V- Gas	Công ty con
Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung	Công ty con của Công ty Cổ phần Gas Miền Trung

Giao dịch với các bên liên quan

Ngoài thuyết minh về các bên liên quan đã nêu trên, trong năm tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Đơn vị tính: VND Giá trị
Bà Nguyễn Thị Bích Thuý	Thu lãi cho vay Thu tiền vay	182.218.000 36.790.000.000
Công ty Cổ phần Dầu khí V- Gas, chi nhánh Đức Trọng	Bán hàng	1.593.657.536
Công ty Cổ phần Dầu khí V- Gas, chi nhánh Đông Xuyên	Bán hàng	419.435.567
Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas chi nhánh Phú Mỹ	Mua hàng	16.746.552
Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung	Bán hàng Lãi chậm trả	76.042.330.000 3.511.104.318
Công ty Cổ phần Dầu khí V- Gas	Bán hàng Mua hàng	277.849.368.100 40.000.000.000
Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	Bán hàng Mua hàng	11.035.742.667 360.902.393.070

b) Thu nhập chi trả trong năm cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay VND
Bà Nguyễn Thị Bích Thuý	Tổng Giám đốc	206.400.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>206.400.000</b>

Ngoài ra, các thành viên khác trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc không có thu nhập tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung.

8.6 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

**8.7 . Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính riêng này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

**8.8 . Những thông tin khác**

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.


Quảng Nam, ngày 10 tháng 04 năm 2019

Người lập



Nguyễn Thị Bé

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Linh Thường

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bích Thủy

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT  
PETRO MIỀN TRUNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018  
Kèm theo

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	03 –05
Báo cáo kiểm toán độc lập	06– 07
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	08 – 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11– 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 – 46

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

**1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000462724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 09/05/2007, thay đổi lần thứ 18 ngày 14/09/2018.

Vốn điều lệ của Công ty là 379.498.470.000 đồng (Ba trăm bảy mươi chín tỷ, bốn trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).

**2. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Tiến Lãng	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	Thành viên
Bà Hàn Kiều Minh Phương	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Gia	Phó Tổng giám đốc
Bà Võ Thị Ánh Nguyệt	Phó Tổng giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Trần Thị Kim Huệ	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Lê Thị Hồng Trang	Thành viên
Bà Trần Thị Quyên	Thành viên

**3. Trụ sở**

Công ty có trụ sở tại : Lô 04, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Công ty có công ty con như sau:

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Dầu khí V- Gas	85,56%	Số 1A/8 đường Châu Văn Long, KP Long Diêm, phường Long Bình Tân, thành phố Biển Hoà, tỉnh Đồng Nai
2	Công ty Cổ phần Gas Miền Trung (*)	93,89%	Lô số 6, KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
3	Công ty TNHH Trung Nam	65%	Số 8G khu phố II, phường Hiệp Thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
4	Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung (**)	93,89%	Khu Công nghiệp Hậu cần cảng Tam Hiệp, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam

(\*) Công ty TNHH Gas Miền Trung chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 06/11/2018.

(\*\*) Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung là Công ty con của Công ty Cổ phần Gas Miền Trung, tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Gas Miền Trung tại Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung là 100%.

**4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 31/12/2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**6. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty.

**7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**8. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Quảng Nam, ngày 10 tháng 04 năm 2019

TM. Ban Tổng giám đốc  
Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bích Thùy

Số: 52/2019/BCKT-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2019

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018  
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung Việt Nam được lập ngày 10 tháng 04 năm 2019, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 08 đến trang 46 kèm theo.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung vào ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam****Dương Thị Thảo**

Phó Tổng giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0162-2018-242-1

**Nguyễn Thị Huế**

Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2943-2018-242-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01 – DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>307.458.395.731</b>	<b>271.670.499.341</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>36.576.431.751</b>	<b>32.628.439.242</b>
1. Tiền	111		36.576.431.751	32.628.439.242
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>212.057.414.006</b>	<b>178.222.716.950</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	154.235.041.876	138.313.514.746
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	36.868.303.004	38.200.028.176
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	10.600.000.000	-
4. Các khoản phải thu khác	136	5.5	12.027.055.398	3.164.645.000
5. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.6	(1.672.986.272)	(1.455.470.972)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.4</b>	<b>13.547.914.165</b>	<b>34.268.535.845</b>
1. Hàng tồn kho	141		13.547.914.165	34.268.535.845
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>45.276.635.809</b>	<b>26.550.807.304</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	4.230.555.557	1.862.442.283
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		40.271.098.158	24.610.979.017
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	774.982.094	77.386.004
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.011.312.405.115</b>	<b>1.006.506.795.826</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>13.504.500.000</b>	<b>61.473.763.254</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	13.504.500.000	61.473.763.254
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>274.093.983.905</b>	<b>207.770.893.622</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	274.093.983.905	207.293.620.888
- Nguyên giá	222		358.845.149.470	277.947.480.489
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(84.751.165.565)	(70.653.859.601)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	477.272.734
- Nguyên giá	228		4.636.363.636	4.636.363.636
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.636.363.636)	(4.159.090.902)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.11</b>	<b>94.327.181.818</b>	<b>94.327.181.818</b>
- Nguyên giá	231		94.327.181.818	94.327.181.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>307.876.498.483</b>	<b>165.642.817.102</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	307.876.498.483	165.642.817.102
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>137.000.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.13	-	137.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>321.510.240.909</b>	<b>340.292.140.030</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	312.808.880.723	330.694.409.559
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		289.237.409	155.224.666
3. Lợi thế thương mại	269	5.8	8.412.122.777	9.442.505.805
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.318.770.800.846</b>	<b>1.278.177.295.167</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu số B 01 – DN/HN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>843.657.991.496</b>	<b>773.251.993.661</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>632.721.833.310</b>	<b>522.270.791.319</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	132.176.656.556	169.622.409.282
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	5.764.058.223	9.068.015.542
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	19.810.386.835	6.777.825.024
4. Phải trả người lao động	314		689.049.734	656.221.624
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	214.208.947
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	2.116.943.450	6.215.069.825
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	472.149.323.000	329.701.625.563
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		15.415.512	15.415.512
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>210.936.158.186</b>	<b>250.981.202.342</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331	5.14	40.000.000	77.299.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	101.820.421.308	108.951.384.806
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	108.091.342.800	59.388.515.800
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		984.394.078	5.342.301.736
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>475.112.809.350</b>	<b>504.925.301.506</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.19</b>	<b>475.112.809.350</b>	<b>504.925.301.506</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		379.498.470.000	330.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		379.498.470.000	330.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	421		44.330.089.692	81.124.435.941
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(33.655.331.581)	32.283.290.231
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		77.985.421.273	48.841.145.710
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	5.20	51.284.249.658	93.800.865.565
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.318.770.800.846</b>	<b>1.278.177.295.167</b>

Quảng Nam, ngày 10 tháng 4 năm 2019

Người lập

Nguyễn Thị Bé

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Linh Thường

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bích Thủy

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Mẫu số B 02 – DN/HN  
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>6.1</b>	<b>1.258.561.038.209</b>	<b>919.620.002.905</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	47.225.149.954	39.896.421.626
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>1.211.335.888.255</b>	<b>879.723.581.279</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>6.3</b>	<b>1.006.484.568.533</b>	<b>727.110.771.712</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>204.851.319.722</b>	<b>152.612.809.567</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	22.174.623.499	18.362.791.862
7. Chi phí tài chính	22	6.5	33.655.025.844	25.470.989.565
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		33.453.161.846	25.399.701.525
8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	1.512.466.841
9. Chi phí bán hàng	25	6.8	82.415.078.022	73.927.617.361
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	31.229.059.410	24.466.574.439
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>79.726.779.945</b>	<b>48.622.886.905</b>
12. Thu nhập khác	31	6.6	34.896.612.692	12.231.850.081
13. Chi phí khác	32	6.7	10.787.192.951	2.591.452.346
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>24.109.419.741</b>	<b>9.640.397.735</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>103.836.199.686</b>	<b>58.263.284.640</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	21.140.611.740	10.900.432.626
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.11	(4.491.920.401)	843.990.127
<b>18. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>87.187.508.347</b>	<b>46.518.861.887</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		77.985.421.776	48.841.187.255
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		9.202.086.571	(2.322.325.368)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		2.261,88	1.480,04

Quảng Nam, ngày 10 tháng 4 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bé

Nguyễn Thị Linh Thường

Nguyễn Thị Bích Thùy



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Theo phương pháp gián tiếp

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Mẫu số B 03 – DN/HN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Đơn vị tính: VND Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>103.836.199.686</b>	<b>58.263.284.640</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		23.631.372.736	17.869.414.262
- Các khoản dự phòng	03		158.221.087	1.100.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			(133.161.960)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(33.877.583.500)	(10.682.992.233)
- Chi phí lãi vay	06		33.453.161.846	25.399.701.525
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>127.201.371.855</b>	<b>90.717.346.234</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		16.084.617.137	45.643.858.429
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		20.720.621.680	(11.491.302.955)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(128.769.193.613)	(22.578.356.405)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		16.547.798.590	(37.578.961.223)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(33.453.161.846)	(25.399.701.525)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.624.024.328)	(12.080.446.977)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(503)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>9.708.028.972</b>	<b>27.232.435.578</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(241.596.155.774)	(145.855.694.609)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		29.095.262.358	200.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.600.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	277.575.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(125.000.000.000)	(237.449.702.096)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		150.700.000.000	36.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		490.332.516	18.321.134.840
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(196.910.560.900)</b>	<b>(51.209.261.865)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Theo phương pháp gián tiếp

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Mẫu số B 03 – DN/HN

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.419.589.282.942	915.808.298.219
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.228.438.758.505)	(890.552.182.266)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>191.150.524.437</b>	<b>25.256.115.953</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>3.947.992.509</b>	<b>1.279.289.666</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		32.628.439.242	31.349.149.576
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>36.576.431.751</b>	<b>32.628.439.242</b>


Quảng Nam, ngày 10 tháng 4 năm 2019

Người lập



Nguyễn Thị Bé

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Linh Thương

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bích Thùy

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09– DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000462724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 09/05/2007, thay đổi lần thứ 18 ngày 14/09/2018.

Vốn điều lệ của Công ty là 379.498.470.000 đồng (Ba trăm bảy mươi chín tỷ, bốn trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng)

**Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan khác.

**Ngành nghề kinh doanh**

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. *Chi tiết: kinh doanh, xuất nhập khẩu khí đốt hóa lỏng LPG (bao gồm bán LPG cho xe bồn, xe ô tô, xe máy, LPG chai lớn và chai nhỏ), CNG, xăng, dầu, dầu nhờn, chi tiết nạp gas chai lớn, chai mini, xe ô tô và xe bồn. Kinh doanh vỏ bình gas, bếp gas và các phụ kiện liên quan;*
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn đồ uống chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

**Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có các chi nhánh sau:

STT	Chi nhánh	Địa bàn
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Đà Lạt	Tỉnh Lâm Đồng
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung, chi nhánh Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Quảng Trị	Tỉnh Quảng Trị
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Bình Định	Tỉnh Bình Định
5	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam
6	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Thừa Thiên Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế

Công ty có các Công ty con như sau:

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Dầu khí V- Gas	85,56%	Số 1A/8 đường Châu Văn Lồng, KP Long Điền phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
2	Công ty Cổ phần Gas Miền Trung (*)	93,89%	Lô số 6, KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
3	Công ty TNHH Trung Nam	65%	Số 8G khu phố II, phường Hiệp Thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
4	Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung (**)	93,89%	Khu Công nghiệp Hậu cần cảng Tam Hiệp, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam

(\*) Công ty TNHH Gas Miền Trung chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Gas Miền Trung theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 06/11/2018.

(\*\*) Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung là Công ty con của Công ty Cổ phần Gas Miền Trung, tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Gas Miền Trung tại Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung là 100%.

Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Không

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**Cơ sở hoạt động liên tục**

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy trước.

**3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 4.2. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được lập nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu về quản lý của Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (Công ty mẹ), Báo cáo tài chính Công ty Cổ phần Dầu khí V - Gas (Công ty con), Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Trung Nam (Công ty con), Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày 01/01/2018 đến ngày 05/11/2018 của Công ty TNHH Gas Miền Trung (Công ty con), Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày 06/11/2018 đến ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Gas Miền Trung (Công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Quyền kiểm soát tồn tại trên cơ sở quyền lực trực tiếp hay gián tiếp, quy định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp để thu được lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh. Báo cáo tài chính của các công ty con sẽ tổng hợp từ ngày sự kiểm soát bắt đầu hiệu lực cho đến ngày kết thúc hiệu lực kiểm soát.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất bao gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

#### 4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

#### 4.4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty

nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

#### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

#### Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

#### 4.5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09- DN/HN

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

#### 4.6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### 4.7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

##### Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09- DN/HN

45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	10 – 25 năm
- Máy móc thiết bị	10 – 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm

##### Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

Thương hiệu sản phẩm	03 năm
----------------------	--------

#### 4.8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí vô hình, chi phí kiểm định vô hình, các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí vô hình, chi phí kiểm định vô hình được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn 10 năm.



#### 4.9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- o Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- o Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).

#### 4.10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### 4.11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

##### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### 4.12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

#### 4.13. Nguyên tắc kế toán Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

#### 4.14. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

#### 4.15. Thuế

##### **Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):**

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm của Công ty sẽ là 10%.

##### **Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):**

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

**Các loại thuế khác:** theo quy định hiện hành của Việt Nam.

#### 4.16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

#### 4.17. Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

##### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### 4.18. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 8.6.

#### 4.19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro, lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

##### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có lĩnh vực kinh doanh chính là: bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10%) trong tổng doanh thu, tài sản và kết quả kinh doanh. Do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

##### Khu vực địa lý:

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu tại miền Trung và miền Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2018	01/01/2018
Tiền mặt	14.581.555.751	15.293.255.588
Tiền gửi ngân hàng	21.994.876.000	17.335.183.654
<b>Cộng</b>	<b>36.576.431.751</b>	<b>32.628.439.242</b>

**5.2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2018	01/01/2018
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>154.235.041.876</b>	<b>138.313.514.746</b>
Công ty TNHH Dầu khí Xanh	3.317.747.435	3.109.299.718
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ An Hiệp Lợi	6.246.092.832	5.965.909.318
Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và cho thuê thiết bị	17.179.477.327	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	127.491.724.282	129.238.305.710
<b>b) Phải thu khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	-	-

**5.3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2018	01/01/2018
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>36.868.303.004</b>	<b>38.200.028.176</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Việt Thái	-	30.000.000.000
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Saiko	30.014.227.000	2.977.776.399
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Dầu khí Bạch Hồ	2.654.278.788	2.330.000.000
Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	4.199.797.216	2.892.251.777
<b>b) Trả trước cho người bán dài hạn</b>	-	-
<b>c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	-	-

**5.4 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	2.030.641.072	-	8.631.920.959	-
Công cụ, dụng cụ	47.380.936	-	30.490.875	-
Chi phí SXKD dở dang	1.027.133.715	-	107.428.607	-
Thành phẩm nhập kho	432.322.842	-	1.054.317.871	-
Hàng hóa	10.010.435.600	-	24.444.377.533	-
<b>Cộng</b>	<b>13.547.914.165</b>	-	<b>34.268.535.845</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

**5.5 . PHẢI THU KHÁC, PHẢI THU VỀ CHO VAY**

**PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>10.600.000.000</b>	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Tú Tú	3.000.000.000	-	-	-
Ông Nguyễn Tiến Dũng	2.600.000.000	-	-	-
Ông Nguyễn Văn Trung	5.000.000.000	-	-	-
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>c) Phải thu khác là các bên liên quan</b>	-	-	-	-

**PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>12.027.055.398</b>	-	<b>3.164.645.000</b>	-
- Phải thu khác	9.612.446.148	-	2.105.386.802	-
- Tạm ứng	1.700.000.000	-	56.607.627	-
- Cảm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	713.699.000	-	713.699.000	-
- Phải trả, phải nộp khác	910.250	-	288.951.571	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>13.504.500.000</b>	-	<b>61.473.763.254</b>	-
- Cảm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	13.504.500.000	-	24.501.545.254	-
+ Công ty TNHH Petronas Việt Nam	-	-	10.745.000.000	-
+ Công ty TNHH Totalgaz Việt Nam	4.067.000.000	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam- chi nhánh Miền Trung	9.437.500.000	-	9.437.500.000	-
+ Đối tượng khác	-	-	4.319.045.254	-
- Phải thu dài hạn khác	-	-	36.972.218.000	-
+ Lãi cho vay bà Nguyễn Thị Bích Thủy	-	-	182.218.000	-
+ Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	-	-	36.790.000.000	-
<b>c) Phải thu khác là các bên liên quan</b>	-	-	<b>36.972.218.000</b>	-
- Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	-	-	36.972.218.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

**5.6 . NỢ XẤU**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Các khoản phải thu ngắn hạn				
+ Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam - CN Lâm Đồng	742.837.437	-	742.837.437	(742.837.437)
+ Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam - Trung Nam	158.221.087	-	(158.221.087)	-
+ Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam	771.927.748	-	(771.927.748)	(712.633.535)
<b>Cộng</b>	<b>1.672.986.272</b>	<b>-</b>	<b>1.455.470.972</b>	<b>(1.455.470.972)</b>

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

**5.7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

**a) Ngắn hạn**

Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ  
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng  
Chi phí bảo hiểm  
Chi phí sơn sửa vỏ bình  
Các khoản khác

**b) Dài hạn**

Chi phí Công cụ dụng cụ xuất dùng  
Chi phí kiểm định vỏ bình  
Chi phí mua thương hiệu  
Chi phí vỏ bình phân bổ  
Chi phí bảo dưỡng vỏ bình  
Vỏ bình gia công  
Tiền thuê đất  
Các khoản khác

**Cộng**

	31/12/2018	01/01/2018
<b>4.230.555.557</b>	<b>4.230.555.557</b>	<b>1.862.442.283</b>
-	-	-
711.980.385	711.980.385	143.152.863
82.083.661	82.083.661	84.389.231
998.611.501	998.611.501	917.062.887
2.437.880.010	2.437.880.010	717.837.302
<b>312.808.880.723</b>	<b>312.808.880.723</b>	<b>330.694.409.559</b>
32.735.320	32.735.320	-
5.092.722.160	5.092.722.160	5.971.901.828
14.242.424.226	14.242.424.226	26.060.606.044
271.548.337.654	271.548.337.654	295.819.275.449
2.691.310.466	2.691.310.466	2.365.038.833
-	-	-
109.090.910	109.090.910	-
19.092.259.987	19.092.259.987	477.587.405
<b>317.039.436.280</b>	<b>317.039.436.280</b>	<b>332.556.851.842</b>

**5.8 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

**Số dư đầu năm**

Phát sinh tăng

Phân bổ vào chi phí trong năm

**Số dư cuối năm**

Chi tiết lợi thế thương mại tại các công ty con

Công ty TNHH Trung Nam

Công ty Cổ phần Dầu khí V Gas

**Cộng**

	Số năm nay
<b>9.442.505.805</b>	<b>9.442.505.805</b>
-	-
-	-
1.030.383.028	1.030.383.028
<b>8.412.122.777</b>	<b>8.412.122.777</b>
-	-
147.249.152	147.249.152
8.264.873.625	8.264.873.625
<b>8.412.122.777</b>	<b>8.412.122.777</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

**5.9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	50.850.991.921	191.835.256.589	34.626.083.408	592.693.571	42.455.000	277.947.480.489
Tăng trong năm	7.379.082.347	86.287.169.182	4.856.014.682		840.208.182	99.362.474.393
- <i>Mua trong năm</i>		93.050.000	4.856.014.682			4.949.064.682
- <i>Đầu tư XDCB hoàn thành</i>	7.379.082.347	86.194.119.182			840.208.182	94.413.409.711
- <i>Tặng khác</i>						
Giảm trong năm		18.426.843.412		37.962.000		18.464.805.412
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>		18.426.843.412		37.962.000		18.426.843.412
- <i>Giảm khác</i>						37.962.000
Số dư cuối năm	58.230.074.268	259.695.582.359	39.482.098.090	554.731.571	882.663.182	358.845.149.470
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	9.805.411.752	47.270.364.527	13.221.856.935	328.394.787	27.831.600	70.653.859.601
Tăng trong năm	2.560.393.600	16.904.623.465	3.628.656.512	57.596.093	2.830.332	23.154.100.002
- <i>Số khấu hao trong năm</i>	2.560.393.600	16.904.623.465	3.628.656.512	57.596.093	2.830.332	23.154.100.002
- <i>Tặng khác</i>						
Giảm trong năm		9.018.832.038		37.962.000		9.056.794.038
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>		9.018.832.038		37.962.000		9.018.832.038
- <i>Giảm khác</i>						37.962.000
Số dư cuối năm	12.365.805.352	55.156.155.954	16.850.513.447	348.028.880	30.661.932	84.751.165.565
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	41.045.580.169	144.564.892.062	21.404.226.473	264.298.784	14.623.400	207.293.620.888
2. Tại ngày cuối năm	45.864.268.916	204.539.426.405	22.631.584.643	206.702.691	852.001.250	274.093.983.905

• Nguyên giá tài sản cố định dùng cảm có thể chấp khoản vay:

184.166.171.110 VND

• Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

14.880.690.024 VND

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất

28

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

**5.10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền bảng sáng chế	Phần mềm kế toán, thiết kế	Nhãn hiệu, tên thương mại	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm					4.636.363.636	4.636.363.636
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- <i>Mua trong năm</i>						
- <i>Tặng do hợp nhất</i>						
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>						
- <i>Giảm khác</i>						
Số dư cuối năm	-	-	-	-	4.636.363.636	4.636.363.636
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm					4.159.090.902	4.159.090.902
Tăng trong năm	-	-	-	-	477.272.734	477.272.734
- <i>Số khấu hao trong năm</i>					477.272.734	477.272.734
- <i>Tặng do hợp nhất</i>						
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>						
- <i>Giảm khác</i>						
Số dư cuối năm	-	-	-	-	4.636.363.636	4.636.363.636
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	477.272.734	477.272.734
2. Tại ngày cuối năm	-	-	-	-	477.272.734	477.272.734

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất

29

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

**5.11 . TĂNG GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Bất động sản đầu tư, nắm giữ chờ tăng giá</b>				
Nguyên giá	94.327.181.818	-	-	94.327.181.818
Quyền sử dụng đất	89.200.704.545			89.200.704.545
Nhà	5.126.477.273			5.126.477.273
Tồn thất do suy giảm giá trị				-
<b>Quyền sử dụng đất</b>				
Nhà				
Giá trị còn lại	94.327.181.818	-	-	94.327.181.818
Quyền sử dụng đất	89.200.704.545			89.200.704.545
Nhà	5.126.477.273			5.126.477.273

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất và nhà ở tại 68-74-76 Lê Duẩn, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

**5.12 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2018	01/01/2018
Mua sắm	10.016.330.236	-
+ Mua xe Romooc	81.818.182	-
+ Mua bồn gas LPG	9.934.512.054	-
Xây dựng cơ bản dở dang	297.860.168.247	165.642.817.102
+ Dự án kho chứa chiết nạp Gas (*)	297.860.168.247	165.469.048.054
+ Dự án Xây dựng chi nhánh tại Huế	-	173.769.048
<b>Cộng</b>	<b>307.876.498.483</b>	<b>165.642.817.102</b>

(\*) Chi phí đầu tư xây dựng dự án kho chứa chiết nạp Gas tại Khu công nghiệp hậu cần cảng Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 33321000130 cấp lần đầu ngày 10/04/2015, thay đổi lần thứ nhất ngày 16/11/2015. Tổng mức đầu tư của dự án là 200 tỷ đồng, thời hạn hoạt động của dự án là 50 năm kể từ ngày 10/04/2015. Ngày 30/07/2016, chủ tịch Hội đồng thành viên đã phê duyệt tổng mức đầu tư mới là 349.039.000.000 đồng.

Trong quá trình đầu tư xây dựng, có phát sinh thêm phần tuyển ông đầu nối từ Cảng Trường Hải về đến kho chứa của Công ty (ngoài dự toán của Công ty). Ngày 30/06/2018, Công ty đã có Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư với Ban quản lý kinh tế mở Chu Lai về tình hình nêu trên của dự án.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

**5.13 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
a) Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Việt Thái	-	-	-	-
			137.000.000.000	(*)
			137.000.000.000	(*)

(\*) Xem Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất số 8.4 IV - Giá trị hợp lý

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN  
Đơn vị tính: VND

**5.14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>132.176.656.556</b>	<b>132.176.656.556</b>	<b>169.622.409.282</b>	<b>169.622.409.282</b>
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam - CN Miền Đông	58.083.995.687	58.083.995.687	138.363.878.719	138.363.878.719
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam - CN Miền Trung	5.752.952.645	5.752.952.645	7.983.586.182	7.983.586.182
Chi nhánh Tổng CTKVN Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản Phẩm Khí	66.511.494.584	66.511.494.584	20.541.790.551	20.541.790.551
Phải trả cho các đối tượng khác	1.828.213.640	1.828.213.640	2.733.153.830	2.733.153.830
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	<b>40.000.000</b>	<b>40.000.000</b>	<b>77.299.000.000</b>	<b>77.299.000.000</b>
Taizhou City Hualian Foreign trade Co.,Ltd	-	-	77.299.000.000	77.299.000.000
Công ty TNHH Dầu khí xanh	40.000.000	40.000.000	-	-
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>d) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**5.15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>5.764.058.223</b>	<b>5.764.058.223</b>	<b>9.068.015.542</b>	<b>9.068.015.542</b>
Công ty TNHH Tân Nhà Việt	-	-	4.724.117.503	4.724.117.503
Công ty TNHH MTV Kinh Doanh Vinh Quang	-	-	2.035.022.000	2.035.022.000
KNHC ENGINEERING Co., Ltd	2.613.233.663	2.613.233.663	6.583.777	6.583.777
Công ty CP TM VGAS	1.765.000.000	1.765.000.000	706.369.863	706.369.863
Đối tượng khác	1.385.824.560	1.385.824.560	1.595.922.399	1.595.922.399
<b>b) Người mua trả tiền trước dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

**5.16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm
<b>a) Phải nộp</b>	<b>6.777.825.024</b>	<b>27.492.246.008</b>	<b>14.459.684.197</b>	<b>19.810.386.835</b>
Thuế GTGT	249.320.535	4.373.747.952	4.020.743.363	602.325.124
Thuế TNDN	6.527.617.088	21.250.512.800	8.624.024.328	19.154.105.560
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.489.222.675	1.489.222.675	-
Thuế TNCN	887.401	54.860.119	1.791.369	53.956.151
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Tiền thuế đất	-	7.686.393	7.686.393	-
Các loại thuế khác	-	316.216.069	316.216.069	-
Các khoản phí, lệ phí	-	-	-	-
Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>6.777.825.024</b>	<b>27.492.246.008</b>	<b>14.459.684.197</b>	<b>19.810.386.835</b>
<b>b) Phải thu</b>	<b>Đầu năm</b>	<b>Số phải thu trong năm</b>	<b>Số đã thu trong năm</b>	<b>Cuối năm</b>
Thuế GTGT	2.450.305	789.857.250	314.018.250	478.289.305
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.865.345.175	1.638.755.175	226.590.000
Thuế TNDN	1.155.810	-	1.155.810	-
Thuế TNCN	73.779.889	-	3.677.100	70.102.789
<b>Cộng</b>	<b>77.386.004</b>	<b>2.655.202.425</b>	<b>1.957.606.335</b>	<b>774.982.094</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**5.17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2018	01/01/2018
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>2.116.943.450</b>	<b>6.215.069.825</b>
Kinh phí công đoàn	43.019.886	30.454.526
Bảo hiểm xã hội	4.653.754	904.016
Bảo hiểm y tế	-	-
Phải trả, phải nộp khác	2.069.269.810	6.180.774.921
Phải thu khác	-	2.936.362
<b>b) Dài hạn</b>	<b>101.820.421.308</b>	<b>108.951.384.806</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	101.820.421.308	108.951.384.806
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất là một bộ phận không thể tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

**5.18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN  
Đơn vị tính: VND  
01/01/2018

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>472.149.323.000</b>	<b>472.149.323.000</b>	<b>1.367.979.391.942</b>	<b>1.225.531.694.505</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - chi nhánh Hội An (1)	301.808.111.000	301.808.111.000	979.508.494.444	876.130.383.444
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - chi nhánh Quảng Nam (2)	100.440.000.000	100.440.000.000	266.420.000.000	245.780.000.000
- Ngân hàng TMCP Á Châu - chi nhánh Quảng Nam (3)	-	-	9.449.685.498	11.803.987.061
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Đà Nẵng (4)	18.100.000.000	18.100.000.000	60.800.000.000	64.530.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hội An (5)	43.808.000.000	43.808.000.000	43.808.000.000	20.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Quảng Nam (6)	7.993.212.000	7.993.212.000	7.993.212.000	7.287.324.000
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>108.091.342.800</b>	<b>108.091.342.800</b>	<b>115.155.103.000</b>	<b>66.452.276.000</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hội An (5)	87.116.920.800	87.116.920.800	108.675.103.000	55.712.000.000
- Ngân hàng TMCP Á Châu - chi nhánh Quảng Nam (6)	18.044.422.000	18.044.422.000	2.500.000.000	8.640.276.000
- Ông Nguyễn Tiến Dũng (7)	-	-	-	1.050.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam (8)	2.930.000.000	2.930.000.000	3.980.000.000	1.050.000.000
<b>Cộng</b>	<b>580.240.665.800</b>	<b>580.240.665.800</b>	<b>1.483.134.494.942</b>	<b>1.291.983.970.505</b>
			<b>389.090.141.363</b>	<b>389.090.141.363</b>

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

**5.18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

(1): Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Hội An bao gồm các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/1786362/HĐTD ngày 19/06/2018 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hội An. Hạn mức cho vay 200.000.000.000 VND. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày cấp hạn mức Hợp đồng này. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh, bảo lãnh, mở LC. Lãi suất cho vay: Xác định trong từng HĐTD cụ thể theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp được quy định tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2018/1786362/HĐBĐ ký ngày 19/06/2018.

- Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hội An theo hợp đồng vay số 0106/2018/6497890/HĐTD ngày 17/08/2018, khoản vay nhằm mục đích chuyển trả tiền mua hàng, bổ sung vốn lưu động cho công ty, lãi suất cố định theo từng kế ước cho vay. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo hợp đồng Thế chấp bất động sản số 02/2016/6497890/HĐBĐ và theo hợp đồng Thế chấp bất động sản 03/2016/6497890/HĐBĐ là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của Công ty.

- Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hội An theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 01/2018/590188/HĐTD ký ngày 10/04/2018 theo đó: Hạn mức cho vay tối đa là 250.000.000.000 VND gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng theo từng thời kỳ. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng đến hết ngày 30/04/2019. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Tài sản đảm bảo bao gồm toàn bộ số dư tài khoản tiền bằng VND và ngoại tệ của bên Vay tại Ngân hàng và tại các Tổ chức tín dụng khác, doanh thu bán hàng của bên vay và các nguồn thu hợp pháp khác của Bên vay và các Hợp đồng bảo đảm tiền vay riêng được thực hiện thủ tục công chứng/ chứng thực và đăng ký giao dịch theo quy định của pháp luật.

(2): Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Quảng Nam bao gồm các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 6500H1/18007/NHNT ngày 11/01/2018 ký với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam. Hạn mức cho vay: 50.000.000.000 VND. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng. Thời hạn cho vay tối đa là 6 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn. Lãi suất cho vay: được quy định theo từng giấy nhận nợ từng lần rút vốn, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng nhà xưởng, công trình gắn liền với đất và dây chuyền máy móc theo theo 3 Hợp đồng thế chấp sau: (01) HĐ thế chấp số 006/2011/VCB.QNA ngày 05/01/2011 và BBĐG tài sản số 031/BBĐG ngày 10/04/2017; (02) HĐ thế chấp số 007/2011/VCB.QNA ngày 05/01/2011 và BBĐG tài sản số 032/BBĐG ngày 10/04/2017; (03) HĐ thế chấp tài sản gắn liền với đất số 018/2016/VCB.QNA ngày 18/03/2016 thế chấp tài sản của bên thứ 3 bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của ông Nguyễn Tiến Lăng và bà Nguyễn Thị Bích Thủy tại 351 Phan Châu Trinh, p. Bình Hiên, q. Hải Châu, tp Đà Nẵng

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 65/2018/VCB-GMT ngày 13/06/2018 ký với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Quảng Nam. Hạn mức cho vay 13 tỷ đồng. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng. Mục đích vay: Vay vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Lãi suất cho vay thả nổi và được ghi trên giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn và cố định trong suốt thời gian vay. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn 087/2016/VCB.QNA ngày 30/08/2016 của bên thứ ba;

- Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 6500H1/18012/NHNT ngày 01/03/2018 theo đó: Hạn mức cho vay tối đa là 50.000.000.000 VND. Mục đích sử dụng khoản vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ theo hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng. Thời hạn vay theo Giấy nhận nợ từng lần nhưng tối đa không quá 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba là ông Nguyễn Tiến Lăng và bà Nguyễn Thị Bích Thủy theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 125/2012/VCB.Qna ngày 21/03/2012, giá trị tài sản đảm bảo 8.669.553.300 VND và Hợp đồng thế chấp tài sản số 59/2017/VCB.Qna ngày 24/11/2017, giá trị tài sản đảm bảo 11.362.500.000 VND.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

**5.18 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp)**

(3): - Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số TAK.DN.542.220317 ngày 10/03/2017 với Ngân hàng TMCP Á Châu, hạn mức cho vay 5.000.000.000 VND. Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số TAK.DN.565.220317 ngày 28/03/2017 với Ngân hàng TMCP Á Châu. Hạn mức thấu chi 5.000.000.000 VND. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn hiệu lực hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký. Lãi suất thấu chi: 7%/năm. Thời hạn cho vay được ghi trên mỗi khế ước nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng kể từ ngày kế tiếp của ngày giải ngân. Lãi suất cho vay: được quy định trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng xe đầu kéo, xe tải các loại, vỏ bình gas và tài sản của bên thứ 3 là bất động sản 139 Triệu Nữ Vương, P. Hải Châu 2, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng của ông Nguyễn Tiến Lăng và bà Nguyễn Thị Bích Thủy theo hợp đồng thế chấp số TAK.BDDN.79.080217.

(4): - Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017-HĐTDHM/NHCT480- PETRO MIỀN TRUNG ký ngày 25/12/2017 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng. Hạn mức cho vay tối đa 30.000.000.000 VND. Thời hạn cấp hạn mức: Từ ngày 25/12/2017 đến ngày 20/12/2018. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh. Thời hạn cho vay: Tối đa không quá 6 tháng đối với từng khoản nợ. Lãi suất cho vay: Xác định trong HĐTD cụ thể theo từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo của khoản vay quy định tại 2 Hợp đồng bảo đảm là Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 01/2017/HĐCC/CN480-NGUYEN THI BICH THUY ngày 11/07/2017 và Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 02/2017/HĐCC/CN480-NGUYEN THI BICH THUY ngày 24/07/2017.

(5): Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Hội An theo các hợp đồng sau:

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hội An, theo hợp đồng vay số 01/2015/6497890/HĐTD ngày 12/02/2015 với số tiền 100.000.000.000 VND với mục đích thanh toán cho việc nhận chuyển nhượng dự án nhà máy sản xuất vỏ bình gas và chiết nạp gas từ Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên và chịu lãi suất thả nổi và theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được quy định theo từng khế ước nhận vay. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của dự án nhận chuyển nhượng các nhà máy sản xuất vỏ bình Gas và nạp chiết gas của Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam theo hợp đồng thế chấp Bất Động Sản hình thành trong tương lai số 01/2015/6497890/HĐTC ngày 12/02/2015 và hợp đồng thế chấp bất động sản và quyền sử dụng tài sản số 02/2015/6497890/HĐTC ngày 12/02/2015;

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hội An theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 01/2016/590188/HĐTD ký ngày 15/04/2016 theo đó: Số tiền cho vay là 119.000.000.000 VND. Mục đích vay để đầu tư Dự án kho chứa - chiết nạp ga tại Khu công nghiệp Tam Hiệp, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Thời hạn vay là 72 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vay đầu tiên. Thời gian ân hạn cho khoản vay là 12 tháng. Tài sản bảo đảm: Thế chấp tài sản hình thành trong tương lai của Dự án đầu tư kho chứa - chiết nạp ga tại Khu công nghiệp Tam Hiệp, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam và một số biện pháp đảm bảo khác được quy định trong Hợp đồng.

(6): - Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số TAK.DN.552.220317 ngày 28/03/2017 với Ngân hàng TMCP Á Châu. Hạn mức cho vay là 40.000.000.000 VND. Mục đích vay: bổ sung vốn hỗ trợ tài chính. Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày nhận tiền vay. Lãi suất cho vay: được quy định trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng xe đầu kéo, xe tải các loại, vỏ bình gas và tài sản của bên thứ ba là bất động sản tại 139 Triệu Nữ Vương, P. Hải Châu 2, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng của ông Nguyễn Tiến Lăng và Nguyễn Thị Bích Thủy theo hợp đồng thế chấp số TAK. BDDN.79.080217.

(7): - Khoản vay cá nhân mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay là 0%/năm, khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(8): - Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 6500J1/18008/NHNT ký ngày 16/01/2018 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay. Số tiền cho vay tối đa là 15.000.000.000 VND. Mục đích vay: Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng và bù đắp vốn tự có đã sử dụng để thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy tồn trữ và chiết nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG). Biện pháp đảm bảo tiền vay là nhà xưởng, công trình xây dựng, dây chuyền MMTB, quyền sử dụng đất và các tài sản hình thành trong tương lai được xác định tại các Hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng và Công ty, tổng giá trị tài sản thế chấp bằng 58.358.200.907 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

**5.19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Số dư đầu năm trước	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng	Đơn vị tính: VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	330.000.000.000	-	-	73.943.412.767	32.283.290.231	436.226.702.998	
Tăng vốn năm trước				92.179.132.919		92.179.132.919	
Lãi trong năm trước				(2.322.325.368)	48.841.187.255	46.518.861.887	
Tăng khác				69.999.352.113		69.999.352.113	
Giảm do thoái vốn				2.640	41.545	44.185	
Giảm khác				93.800.865.565	81.124.435.941	504.925.301.506	
<b>Số dư cuối năm trước</b>	330.000.000.000	-	-	8.000.000.000	81.124.435.941	504.925.301.506	
Tăng vốn trong năm	49.498.470.000			9.202.086.571	77.985.421.776	87.187.508.347	
Lãi trong năm							
Tăng do thoái vốn trong năm							
Tăng khác				18.619.201		18.619.201	
Giảm trong năm				59.737.321.678	114.761.148.322	174.498.470.000	
Giảm khác				1	18.619.703	18.619.704	
<b>Số dư cuối năm</b>	379.498.470.000	-	-	51.284.249.658	44.330.089.692	475.112.809.350	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

**5.19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2018	01/01/2018
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	379.498.470.000	330.000.000.000
<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>			
		Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
- Vốn góp đầu năm		330.000.000.000	330.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm (*)		49.498.470.000	-
- Vốn góp giảm trong năm		-	-
- Vốn góp cuối năm		379.498.470.000	330.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia			

(\*) Theo nghị quyết số 01A/2018/NQ-ĐHCD ngày 18/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Miền Trung và được Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận theo Quyết định số 328/QĐ- SGDHCN ngày 24/08/2018

d) Cổ phiếu	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.949.847	33.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.949.847	33.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	37.949.847	33.000.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 đồng	10.000 đồng

**5.20 . LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT**

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	14.357.684.734	4.005.436.846
Công ty TNHH Trung Nam	5.335.816.698	5.250.541.288
Công ty Cổ phần Dầu khí V Gas	31.590.748.225	84.544.887.431
<b>Cộng</b>	<b>51.284.249.658</b>	<b>93.800.865.565</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

**6 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

6.1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Năm nay	Năm trước
a) Doanh thu	<b>1.258.561.038.209</b>	<b>919.620.002.905</b>
Doanh thu bán hàng	1.249.748.594.092	905.817.887.515
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.812.444.117	13.802.115.390
b) Doanh thu đối với các bên liên quan	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.258.561.038.209</b>	<b>919.620.002.905</b>
6.2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	46.756.920.366	39.896.421.626
Giảm giá hàng bán	468.229.588	-
<b>Cộng</b>	<b>47.225.149.954</b>	<b>39.896.421.626</b>
6.3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng đã bán	997.879.079.838	722.359.359.509
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.605.488.695	4.751.412.203
<b>Cộng</b>	<b>1.006.484.568.533</b>	<b>727.110.771.712</b>
6.4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay	490.332.516	10.355.709.553
Lãi bán các khoản đầu tư	13.700.000.000	7.706.176.279
Lãi chênh lệch tỷ giá	144.958.488	204.450.000
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	7.839.332.495	96.456.030
Doanh thu tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>22.174.623.499</b>	<b>18.362.791.862</b>
6.5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	33.453.161.846	25.399.701.525
Lỗ chênh lệch tỷ giá	201.863.998	71.288.040
Các khoản ghi giảm chi phí tài chính	-	-
<b>Cộng</b>	<b>33.655.025.844</b>	<b>25.470.989.565</b>
6.6 . THU NHẬP KHÁC	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	19.687.250.984	120.454.536
Lãi chậm thanh toán	-	1.028.107.952
Phân bổ cực vớ bình gas	13.816.524.064	10.291.191.575
Các khoản khác	1.392.837.644	792.096.018
<b>Cộng</b>	<b>34.896.612.692</b>	<b>12.231.850.081</b>
6.7 . CHI PHÍ KHÁC	Năm nay	Năm trước
Chi phí trả vớ bình Gas	7.407.632.520	-
Các khoản khác	3.379.560.431	2.591.452.346
<b>Cộng</b>	<b>10.787.192.951</b>	<b>2.591.452.346</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

**Mẫu số B 09 - DN**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>6.8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</b>		
<b>a) Chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>82.415.078.022</b>	<b>73.927.617.361</b>
Chi phí nhân viên	9.476.977.331	8.797.245.337
Chi phí phân bổ vô hình, công cụ dụng cụ	49.099.848.156	34.024.280.752
Chi phí NVL, bao bì, vật liệu quản lý		
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.489.369.349	3.747.637.027
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.720.426.548	-
Chi phí bảo hành		
Chi phí bán hàng khác	4.628.456.638	27.358.454.245
<b>b) Các chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>31.229.059.410</b>	<b>24.466.574.439</b>
Chi phí nhân viên	11.048.667.133	9.883.560.538
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì, vật liệu quản lý	240.532.617	661.936.543
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.493.690.004	3.063.561.940
Chi phí bảo lãnh	1.612.255.161	1.460.311.758
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.351.423.091	1.584.447.838
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	11.482.491.404	7.812.755.822
<b>Cộng</b>	<b>113.644.137.432</b>	<b>98.394.191.800</b>
<b>6.9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	41.210.782.447	27.832.550.005
Chi phí nhân công	26.141.740.823	23.190.442.538
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.983.375.575	21.532.743.492
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.233.049.358	39.658.603.122
Thuế, phí, lệ phí	44.000	
Chi phí dự phòng	59.294.213	
Chi phí khác	19.994.438.779	12.503.140.081
<b>Cộng</b>	<b>145.622.725.195</b>	<b>124.717.479.238</b>
<b>6.10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	21.140.611.740	10.900.432.626
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>21.140.611.740</b>	<b>10.900.432.626</b>
<b>6.11 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(4.491.920.401)	843.990.127
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>(4.491.920.401)</b>	<b>843.990.127</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

**Mẫu số B 09 - DN**

Đơn vị tính: VND

**6.12 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty	77.985.421.776	48.841.187.255
Lợi nhuận để tính lãi trên cổ phiếu	77.985.421.776	48.841.187.255
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	34.478.173	33.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.261,88</b>	<b>1.480,04</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường  
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác

**Năm nay**  
1.419.589.282.942

**2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường  
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác

**Năm nay**  
1.228.438.758.505

**8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****8.2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN  
Đơn vị tính: VND**8.3. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Chính yếu)

Năm nay

CHỈ TIÊU	MIỀN TRUNG	MIỀN NAM	TỔNG CỘNG
Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ	802.666.567.951	455.894.470.258	1.258.561.038.209
Các khoản giảm trừ doanh thu	7.879.367.876	39.345.782.078	47.225.149.954
Giá vốn hàng bán	639.634.917.928	366.849.650.605	1.006.484.568.533
Lợi nhuận gộp	155.152.282.147	49.699.037.575	204.851.319.722
Tổng tài sản			1.318.770.800.846
Nợ phải trả			843.657.991.496
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>			<b>241.596.155.774</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>			<b>47.568.767.067</b>

Năm trước

CHỈ TIÊU	MIỀN TRUNG	MIỀN NAM	TỔNG CỘNG
Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ	768.223.645.844	151.396.357.061	919.620.002.905
Các khoản giảm trừ doanh thu	5.780.239.042	34.116.182.584	39.896.421.626
Giá vốn hàng bán	625.077.019.917	102.033.751.795	727.110.771.712
Lợi nhuận gộp	137.366.386.885	15.246.422.682	152.612.809.567
Tổng tài sản			1.278.177.295.167
Nợ phải trả			773.251.993.661
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>			<b>145.855.694.609</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>			<b>22.169.107.128</b>

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Thứ yếu)

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10%) trong tổng doanh thu, tài sản và kết quả kinh doanh. Do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất

42

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

**8.4. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

## (i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. (Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Rủi ro về ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

## (ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

## (iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất là một bộ phận không thể tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất

43

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
<b>Ngày 31/12/2018</b>	<b>213.438.529.025</b>	<b>13.504.500.000</b>	<b>226.943.029.025</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.576.431.751	-	36.576.431.751
Phải thu khách hàng	154.235.041.876	-	154.235.041.876
Phải thu về cho vay	10.600.000.000	-	10.600.000.000
Phải thu khác	12.027.055.398	13.504.500.000	25.531.555.398
Trừ:	(1.672.986.272)	-	(1.672.986.272)
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.672.986.272)	-	(1.672.986.272)
<b>Tổng cộng</b>	<b>211.765.542.753</b>	<b>13.504.500.000</b>	<b>225.270.042.753</b>
Các khoản vay và nợ	472.149.323.000	108.091.342.800	580.240.665.800
Phải trả người bán	132.176.656.556	40.000.000	132.216.656.556
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	2.116.943.450	101.820.421.308	103.937.364.758
<b>Tổng cộng</b>	<b>606.442.923.006</b>	<b>209.951.764.108</b>	<b>816.394.687.114</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(394.677.380.253)</b>	<b>(196.447.264.108)</b>	<b>(591.124.644.361)</b>

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
<b>Ngày 01/01/2018</b>	<b>174.106.598.988</b>	<b>198.473.763.254</b>	<b>372.580.362.242</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.628.439.242	-	32.628.439.242
Phải thu khách hàng	138.313.514.746	-	138.313.514.746
Đầu tư	-	137.000.000.000	137.000.000.000
Phải thu khác	3.164.645.000	61.473.763.254	64.638.408.254
Trừ:	(1.455.470.972)	-	(1.455.470.972)
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.455.470.972)	-	(1.455.470.972)
<b>Tổng cộng</b>	<b>172.651.128.016</b>	<b>198.473.763.254</b>	<b>371.124.891.270</b>
Các khoản vay và nợ	329.701.625.563	59.388.515.800	389.090.141.363
Phải trả người bán	169.622.409.282	77.299.000.000	246.921.409.282
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	6.429.278.772	108.951.384.806	115.380.663.578
<b>Tổng cộng</b>	<b>505.753.313.617</b>	<b>245.638.900.606</b>	<b>751.392.214.223</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(333.102.185.601)</b>	<b>(47.165.137.352)</b>	<b>(380.267.322.953)</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

**(iv) Giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ bằng giá gốc trừ các khoản dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	178.093.611.002	201.278.936.728	178.093.611.002	201.496.452.028
Phải thu về cho vay	10.600.000.000	-	10.600.000.000	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	137.000.000.000	(*)	(*)
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.576.431.751	32.628.439.242	36.576.431.751	32.628.439.242
<b>Tổng cộng</b>	<b>225.270.042.753</b>	<b>370.907.375.970</b>	<b>(*)</b>	<b>(*)</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	580.240.665.800	389.090.141.363	580.240.665.800	389.090.141.363
Phải trả người bán	132.216.656.556	246.921.409.282	132.216.656.556	246.921.409.282
Phải trả khác	103.937.364.758	115.166.454.631	103.937.364.758	115.166.454.631
<b>Tổng cộng</b>	<b>816.394.687.114</b>	<b>751.178.005.276</b>	<b>816.394.687.114</b>	<b>751.178.005.276</b>

(\*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cho mục đích thuyết minh.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2018 và ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

**8.6 . Thông tin về các bên liên quan**

**a) Các bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Cổ đông, thành viên lãnh đạo chủ chốt

**Giao dịch với các bên liên quan**

Ngoài thuyết minh về các bên liên quan đã nêu trên, trong năm tài chính các giao dịch của Công ty với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Giá trị
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Thu lãi cho vay	182.218.000
	Thu tiền vay	36.790.000.000

**b) Thu nhập trong năm cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay
Nguyễn Thị Bích Thủy	Tổng Giám đốc	206.400.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>206.400.000</b>

Ngoài ra, các thành viên khác trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc không có thu nhập tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung.

**8.7 . Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán.

**8.8 . Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

**8.9 . Những thông tin khác**

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bé

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Linh Thường

Quảng Nam, ngày 10 tháng 4 năm 2019

Tổng Giám đốc  
  
 Nguyễn Thị Bích Thủy

The image features a dark, monochromatic scene with silhouettes of an offshore oil rig and other industrial structures. The rig is the central focus, with its complex framework of pipes, platforms, and cranes clearly visible against a dark background. In the background, there are rolling hills or mountains, also in silhouette. The overall atmosphere is industrial and somewhat somber due to the dark color palette.

**Cảm ơn vì  
sự quan tâm**

## **Công ty cổ phần đầu tư & sản xuất Petro Miền Trung**

a - Lô số 4, Khu Công nghiệp Điện Nam -  
Điện Ngọc, Phường Điện Nam Bắc,  
Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam

p - +(84)(235) 394 7233

e - petromientrung@gmail.com

w - <http://petrocenter.com.vn>